

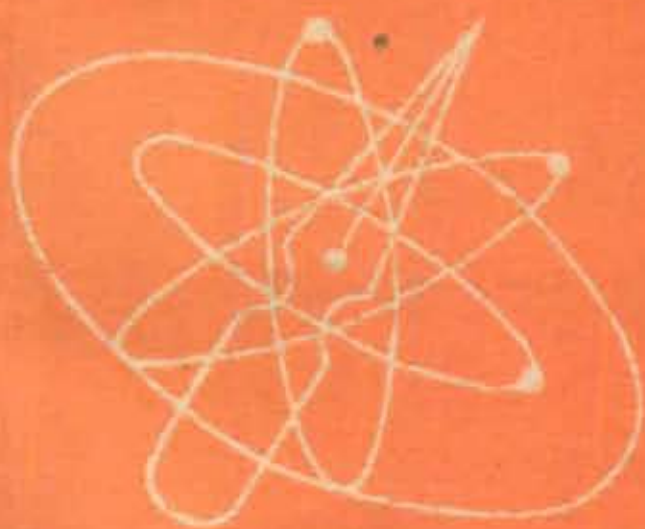
NĂM THỨ 7 — NGÀY 1-6-63

BACH KHOA

trong số này

TIÊU DÂN Ấn-Độ trước thế cờ độc của Bắc-Kinh • PHẠM TRỌNG NHÂN nhà ngoại giao Phan-Thanh-Giản • ĐÔNG HỒ nên kiểm điểm khi nhận tác giả những bài thơ xưa • CÔ LIÊU ai là Adam • TRẦN VĂN KHÊ lá thư Thụy-Sĩ • TÚY HỒNG niềm tin mong manh • TRĂNG THIÊN những chặng đường quan trọng của văn học Liên-xô hiện đại • ĐÌNH HOÀNG SA khi ánh đèn vụt tắt • TRẦN ĐẠI LỜI thú • ĐỖ TẤN khóc một thằng học trò • ĐOÀN THÊM hòa âm 21 • NGUYỄN MINH HOÀNG gian nhà của Matriona • NGHIỆM PHÚ PHI — TÔN THẮT TIẾT trả lời cuộc phỏng vấn về âm nhạc • ĐẶNG TIẾN đọc « Công danh » của Dương-Nghiêm-Mậu • **SINH HOẠT :** tâm hồn dân bà qua thi ca • bên lề cuộc triển lãm hội họa mùa Xuân Quý Mão (Nguyễn-Ngu-Í thuật) •

154



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÊ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LỖY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MƠI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 68s

BÁCH

KHOA trong số này

Số 154 ngày 1.6.63

TIÊU-DẪN Ấn-Độ trước thế cờ độc của Bắc-Kinh	3
PHẠM-TRỌNG-NHÂN nhà ngoại giao Phan-Thanh-Giản	11
ĐÔNG-HỒ nên kiểm điểm khi nhận tác giả những bài thơ xưa	23
CÔ-LIÊU ai là Adam ?	31
TRẦN-VĂN-KHÊ lá thư Thụy-Sĩ	35
TÚY-HỒNG niềm tin mong manh (truyện ngắn)	47
TRÀNG-THIÊN những chặng đường quan trọng của văn học Liên-xô hiện đại	55
ĐÌNH-HOÀNG-SA khi ánh đèn vụt tắt (thơ)	68
TRẦN-ĐẠI lời thú (thơ)	69
ĐỖ-TẤN khóc một thằng học trò (thơ)	70
ĐOÀN-THÊM hòa âm 21 (thơ)	72
NGUYỄN-MINH-HOÀNG (dịch Alexandre Soljenitsyne) gian nhà của Matriona	74
NGHIÊM-PHÚ-PHI — TÔN-THẮT-TIỆT trả lời cuộc phỏng vấn giới nhạc-sĩ	89
ĐẶNG-TIẾN đọc « Cưng Dành » của Dương-Nghiêm-Mậu	99
NGUYỄN-NGU-Í (thuyết) tâm hồn đàn bà qua thi ca (buổi nói chuyện của bà Quỳ-Hương) — Bên lề cuộc triển lãm hội họa mùa xuân Quý-Mão.	107
	111

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Vấn đề kỳ thị chủng tộc tại Huế-Kỳ và vụ Alabama</i>	TIÊU-DÂN
<i>Ý niệm về Thề : các kiểu và các vẻ đẹp Heidegger và ý nghĩa con người</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Mẹ nhân tạo</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Vấn đề phân loại các chế độ chính trị trên thế giới ngày nay</i>	CÔ-LIỆU
<i>Vấn đề Giải-thoát trong Nguyên-thủy và Đại-thừa Phật giáo</i>	VIỆT-ANH
<i>Một khi hoàng cung lâm bệnh</i>	THANH-THUYỀN
<i>Vài nét về một số nhà văn hiện đại của Châu-Mỹ La-Tinh</i>	BỬU-KẾ
<i>Có công mài... sét</i>	TRĂNG-THIÊN
<i>Kinh nghiệm đời văn (Call it experience) dịch Cadwell</i>	NGUYỄN-HỮU-NGUYỄN
<i>Người bẻ ghi (truyện dịch Mỹ-Latinh)</i>	PHONG-GIAO
<i>Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện ngắn)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Về dàu (truyện dài)</i>	VŨ-HẠNH
<i>Đôi chim bồ câu (truyện ngắn)</i>	VÕ-PHIẾN
<i>Con đường đi xuống (truyện ngắn)</i>	VÕ-HỒNG
<i>Con muỗi đêm nay (truyện ngắn)</i>	LÊ-TẮT-ĐIỀU
	Y-UYÊN

Ấn-Độ trước thế cờ độc của Bắc-Kinh

HƠN năm tháng rồi, tiếng súng đã im tại miền Bắc Ấn. Cuộc rút lui ngoạn mục và không ai đợi chờ của quân-đội Trung-Cộng, sau cuộc tấn công mãnh liệt và qui mô của họ, làm cho người ta bắn khoăn nhiều hơn vui mừng trong tình hình « trở lại bình thường ». Ai cũng hiểu rằng cuộc tranh chấp Ấn-Độ — Trung-Cộng có thể tái phát bất cứ lúc nào ; ít ra, nó sẽ không được giải quyết chóng vánh mặc dù Bắc-Kinh đã đơn-phương chấm dứt cuộc xung đột vũ - trang. Cho nên trong giai đoạn có thể gọi là hưu chiến này, người ta nhìn về Ấn-Độ, đầy cảm tình nhưng cũng không kém bắn khoăn.

Bắc-Kinh tạm ngừng tay trong giai đoạn này hay đã bỏ hẳn ý định tấn công bằng mọi hình thức ? Bởi không ai tin có trường hợp sau nên người

ta tự hỏi Ấn-Độ đang làm gì trong thời gian này để sẵn sàng ứng phó với mọi tình thế biến chuyển.

Một mùa xuân buồn

Chính phủ Tân-Đề-Li đang gánh một trách nhiệm hết sức nặng nề : xây dựng một tương lai cho một khối người đông hơn dân số của Nam Mỹ và Phi-Châu cộng lại. Xét về mặt này, vấn đề Ấn-Độ có thể được xem là gần một nửa vấn đề « thế giới chậm tiến ». Ấn-Độ còn là một quốc-gia từ mười mấy năm nay tiến hành một công cuộc kiến - thiết theo kế hoạch, đại qui - mô, và tiến hành theo tinh thần dân chủ, đường lối thuyết-phục. Trên bình diện này, công cuộc kiến-thiết ấy có ý nghĩa một thí nghiệm phương-thức dân-chủ trọng đại nhất ở thế giới hiện thời.

ẤN-ĐỘ TRƯỚC THẺ CỜ ĐỘC CỦA BẮC-KINH

Bên cạnh con sư-tử Trung-Cộng bùng bùng tinh thần chiến đấu Cộng-Sản, trong thẻ lùi cũng như trong « bước nhảy vọt », con rùa không lồ Ấn-Độ nặng nề, chậm chạp nhưng bình tĩnh bò lên. Sự tiến bộ của Ấn-độ trong mười ba năm kiên-thiết có kế hoạch thật là chậm — lắm lúc đến bực mình — nhưng ý-nghĩa của mỗi bước tiến làm vui lòng mọi người trong hàng ngũ thế giới tự-do.

Tuy nhiên mùa xuân năm 1963 này, bước tiến của Ấn-Độ bỗng ngập ngừng. Xứ sở của thánh Cam Địa biểu lộ một vài triệu chứng có lẽ hoang-mang, mất phương hướng nhiều hơn là thu mình để lấy đà tiến mạnh.

Ấn-Độ đã bước vào vòng tranh chấp vũ trang với Trung-Cộng trong khi hoàn toàn thiếu chuẩn bị để ứng phó với cuộc thử thách lớn lao này. Thắng lợi quân sự của Bắc-Kinh chứng minh rằng Ấn-Độ yếu ớt về khả năng tự-vệ, rằng chính phủ Nehru đã nuôi quá nhiều ảo vọng trong chính trị đối ngoại. Thắng lợi ấy đã làm tổn thương khá nhiều uy tín của Ấn-Độ ở Á-Châu và bên ngoài Á-Châu. Người ta lo lắng ghi nhận một sự trạng : giải pháp dân chủ được thí nghiệm ở Ấn-Độ mất đi một phần tính chất hấp dẫn đối với các quốc gia chậm tiến khác ở Đông-Nam-Á trong cuộc tranh chấp gay go và toàn diện giữa hai ý thức hệ thời lễ tất nhiên ảnh hưởng của Bắc-Kinh thay vào phần ảnh hưởng Tân-Đế-Li mất đi.

Cuộc tranh chấp Ấn-Trung lại xảy ra đúng vào lúc Ấn-Độ đang gặp những khó khăn nghiêm trọng trong công cuộc thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ ba.

Mấy vấn đề cấp thời

Ấn-Độ đã bỏ vào kế hoạch năm năm lần thứ ba một số vốn ước lượng trước sau là ba mươi lăm và sáu mươi lăm tỷ quan. Sản lượng nông phẩm tăng tiến đều và kỹ nghệ còn tiến triển nhanh hơn canh nông.

Kế hoạch năm năm lần thứ hai (1961-1966) đã bước vào năm thứ hai. Nhà cầm quyền Tân-Đế-Li gởi vào đây nhiều hoài bão càng lớn lao hơn nữa. Người ta trù liệu đầu tư thêm cho kế hoạch năm năm lần này một số vốn không lồ là một trăm tỷ quan và dự tính thực hiện những tiến bộ mau chóng trên mọi lãnh vực kinh tế quốc gia.

Nhưng hiện thời các nhà kinh tế đều thừa nhận rằng có những khu vực sinh hoạt kinh tế bị tắc nghẽn. Trong khi ấy thì mỗi năm, theo mức độ hiện thời, dân số tăng lên ngoài mười triệu người.

Mặc khác, người ta nhớ rằng trong một quốc gia chậm tiến, sự tiến bộ về kinh tế diễn ra gần như sự tiến bước của một người leo núi, mang nặng. Khi chưa tới đích, đang thời kỳ leo trèo, thì người này phải nhờ đến những bàn tay mạnh mẽ và thân ái thúc đẩy, đỡ nâng. Sức thúc đẩy mà Ấn-Độ cần cho nền kinh tế kế hoạch

hóa của mình là ngoại tệ. Từ năm 1957, Ấn-Độ càng ngày càng cần ngoại tệ. Để thực hiện kế hoạch năm năm kỳ này, Ấn phải nhờ nước ngoài viện trợ đến một phần ba số vốn đầu tư trù liệu, nghĩa là ba mươi lăm tỷ quan.

Đã phải nhờ ngoại viện, người ta vẫn không thể xây dựng kinh tế cho kịp với đà phát triển của dân số. Bây giờ còn thêm sự cần thiết cấp bách là sửa soạn đương đầu lâu dài với Trung Cộng. Lẽ tất nhiên nền kinh tế của Ấn-Độ phải chịu ảnh hưởng nặng nề.

Người ta cho rằng chính phủ Tân-Đế-Li phải tăng thuế để lấp những lỗ hổng lớn trong ngân sách. Theo dự án ngân sách mới của chính phủ, sự đóng góp của dân chúng Ấn-Độ sẽ tăng lên ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Ngay tài khoản dành cho công cuộc quốc phòng đã được tăng quá mức gấp đôi, chiếm gần nửa ngân sách.

Trong khi ấy thì — theo báo Economist ở Luân-Đôn — « Chính phủ Ấn-Độ không có trù liệu một biện pháp mới nào cả để đánh thuế vào thiếu sò giàu có của Ấn-Độ ». Mức sống của dân chúng, đã thấp, rồi đây sẽ khôn cùng vì gánh nặng của các sắc thuế trực thu và gián thu. Giá các vật phẩm cần yếu — kể cả dầu lửa — sẽ tăng vọt. Hàng triệu con người xưa nay được miễn thuế vì không đủ sức đóng thuế, sẽ phải tìm mọi cách đóng thuế. Và đối với đại khối dân chúng xưa nay sống với lợi tức không được ba chục quan mỗi tháng thì sự nhảy vọt lên của thị trường

nhu phẩm sẽ tai hại vô cùng. Có lẽ đối với họ tình hình xà phòng, thuốc hút, trà, thuốc chữa bệnh lên giá là một đại nạn, còn đáng lo hơn là việc quân thù tàn công ở một nơi xa xôi hàng nghìn cây sô.

Trên đây là những vấn đề đặt ra cho chính phủ và cho nhân dân Ấn trong hiện thời. Những vấn đề này thật ra chỉ là những hình thức biểu hiện của một căn bệnh trầm trọng và rộng sâu hơn.

Một sự chọn lựa khó khăn

Khi nhìn vào nội tình Ấn-Độ, có lẽ như nhà cầm quyền Trung-Cộng lo lắng thì ít mà hân hoan thì nhiều. Công cuộc chuẩn bị về quân sự của Ấn-Độ là tất nhiên phải làm cho Bắc-Kinh bận tâm. Nếu chiến tranh tái phát thì lần này hẳn là họ không thể trù liệu tranh thủ được những thắng lợi dễ dàng và ngoại mục. Tuy nhiên, nhà cầm quyền Trung-Cộng vui nhiều hơn lo vì được chứng kiến ảnh hưởng hành động quân sự của họ đối với nền kinh tế Ấn-Độ. Họ đã đặt Tân-Đế-Li vào một tình thế phải làm một sự chọn lựa khó khăn. Nếu không dành một tài khoản quan trọng vào công cuộc quốc phòng thì Ấn-Độ không đủ sức chống trả với kẻ thù. Nếu trái lại, đổ dốc tiền bạc vào công cuộc quốc phòng thì kinh tế quốc gia Ấn lại bị lay chuyển tận nền tảng. Mà những khu vực kinh tế cần thiết cho công cuộc tăng cường tiềm lực quân sự lại chính là những khu vực biểu lộ triệu chứng bề tắc đang

ĂN-ĐỘ TRƯỚC THỀ CỜ ĐỘC CỦA BẮC-KINH

làm cho các nhà kinh tế Ấn quan tâm. Thúc đẩy các khu vực này hoạt động mạnh, phục vụ đúng chương trình đặt ra thì có thể gây ra ở đó một sự gãy đổ hoàn toàn, vô cùng nguy hại.

Những khó khăn kinh tế hiện thời có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân quan trọng hơn hết nằm trong lãnh vực canh nông; Chính phủ Ấn đã thất bại trong sự cố gắng làm cho canh nông tiến triển mau chóng.

Các nhà kinh tế nhận định rằng đối với nền kinh tế Ấn-Độ, nguy cơ đồ sộ là nạn lạm phát. Và muốn tránh nguy cơ này, Ấn-Độ cần có một nền canh nông phồn thịnh, một khối lượng sản-xuất nông phẩm quan trọng. Sở dĩ như thế là vì cứ trong mười người, dân Ấn, đã có bảy người hoạt động trong địa hạt canh nông. Sự đóng góp của nông dân chiếm gồm một nửa lợi tức quốc gia Ấn.

Nhưng mặc dù chủ yếu là một quốc gia nông nghiệp, Ấn-Độ không đủ điều kiện nuôi một dân số phát triển quá nhanh, gia tăng mỗi năm hàng chục triệu. Hoa-Kỳ đã giúp cho Ấn những số lượng nông phẩm lớn lao nhưng vẫn không đủ, do đây nhà cầm quyền phải chi dụng một số ngoại tệ vốn đã ít ỏi vào cuộc nhập cảng ngũ cốc nuôi dân chúng.

Và nơi đây, một lần nữa, người ta thấy chính phủ Ấn phải làm một sự chọn lựa khó khăn.

Hoặc chính phủ chi dụng một số ngoại tệ nhiều hơn vào việc nhập cảng

thực phẩm. Như thế thì không còn vốn để phát triển kinh-tế.

Hoặc chính phủ giữ ngoại tệ để phục vụ mục phiếu phát triển kinh-tế. Như thế thì hàng bao nhiêu triệu con người sẽ thiếu ăn và đi dần dần tới cảnh túng đói.

Từ năm 1955 đến năm 1961, sức sản-xuất ngũ cốc thường niên được từ sáu mươi lăm đến bảy mươi lăm triệu tấn. Kể ra thì vừa đủ để có sự điều hòa giữa sự tăng gia sản xuất và sự tăng gia nhân khẩu. Nhưng khối lượng và năng lực sản xuất ấy dựa vào sự phát triển diện-tích canh-tác. Người ta cày cấy, trồng trọt nhiều đất ruộng hơn chứ không phải người ta cải tiến được phương pháp canh tác, trồng trọt để có sự sản xuất mạnh hơn.

Người ta chú ý đến sự kiện quan trọng này: hiệu suất của người nông dân Ấn không bằng một nửa hiệu suất của người nông dân ở các nước láng giềng Châu Á. Cũng một thửa đất ấy, người nông dân Ấn chỉ làm có một mùa trong khi người nông dân xứ khác làm hai hay ba mùa. Sức sản xuất không lên mà dân số lên, tất nhiên mức ăn phải xuống. Trong tình hình này không có khối lượng nông phẩm tiếp viện nào của Hoa-Kỳ có thể giúp cho nhân dân Ấn khỏi thiếu ăn.

Tuy nhiên muốn có một nhận định rõ hơn về thực trạng và triển vọng của nền canh nông Ấn, người ta còn cần nhìn qua tình hình xã-hội nông-thôn xứ này.

Những cơ-cấu tự ngàn đời

Chính phủ đã cố gắng rất nhiều để đổi thay xã-hội nông-thôn, thổi vào đây một luồng sinh-khí mới, bằng cách ban bố và thực thi nhiều chính sách kinh-tế, xã hội tiên bộ. Nhưng sự thật là tại đây vẫn tồn tại những cơ-cấu kinh-tế, xã-hội có tự nghìn đời. Chính sách cải cách điền địa không đưa lại kết quả mong đợi. Trong làng, xã, kẻ nhà giàu sống bằng nghề cho vay cắt cổ vẫn tiếp tục làm gió, làm mưa. Cho nên khi có một nông dân nhiều thiện chí và sáng kiến, cải tiến được phương pháp canh tác hay cố gắng làm việc hơn, anh vẫn không nhờ đó mà giàu có, khá giả được, mặc dù bán được nhiều hoa mầu hơn trước. Rốt cuộc anh cũng chỉ làm lợi cho kẻ buôn bán đầu cơ, hay kẻ cho vay nặng lãi.

Giữa các nhà soạn thảo và điều khiển kế hoạch kinh tế với xã thôn lại thiếu sự tiếp xúc. Với thành kiến xem thường lao động, các nhà trí thức sống ở thị - thành không nhận thức được sự quan trọng của nông thôn. Họ không thấy vai trò sản xuất của nông dân quan hệ đến quốc gia như thế nào, một phần vì tin rằng nông phẩm do Hoa-Kỳ viện trợ có thể tránh cho Ấn-Độ một tình hình thiếu hụt trầm trọng. Do sự thiếu sót về nhận thức như thế, người ta đã « bỏ hoang » một lực lượng sản xuất vĩ đại : phần lớn nhân dân Ấn không có công việc làm hoặc làm việc rất ít so với khả năng lao động của họ.

Người ta phải ghi nhận một sự thật : giới có quyền lợi, địa vị ở

nông thôn ngày trước đã chống cự được với mọi cố gắng cải thiện dân sinh, canh tân kinh tế của chính phủ. Quyền lợi của họ không bị sút mẻ, uy thế của họ vẫn còn. Do đây, họ đã làm tê liệt sinh hoạt kinh tế quốc gia từ nền tảng. Tình hình canh nông quả không có gì làm cho người ta hứng khởi. Tình hình kỹ nghệ lại chẳng khả quan hơn bao nhiêu.

Hướng về Hoa-Thịnh-Đốn

Từ mười năm nay nền kỹ nghệ Ấn-Độ hoạt động tương đối tiến triển. Nhưng hai năm gần đây đã có những triệu chứng mệt mỏi. Người ta đã phải đóng cửa một số nhà máy, trong khi các nhà máy khác hoạt động yếu hèn đi vì chính phủ thiếu ngoại tệ để nhập cảng vật liệu và đồ phụ tùng. Các biện pháp hạn chế nhập cảng làm cho tình hình trầm trọng hơn. Kỹ nghệ thép sản xuất được bốn triệu tấn còn xa với mục tiêu ấn định. Nguyên do là sự thiếu thốn cán bộ điều khiển chuyên môn giàu kinh nghiệm. Sự cần thiết phát triển kỹ nghệ quốc phòng rồi đây sẽ thu hút một số lớn chuyên viên và vật liệu. Các khu vực khác của kỹ nghệ đương nhiên sẽ gặp khó khăn nhiều hơn.

Còn vấn đề ngoại tệ... Nhưng Ấn-Độ phải dùng một phần lớn ngoại tệ để trang trải những món nợ cũ. Số ngoại tệ còn lại, người ta phải dùng để nhập cảng những gì cần thiết cho kỹ nghệ quốc phòng.

Thành thử Ấn-Độ phải chọn một trong hai đường : hoặc tăng cường kỹ

ẤN-ĐỘ TRƯỚC THẺ CỜ ĐỘC CỦA BẮC-KINH

nghệ quốc phòng theo nhu cầu tình thế ; trong điều kiện này thì kế hoạch năm năm lần thứ ba phải được xem như bất thành ; hoặc Ấn-Độ phải kêu gọi nước ngoài viện trợ nhiều hơn, rất nhiều hơn nữa. Theo sự dự tính của các chuyên gia, sự viện trợ phải được tăng từ hơn năm tỷ quan — mức hiện thời — đến mười tỷ quan mỗi năm. Đây là những con số kinh khủng. Người ta ngại rằng quốc hội Hoa-Kỳ vốn đang muốn tiết chế viện trợ cho thế giới sẽ không chấp thuận một sự yêu cầu quá lớn lao như thế.

Và người ta còn phải lưu ý đến một vấn đề này nữa : Hoa-Kỳ viện trợ cho Ấn-Độ một phần nào trên tinh thần mong ước Ấn-Độ cùng Hồi-quốc hòa giải với nhau càng sớm càng hay. Và đến đây thì từ phương diện kinh tế, người ta phải nhìn qua phương diện chính trị của vấn đề Ấn-Độ.

Cần một cuộc cánh mạng tinh thần

Khi tấn công Ấn-Độ, Bắc-Kinh không chỉ nhắm vào lợi ích lãnh thổ mà thôi. Nhà cầm quyền Trung-Cộng nhắm gây một đảo lộn lớn lao về kinh tế và chính trị trong nội bộ Ấn ; họ còn muốn đánh đổ địa vị đặc biệt Ấn Độ của trong các quốc gia biên cận Hi-Mã-Lạp-Sơn và tiêu diệt uy tín của Ấn tại Châu-Á.

Hiện thời Trung-Cộng đã nắm giữ con đường chiến lược quan yếu ở Aksai Chin trong vùng Ladakh. Bấy nhiêu đã quá nhiều.

Nhưng ai dám chắc rằng trong một tương lai gần đây họ không có những hành động khởi hân khác ?

Cho nên Ấn-Độ phải sẵn sàng. Ấn-Độ cần nỗ lực tăng cường công cuộc quốc phòng, sửa soạn một sự đương đầu lâu dài với Trung-Cộng.

Nhưng nhu cầu lịch sử này lại gây ra một khủng hoảng mà người ta chưa hiểu Ấn sẽ làm thế nào để giải quyết, thoát ra.

Ấn bị tấn công vào một giai đoạn mà người ta thấy ngoài những khó khăn kinh tế, còn một hiện tượng đáng lo không kém : dân chúng càng ngày bớt tin tưởng ở chế độ và các lãnh tụ cầm quyền từ mười sáu năm nay.

Ông Nehru vẫn là vị lãnh tụ có uy tín nhất trong nước nhưng uy tín của ông không còn có tính cách tuyệt đối, bất khả xâm phạm nữa. Nhân dân kính mến, tin tưởng ông còn nhiều nhưng người ta không còn chấp nhận một cách vô điều kiện những ý-kiến, chủ trương của ông nữa. Những nhiệm vụ chính trị lớn lao của giai-đoạn kiến quốc — sau khi nền độc-lập được thu hồi — ông Nehru và các chiến hữu của ông đã làm tròn. Hiện thời, các lãnh tụ Ấn đang đứng trước những vấn đề mới, những nhiệm-vụ chính-trị mới. Người ta lo rằng ông Nehru không còn đầy đủ khả năng và thẩm quyền giải quyết sự việc mới như ngày nào.

Niềm tin của ông Nehru vào giải pháp thuyết phục dân chủ đã đưa

TIÊU-DÂN

Ấn Độ trong mười sáu năm nay tiến bước từ từ, và tiến trong tinh thần đoàn-kết dân tộc. Nhưng cũng chính niềm tin này, nói một cách khác, sự ghê tởm giải pháp độc tài, đã làm chậm trễ những đổi thay cần yếu. Hạ tầng cơ sở của xã hội Ấn, ở nông thôn, hầu như bất dịch bất di. Trong khi đó thì tình hình mới, những vấn-đề mới, nguy cơ mới, buộc Ấn-Độ phải có những quyết-định, đòi phó mạnh mẽ, tích cực, hiệu quả. Mà thiếu sở trí-thức Ấn hiện thời không tin rằng chế độ này và các lãnh-tự ấy có thể có những quyết-định như thế.

Ấn-Độ nhận sự thách đố của Trung-Cộng có nghĩa là cuộc tranh-chấp liên hệ đến nửa phần nhân loại. Trung-Cộng đề cổ tình hạ nhục Ấn-Độ, chủ yếu vì Ấn tiêu-biểu cho ý niệm và phương pháp dân chủ, trái ngược hẳn ý niệm, phương pháp Cộng-sản.

Thế-giới tự-do dành tất cả cảm-tình cho Ấn-Độ và thầy cần ủng-hộ quốc gia dân chủ này khắc phục những khó khăn nghiêm-trọng hiện-thời.

Về phần Ấn-Độ, người ta nghĩ rằng quốc gia ấy cần sống thích-nghĩ

với thế kỷ hai mươi, cần một sự chuyển mình sâu xa, cần một cuộc cách-mạng tinh thần.

Nếu Ấn-Độ từ bỏ lý-tưởng dân-chủ, thì cuộc thí-nghiệm vĩ-đại nhất của thế-giới tự do hiện-thời không còn ý-nghĩa, nội dung chân chính và vô giá của nó. Nhưng nếu Ấn-Độ tiếp tục khước từ lợi-ích của phương pháp chỉ huy, cưỡng chế, trong một chừng mức hợp lý nào, thì thật khó lòng giải quyết thỏa đáng bao nhiêu vấn-đề trọng đại và cấp bách đã được đặt ra.

Ấn-Độ cần một cuộc cách-mạng tinh thần. Chỉ có tinh thần mới, tích-cực, hiệu-động, cương quyết, mới có thể đem lại một sinh khí mới cho một xã-hội cũ từ nghìn đời và có những vấn đề còn nguyên vẹn. Chỉ với tinh thần mới ông Nehru và đồng bào của ông mới có thể đưa giải pháp dân-chủ đến những thành-quả mong ước vậy.

TIÊU-DÂN

Viết theo các tài liệu của Tibor Mende và Jacques-Jacquet-Francillon.

★ Bạn bè giống như xe tắc xi : lúc giông bão, ta không gặp chiếc nào hết.

P. Bonnet

★ Bạn hãy ăn hai lần ít hơn, cho hai lần nhiều hơn, uống ba lần ít hơn, cười bốn lần nhiều hơn, và bạn sẽ sống lâu không thua Bành-Tô.

Harven Kellog

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

14, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapong, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

NHÀ NGOẠI-GIAO

Phan-Thanh-Giản

PHAN-Thanh-Giản sinh năm 1796, tại làng Tân-Thanh, huyện Vĩnh-Bình, trấn Vĩnh-Thanh, sau đổi là làng Bảo-Thanh, huyện Bảo-An, tỉnh Vĩnh-Long. Ngày nay, những địa-điểm đó mang tên làng Bảo-Thanh, quận Ba-Tri, tỉnh Bến-Tre (Kiến-Hòa).

Ông mất năm 1867 tại Vĩnh-Long, sau khi tuyệt-thực 17 ngày và uống thuốc phiện hòa với dấm thanh, tự kết liễu cuộc đời vì để ba tỉnh miền Tây Nam-Kỳ sa nót vào tay quân Pháp...

Tất cả cuộc sống Phan-Thanh-Giản là một chuỗi đấu tranh không bờ bến; cũng như chính ông là một nhân-vật độc-đáo trong cơn giông tố buổi giao-thời: quân Pháp khởi chiếm miền Nam nước Việt. Ông đương đầu với những thử thách éo-le ngay từ hồi thơ-ấu: và sau, những thời hội lịch-sử hãn-hữu đã dồn ông vào một tình-trạng khắc-nghệt, với

những bài toán bi-thảm về chính-trị đối-nội cũng như đối-ngoại, mà chúng ta được biết.

Dòng họ PHAN-THANH gốc Trung-Hoa, lánh nạn Mãn-Thanh nên phiêu-bạt sang Việt-Nam. Thân-phụ Phan-Thanh-Giản xuất thân là một tiểu công-bộc xứ quê, vì phạm lỗi nên phải gửi lên tỉnh, sống đời khổ-sai quản-thúc. Mặc dầu khi đó mới 12 tuổi, ông nhất quyết đi theo giúp đỡ cha, cùng chia sẻ nỗi chua cay... Đức-tính hiếu-tử của ông truyền tụng đó đây, ai nấy đều khen-ngợi.

Các quan cho vờ trình-diện, và nhận thấy cậu bé thông-minh khác thường, bèn cho phép theo học trường tỉnh, đồng thời hứa nếu ngoan-ngoãn, chăm-chỉ, thì tội của cha sẽ giảm.

Phan-Thanh-Giản đoan quyết sẽ xứng-đáng với đặc-ân kia, và ông đã giữ lời.

Năm 1825, ông thi đậu cử-nhân. Năm sau, đậu tiến-sĩ: đó là vị tiến-sĩ duy-nhất ở Nam-kỳ trúng tuyển kỳ thi Hội. Quyển của ông xuất-sắc đến nỗi vua Minh-Mạng đặc-biệt lưu-ý, và nhà vua thân-chính sát hạch cậu thí sinh siêu-việt này.

Phan-Thanh-Giản được nhà vua trọng dụng, bổ-nhiệm phục vụ tại Kinh. Sau, lần lần ông thăng nhĩ phẩm, giữ những chức Phó Ngự-sử, nhân-viên ~~lịch~~ đồng Cơ-mật, Chủ-tịch Hội-dồng Nghi-lê, Thượng thư Bộ Hình, Thượng thư Bộ Lại, Kinh lược Phó Sứ... là những chức vụ vô cùng quan trọng và tín nhiệm.

Trải qua ba triều vua, (Minh-Mạng, Thiệu-Trí, Tự-Đức), Phan-Thanh-Giản đã nếm đủ mùi vinh nhục. Tuy nhiên, dù oan uổng đến đâu, ông vẫn không hề giận hờn, ta thán. Thấm nhuần triết lý Khổng-Mạnh, Phan-Thanh-Giản trực tính đã có lần bị giáng chức vì không chịu về hòa với một số bạn đồng liêu làm tội một vị công thần. Cũng như ông không ngần ngại can ngăn khi nghĩ rằng nhà vua làm lẫn; về phần nhà vua tự cho là có thiên chức và do đó không thể phạm lỗi, nên Phan-Thanh-Giản bị quở trách nặng nề. Ông bị huyền chức, rồi gửi ra Quảng-Nam nhập đội quân cấm tử.

Ông trầm lặng nhận hình phạt, thật nhẫn nại và cao thượng. Từ bỏ triều phục để mang quân phục, ông luôn luôn tiến hàng đầu, nêu gương dũng cảm và kỷ luật, khiến ai nấy mến cảm. Triều đình hay tin, bèn hạ chiếu cho ông phục hồi chức cũ.

Nhận lệnh trên, ông không vui, cũng như ông đã không buồn. Dù được hiểu

biết hay bị ngộ nhận, dù văn hay võ, thắng hay giáng, ông vẫn một lòng chung thủy. Phần thưởng chánh, đối với ông, có thể ở trong ra, chứ không bắt buộc ở ngoài đưa tới.

Những điều đó — các sử sách đều ghi chép — chúng ta không cần nhắc lại nhiều hơn. Hôm nay, mang gương cũ của người xưa để cùng quan chiêm tụng đọc, thiên khảo cứu đơn sơ này nhằm một khía cạnh khác của bài học lịch sử Phan-Thanh-Giản: ấy là tài năng khẩu khí ngoại giao của Phan-Thanh-Giản, và nhất là người Pháp nghĩ gì về « đối phương » của mình, sau các cuộc đàm phán khiến Phan-Thanh-Giản đã phải mượn « chén tân khổ nhấp ngon mùi chính khí » ?

Năm 1832, dẹp yên giặc ở Quảng-Nam, Phan - Thanh - Giản 36 tuổi được thăng Viên-ngoại Bộ-Hộ, cải-bổ Phủ-Thừa Thừa-Thiên, rồi cử đi sứ sang Tàu.

Nền bang giao Việt-Hoa luôn luôn điều hòa êm đẹp, kể từ đời vua Gia-Long, với các sứ đoàn Trịnh-Hoài-Đức, Lê-Quang Định; và sau này vua Gia-Khánh cử Tổng-Đốc Quảng-Tây sang làm lễ tân-phong.

Phan-Thanh-Giản đi sứ Tàu làm lễ triều kính, không ngoài cái khung cảnh cổ định, với truyền thống lấy văn thơ để giao dịch và đối đáp. Trong mỗi tư-^on^g quan huynh đệ, ngôi thứ trên dưới ỡ-ràng, quyền lợi xóm giềng minh bạch, thành tích của sứ giả là xướng họa văn thi, hầu củng cố tình giao hảo. Và Phan-Thanh-Giản đã làm rạng danh cho xứ sở. Khi về có ghi chép trong tập « Kim - đài

thi tập », mà chúng ta hy vọng sẽ có dịp cùng sưu tầm, thưởng thức. (1)

*
* *

Hoạt động ngoại-giao đáng kể của Phan-Thanh-Giản là đối với Pháp, tại ngay đất Nam-Kỳ lục-tỉnh, và tại Pháp.

Năm 1862, chính-tình Nam-Kỳ trở nên nghiêm trọng : sau 3 năm cầm-cự (từ năm 1859), 3 tỉnh miền Đông, nghĩa là non một phần nửa lãnh thổ Nam-Kỳ, rơi vào tay quân Pháp do Thiếu-tướng Hải-quân Bonard chỉ huy.

Ngoài Bắc, Tạ-Văn-Phụng mạo xưng là Lê-Duy-Minh tức Lê-Phụng dòng-dõi nhà Lê, tự gán sứ-mệnh khôi-phục giang-sơn cũ, mỗi ngày mỗi hoành hành, khiến quan-quân ta thất bại và triều-đình lo ngại. Hơn nữa, còn các giặc khác, tại

(1) Khi đi sứ Pháp năm 1863 về, ông cũng có viết « Sứ-trình nhật-ký ».

Ngoài ra, còn có hai bài thơ nôm (một tứ tuyệt, một bát cú) đáng chúng ta lưu ý, tóm tắt cả « nỗi lòng của nhà ngoại-giao Phan-Thanh-Giản » :

Tự-thán

Từ ngày đi sứ tới Tây-Kinh,
Thấy việc Âu-Châu phải giết mình,
Kêu tình đồng bang mau kịp bước,
Hết lời năn-ni chẳng ai tin !

Và bài :

Tuyệt-cốc

Trời thời, đất lợ, tại người hòa,
Há dễ ngồi coi, phải nói ra.
Lăm trăm ơn vua, đền nợ nước,
Đành cơ m gánh nặng, ruổi đường xa.
Lên ghềnh, xuống thác, thương con trẻ,
Tuyệt biển, trèo non, cảm phận già.
Những tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba...

Tuyên-Quang, Thái-Nguyên, Cao-Bằng : ta có, thổ có, khách có... dân cư lo sợ, luôn luôn phải lẩn tránh, không được an-cư lạc-nghiep !...

Riêng phần Lê-Duy-Minh tức Lê-Phụng còn cho người vào tận Sài-Gòn, điều-đinh thẳng với Thiếu-tướng Bonard yêu cầu gửi quân ra giúp : nếu thành công, sẽ để cho Pháp bảo-hộ ! Ấy là thăm cảnh thường tình, mang người ngoài về đánh người nhà vậy !

Tính ra đất Bắc hỗn-loạn đã 15 năm ; đê Văn-Giang vỡ 18 năm liền ; đã vậy lòng dân còn nhớ tướng tới nhà Lê, nên các vụ rối loạn thường xảy ra, gây khó khăn thiệt hại cho triều-đình Huế.

Muốn hướng toàn quân lực ra Bắc để văn-hồi trật tự, Phan-Thanh-Giản đề-nghị ta nên cầu hòa với Pháp. Vả chăng, tình trạng kiệt quệ, ta sẽ không đủ sức kháng cự nếu hàng ngũ không được chỉnh-đốn lại, hay có thêm phương-tiện. Hơn nữa, giữa hai kẻ địch khi đó, Pháp vẫn đáng e-sợ hơn !

Vua Tự-Đức nhận-chấn thăm-trạng giang-san như toà nhà cháy hai đầu, bèn chấp-thuận, rồi cử Phan-Thanh-Giản cùng với Lâm-Đức-Hiệp vào Sài-gòn hội-nghị.

Thiếu-tướng Bonard gửi tối-hậu-thư. Phái-đoàn ta nhân-nhượng, nhận nộp 100.000 quan tiền để tính vào bồi-thường chiến-tranh sau này. Hội-nghị họp rất êm-ả từ 28-5 tới 3-6-1862, và hoà-ước được ký ngày 5-6-1862 tại Sài-gòn.

(Sau này, với thời-gian, chúng ta biết nếu không sáng-suốt nhãn-nhục, thì quân Pháp có thể đã giúp giặc Lê-duy-Minh tức Lê-Phụng rồi, và đất Bắc đã

mất ngay khi đó ! Hoà-ước ký xong với Pháp, triều-đình thẳng tay tiêu-trừ giặc-giã, và Lê-duy-Minh tức Lê-Phụng bị bắt giải về Huế, chịu tội lăng-trì, phanh thây xé xác...)

Tàu chở phái-đoàn ta tới Sài-gòn, có 40 chiếc thuyền nhỏ tháp-tùng, với 23 khẩu đại-bác, quân-sĩ ăn mặc nghèo-nàn, khiến quan-quân Pháp buồn cười. Nhưng về Phan-Thanh-Giản ai nấy đều kính-nể, công-nhận là thông-minh và cương-trực.

Đức-tính cương trực đó được biểu-hiện ngay trong việc Phan-Thanh-Giản dám đề nghị ta nên cầu hoà với Pháp, chịu nhượng ba tỉnh miền Đông mặc dầu trong số đó có tỉnh Gia định là sinh-quán thân mẫu vua Tự Đức. . . Hơn nữa, Gia định còn là đất nhà Nguyễn dấy nghiệp, và vựa thóc cho miền Nam Trung-Việt.

Hiệp ước (từ nay mang tên là Hiệp-ước Saigon) ký ngày 5 6 1862, giữa một bên là Pháp và I pha-nho, do Thiếu-tướng Pháp Bonard và Đại-tá I-pha-nho Carlos Palanca Gutierrez đại-diện, một bên là Việt-Nam do Phó Ngự-sứ Phan-Thanh-Giản và Binh-Bộ Thượng-thư Lâm-Đức-Hiệp làm Đặc-sứ Toàn-quyền, có những đoạn quan trọng, đau buồn, đáng ghi nhớ như sau :

*
* *

Điều III.— Ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định và Định-Tường (Mỹ-Tho) cũng như đảo Poulo - Condore, nhượng cho Hoàng-đế Pháp. Thương-gia Pháp có thể tự-do thương-mại, thương - thuyền Pháp tự-do di-chuyển, trên sông Cambodge và các sông nhánh. Chiến-thuyền Pháp tự-do tuần phòng di chuyển tại các nơi trên.

Điều IV.— Hiệp ước đã ký-kết : nếu một nước nào muốn chiếm đóng một phần lãnh-thổ An-Nam, dù là bằng cách gây-hấn hay ký hiệp-ước, An - Nam Quốc-Vương sẽ gửi sứ-giả báo tin cho Hoàng-đế Pháp biết, và Hoàng - đế Pháp toàn-quyền quyết định có hay không gửi viện-binh giúp Vương-Quốc An-Nam. Còn trường-hợp nhượng đất được dự-định bằng một hiệp-ước, thì sự nhượng đất này chỉ được chánh-thức thực-hiện sau khi Hoàng-đế Pháp phê-chuẩn.

Điều VIII.— Quốc-Vương An-Nam phải bồi-thường chiến-phí bằng một ngân-khoản là 4 triệu Mỹ-kim, trả làm 10 năm.

100.000 quan tiền đã trả, sẽ được kể trừ vào ngân-khoản trên.

Vương-Quốc An-Nam không có Mỹ-kim; vậy, mỗi Mỹ-kim sẽ tính $72/100$ một quan tiền.

Điều X.— Dân 3 tỉnh Vĩnh - Long, An - Giang (Châu-Đốc) và Hà - Tiên có thể thương-mại với 3 tỉnh Pháp, với điều kiện phải tuân theo lệ-luật. Nhưng các vụ di-chuyển quân-sự (quân-lính, vũ-khí hoặc lương-thực) giữa 3 tỉnh trên và phần đất còn lại của Nam-kỳ, sẽ phải hoàn toàn dùng đường bể.

Tuy-nhiên, Hoàng-đế Pháp cho phép di chuyển quân-sự sang Cambodge bằng ngả Cửa Tiểu, với điều-kiện quan An-Nam phải xin giấy trước. Thủ tục nếu không được tôn trọng, các đoàn quân gặp quả tang sẽ bị cầm giữ và dụng cụ bị tiêu hủy.

*
* *

Hiệp-ước ký xong, tự đại bản doanh Saigon, cùng ngày 5-6-1862, tướng Bonard bèn trình triều-đình Pháp; mặt khác, gửi nhật lệnh khen thưởng quân sĩ. (1)

*
* *

Trong thâm tâm, triều đình Huế coi hiệp ước Saigon như một kế hoạch hữu chiến, hy vọng khi thời cuộc thuận tiện sẽ tìm biện pháp chuộc lại ba tỉnh đã nhượng. Bởi vậy, ngay cuối năm 1862, vua Tự-Đức đã đề cập tới việc tái xét về nội dung hiệp ước.

Đầu năm 1863, Soái phủ Saigon nhận tin hiệp ước được Hoàng-đế Napoléon đệ III phê chuẩn — Thiếu-tướng Bonard bèn

(1) Soldats et Marins !

Le Roi d'Annam a demandé la paix.

Un traité glorieux pour les armes de la France et de l'Espagne vient d'être signé. Tous nos griefs sont redressés ; nos justes prétentions sont accueillies.

En ouvrant aux confins de la Chine une voix nouvelle à la civilisation et au commerce de l'Occident, vous avez réalisé une pensée de l'Empereur.

Avec le concours énergique du corps allié espagnol, vous avez accompli en six mois une conquête dont on n'entrevoyait l'issue que dans un lointain avenir. Au nom de l'Empereur, je vous félicite de votre ardeur et de votre persévérance, et je remercie le corps espagnol de son concours vaillant et loyal.

J'adresse à Sa Majesté le traité de Saigon comme un nouveau témoignage du dévouement de sa marine et de son armée.

Quartier Général, Saigon 5-6-1862.
Le Contre-Amiral Commandant en Chef,
BONARD

nhân cơ hội, lên tiếng yêu cầu vua Tự-Đức tỏ rõ thái độ.

Những cuộc khởi nghĩa tại Nam-Kỳ do triều đình ta ngấm ngấm bảo trợ hay khuyến khích, đều thất bại. Vì vậy, ngày 14-3-1863, vua Tự-Đức đành phải phê chuẩn hiệp ước, trái với trong lòng mong muốn.

Mặc dầu bề ngoài các sứ giả Pháp và I-pha-nho được tiếp đãi nồng hậu long trọng, nhưng bề trong, nhà vua càng tha thiết với ý nghĩ thu hồi ba tỉnh đã mất.

Thiếu tướng Bonard bàn giao cho Thiếu tướng De La Grandière thay thế ngày 8-5-1863. Cuối tháng 6-1863, vua Tự-Đức cử nhà ngoại giao lỗi lạc Phan-Thanh-Giản sang sứ bên Pháp, chánh thức mừng Hoàng-đế Napoléon đệ III và tặng phẩm vật, nhưng thực ra là để chuộc lại ba tỉnh miền Đông.

*
* *

Ngày 21-6-1863, phái đoàn sứ giả của ta gồm có Phó Ngự sử Phan-Thanh-Giản, Tham-Tri Bộ-Lại Phạm-Phú-Thứ, Án sát Ngụy-Khắc-Đản, cùng với 66 nhân viên tháp tùng, từ giã Huế lên đường sang Pháp.

Phái đoàn tới Paris ngày 13 tháng 9 ; được Tổng trưởng Ngoại giao Drouhin de Lhuys tiếp kiến ngày 18 tháng 9, rồi ngày 5 tháng mười một vào chầu Hoàng-đế Napoléon đệ III tại điện Tuileries.

Thiếu-tá Hải quân Rieunier khi đó là « Giám đốc Bản xứ Sự vụ » tại Nam-Kỳ viết nhật ký có đoạn như sau :

« Tôi đã sống gần 4 tháng bên vị chính khách lão thành đáng kính này, và do đó có dịp nhận chân những đức tính của ông,

xét có thể rất ích lợi cho cả hai xứ sở. Ông luôn luôn nghĩ đến tiền đồ Tổ-quốc, tha thiết phụng sự quê hương.

« Chúng tôi nói tới tương lai đất nước của ông, cùng là khả năng dân tộc Việt. Cả quan lẫn dân sẽ có lợi rất nhiều, nếu biết hưởng dụng nền văn hóa Tây phương. Hơn hết thấy các đồng bào của ông, Phan Thanh-Giản công nhận điều đó là đúng. Mỗi lần, ông đều chấm dứt câu chuyện bằng một lời tâm sự : cần phải kiên tâm chờ đợi : cho đến lúc đó, hai dân tộc vẫn có thể thân thiện,.. »

*
* *

Đặt chân lên đất Pháp, Phan-Thanh-Giản đã khéo lợi dụng chính tình địa phương. Dư luận Pháp phản đối viễn chinh, hao người tốn của, mà lợi lộc thì thật mơ hồ viễn vông. Giới kinh tài ta thán về tình hình ngân quỹ chi trội hơn thu ! Đầu năm 1863, sắp tổng tuyển cử, các nhà đương cuộc Pháp thất vọng nhưng vẫn cố gắng thắng bằng cán cân ngân sách. Ngoài ra, còn những chính trị gia có ảnh hưởng (trong số có Trung tá Hải quân Aubaret) quan niệm rằng phong tục tập quán Đông-phương thật sai biệt với Tây - phương, khiến công cuộc chinh phục, bình định, và nhất là tổ chức hành chánh sau này, khó thể thành tựu ! Ấy là chưa nói tới vụ Tổng Trưởng Bộ Hải quân Chasseloup Laubat xung khắc với Thiếu-Tướng Bonard (tuy đã bàn giao cho Thiếu-tướng de La Grandière, nhưng vẫn còn giữ tước-vị Thống-đốc tới ngày 16-10-1863 là ngày Thiếu-tướng de La Grandière được thực-thụ-hóa trong chức-vụ).

Cho đến ngày nay, người ta vẫn chưa hiểu theo nguồn tin nào và do động-lực nào, báo l'Indépendance Belge, nhằm lúc Phan - Thanh - Giản có mặt tại Pháp, đã loan tin vua Tự-Đức thuận trả 85 triệu quan để chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ, và thương-cảng Saigon sẽ tiếp tục do nước Pháp tổ-chức và khai-thác.

Tin đó được phổ-biến trên hết thấy các mặt báo ở Paris... làm Tổng-trưởng Tài-chánh Pháp hân-hoan phần - khởi : ngân-sách Pháp lúc đó lâm tình-trạng hiểm-ngheo, vì vấn-đề viễn-chinh Mexique.

Phan-Thanh-Giản cùng với Trung-tá Hải-quân Aubaret dự - thảo những nét chánh cho một thỏa-hiệp thay thế hiệp ước năm 1862. Theo bản thỏa-hiệp mới này, nước Pháp sẽ :

— chấm dứt tham-vọng lập thuộc-địa tại Nam-kỳ ;

— chỉ thành-lập một cơ sở thương-mại (comptoir commercial).

— trả lại chánh-phủ Việt-Nam 3 tỉnh miền Đông, nhưng giữ lại các vùng ngoại ô kế-cận Saigon, Mỹ-tho, Cap St-Jacques.

— bảo-hộ 6 tỉnh Nam-kỳ để thay cho 3 tỉnh thuộc-địa trả lại Nam-triều. (Một nền bảo-hộ « lỏng lẻo » thể-hiện bằng cách Việt-Nam nộp cho Pháp mỗi năm 2.000.000 quan tiền thuế, trong một thời - gian vô-hạn định).

Sau này, Thượng-thư Bộ Hải-quân đã giải-thích cho Thiếu-tướng de La Grandière : thỏa hiệp mới không thoái-bộ, mà tiến-bộ, vì biến đổi 3 tỉnh thuộc-địa thành 6 tỉnh bảo-hộ. Đó là ý kiến của Hoàng đế, sau khi đã suy xét kỹ càng.

Nhiệm vụ ngoại giao chính yếu đã chu toàn, Phan-Thanh-Giản cùng các bạn đi thăm cơ sở kỹ nghệ và khoa học tại Pháp: ai nấy đều lưu tâm thán phục những điều tai nghe mắt thấy. Sau một thời gian ngắn viếng Madrid, phái đoàn trở về tới Saigon ngày 18-3-1864. Từ Saigon, phái đoàn vội khởi hành đi Huế tàu vua Tự-Đức về những thắng lợi ngoại giao đã thực hiện. Phan-Thanh-Giản cảm động không giấu nổi vẻ hân hoan, vì thành công trong sứ mạng do nhà vua giao phó: chuộc lại 3 tỉnh miền Đông. Nhưng ông sẽ sớm thất vọng, vì những sự kiện khác xảy ra, mà ông không ngờ tới !

*
*
*

Khi đó, khách quan mà xét, thỏa hiệp do Phan Thanh-Giản và Aubaret thảo, là một biện pháp danh dự, khả dĩ hài lòng cả Việt Nam lẫn Pháp.

Việt Nam thu hồi 3 tỉnh đã mất. Về phần Pháp không những được lãnh một ngân khoản quan trọng hầu giải quyết vấn đề ngân sách hao hụt, mà còn chấm dứt viễn chinh trong thỏa-mãn, về phương diện chánh-trị cũng như tự ái. Nhưng thỏa hiệp muốn được áp dụng, sau khi đã ký tại Pháp, cần được triều đình ta phê chuẩn.

Trung tá Hải quân Aubaret được bổ nhiệm Lãnh sự Pháp tại Xiêm. Ông tới Vọng-các nhậm chức xong thì được lệnh đi Huế, trình vua Tự-Đức phê chuẩn thỏa hiệp mà những điều khoản đã được công nhận tại Paris, với sự đồng ý của Phan-Thanh-Giản.

Mặc dầu Phan-Thanh-Giản đã trình bày hơn thiệt, vua Tự-Đức vẫn nhất định không chấp thuận. Nhà vua phủ nhận nhiều điều khoản, và nhất là tái thẩm vấn đề Việt Nam nộp thuế cho Pháp trong thời gian vô hạn định. Nhà vua muốn thay thế bằng một ngân-khoản bồi thường chiến phí, trả trong 40 năm. Vì « thời gian vô hạn định » có nghĩa như Việt-Nam chịu thần phục Pháp là điều mà triều đình không muốn.

Tuy vậy, ngày 15 tháng 7, năm 1984, Aubaret cũng ký tên dưới văn kiện, nhưng dành quyền cho chánh phủ Pháp sau này có thể công nhận hay phủ nhận toàn thể thỏa hiệp.

Về phía Pháp, có Thiếu úy Charles Duval (một tay giang hồ hảo hán, nhưng là chỗ thân tín của Thống chế Randon, Thượng thư Bộ Chiến tranh) chủ trương đánh cho đến cùng, vì quyền lợi cũng như thanh danh nước Pháp. Mặt khác, Thiếu tướng De La Grandière cũng tán thành chánh sách không những không trả ba tỉnh miền Đông, mà còn tìm cách mở mang thêm bờ cõi.

Được tin triều đình ta không phê chuẩn thỏa hiệp, các nhân vật trên như mở cờ trong bụng, bèn cùng các bạn đồng chí hướng tìm kiếm hay chờ đợi cơ hội thuận tiện để thực hiện điều mong muốn.

De La Grandière trở về Pháp, sửa soạn dư luận và trình việc lên Thượng thư Chasseloup-Laubat, năm 1865.

Năm 1866, thấy tình trạng khẩn trương vua Tự-Đức lại cử Phan-Thanh-Giản vào Nam-Kỳ làm Kinh lược sứ để chống giữ, Thành thử ra công lao Phan-Thanh-Giản

sang sứ Pháp, chỉ mang lại chút kết quả mong manh là trì hoãn tấn bi kịch vong quốc được thêm một thời gian không đáng kể !



Mượn có triều đình ta không phê chuẩn thỏa hiệp, lại thâu thập được bằng chứng quan quân ta bảo trợ nhiều vụ rối loạn tại Nam-Kỳ, mặt khác các giáo dân vẫn bị chánh quyền ta bạc đãi, Thiếu tướng De La Grandière bền nhất quyết yêu sách ta trao nộp ba tỉnh miền Tây. Bằng không thì sẽ dùng võ-lực thị-uy chiếm-đóng . . .

Phan-Thanh-Giản không cách nào điều-đình hiệu-quả, vì phía ta thiếu hậu-thuần, kể cả quân-sự lẫn tinh-thần. Vua Tự-Đức đã có lần phủ nhận bản thỏa - hiệp do Phan-Thanh-Giản soạn-thảo và ký-kết tại Paris !

Đầu năm 1867, Trung-tướng Rigault de Genouilly sung chức Thượng-thư Bộ Hải-quân, thay thế Hầu-tước Chasseloup-Laubat, cho chỉ-thị de La Grandière « tuân hành thị-uy khiến nhà vua phải điều-đình ». De La Grandière đã mượn thể, thực hiện điều sở nguyện.

De La Grandière từ già Saigon ngày 15-6-1867, dẫn 17 chiến - thuyền, hành-quân toàn bằng đường thủy cho binh-sĩ khỏi mệt-mỏi. Cuộc hành-quân diễn từ 20 tới 24-6 thì chấm dứt.

Nhờ có sương mù, đoàn chiến thuyền Pháp kéo tới trước Vĩnh-Long, mà không ai hay biết. Bấy giờ sáng, thành bị vây, và chiến thuyền chia súng uy-hiếp.

Bộ Tham-mưu Pháp gửi Legrand de la Liraye mang tối-hậu-thư, buộc ta phải

nhượng ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên. Phan-Thanh-Giản yêu cầu được gặp de La Grandière để hội-dàm, rồi ngỏ ý xin gia hạn để tiếp-xúc với triều-đình, chờ chỉ-thị. De La Grandière chấp thuận, nhưng khi Phan-Thanh-Giản trở về thành, thì quân đội Pháp đã chiếm đóng Vĩnh-Long !

Hôm đó là ngày 20-6-1867. Rồi đến lượt An-Giang thất-thủ nửa đêm 21 rạng 22 ; Hà-Tiên đổi chủ sáng ngày 24 . . .

Năm ngày mất 3 tỉnh : Phan-Thanh-Giản đành mang tấm lòng son-sắt để đền nợ nước ! . . .

Ông viết một tờ sớ dâng vua Tự-Đức, lời lẽ thật thống thiết xin trích một đoạn như sau :

« . . . Nay gặp thời gian bi, việc dự khởi ở trong cõi, khí xấu ở biên thù, việc đất Nam-Kỳ phút chốc nên nông nổi này, không thể ngăn cản nổi, nghĩa tôi đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục cho quân phụ... »

« . . . Tôi tới lúc tắt nghỉ, ghen ngào không nói nên lời, đành chỉ biết gạt nước mắt tỏ lòng quyến luyến... »

Phan-Thanh-Giản mặc triều phục, quay mặt về hướng Bắc, lạy vọng năm lạy, trước khi uống thuốc độc tuẩn tiết. Hôm đó là ngày 1-8-1867... Phan-Thanh-Giản thọ 71 tuổi.

Ông cũng không quên thảo tâm thư, gửi cho quan, quân, dân, ba tỉnh miền Tây :

« . . . Giang san do các đảng tiền vương để lại, thật quý báu. Lòng dân biết ơn vua, thật bao la. Chúng ta không được

quên điều đó. Nay quân Pháp tới, mang võ khí tối tân ; reo rắc hỗn loạn. Vì yếu hơn họ, quan quân ta bị thua. Ta còn chiến đấu thì còn gây thảm họa...

« . . . Ta đã hướng tâm lên đảng chí tôn, và nghe lẽ phải. Cầm cự, thật chẳng khác con nai do sức với con hổ. Như vậy chỉ chết oan những sinh linh mà ta có bốn phận bảo vệ. Ta đã ra lệnh cho các tướng sĩ tiêu hủy vũ khí, và trao nộp thành trì, khỏi phải chống cự... »

« . . . Nhưng nghe lẽ phải, ta sẽ phản vua, hại nước. Ta đáng chết. Còn các người, hãy rán sống trong trật tự của quân Pháp. Quân Pháp chỉ đáng ghê sợ trong thời chiến. Nhưng lá cờ của quân Pháp không thể bay trên thành khi Phan-Thanh-Giản này còn sống... »

Đối với con cháu chứng kiến tấn thảm kịch, tiếc thương, than khóc, Phan-Thanh-Giản bình tâm tĩnh trí, mỉm cười khuyên bảo như sau :

— Ta nay ra người vô dụng : sống không ích lợi cho quê hương, thác cũng chẳng thiết thời cho xã hội. Chỉ khuyên các con chẳng nên dục lợi cầu vinh mà làm điều nhảm tâm hại lý. Hãy cố học hỏi cho bằng người Âu Tây, hãy ráng phò vua giúp nước cho tận lực, họa may sau này vẻ vang cho Tổ quốc...

* *

Tuy nhiên, tấn bi kịch vong quốc kia, Phan-Thanh-Giản đâu có phải là không lường trước ? !

Từ đã rất lâu, và nhất là từ ngày có dịp tiếp xúc với quan quân Pháp ở Nam-Kỳ, Phan-Thanh-Giản luôn luôn chủ trương

cần phải canh tân đất nước, mới mong được bằng người để sống trong vũ trụ. Sau này có dịp sang sứ Pháp trở về, ông lại càng thán phục nền văn hóa Tây-phương. Ông tin tưởng chỉ có cách theo đà văn hóa đó, mới có cơ cứu vãn giang san đang nghiêng ngả.

Trong triều, Phan-Thanh-Giản bị liệt vào hàng ngũ các phần tử « nhu nhược », « chủ hòa », với các ý nghĩ vu vơ, không hợp thời và trái với kỷ cương.

Có ai biết cho rằng từ đầu thế kỷ thứ 19, thời thế đổi thay, học thuật tiến bộ, cạnh tranh kịch liệt... Ấy thế mà các vị lãnh việc trị dân thời bấy giờ vẫn khư khư mang cái học từ chương làm khuôn vàng thước ngọc... Viết văn thì phải « chi hồ giả dã » ; làm chánh trị thì phải Nghiêu, Thuấn, Thương, Chu... Những người như Phan-Thanh-Giản chỉ là thiếu số, nói chẳng ai nghe, đành phải khoanh tay bó gối... Khi cơ sự đến thì đã muộn...

Đồng thời Phan - Thanh - Giản, năm 1866, có mấy nhân-vật ở Nghệ - An là Nguyễn-Đức-Hậu, Nguyễn-Trường-Tộ, Nguyễn-Điều đi du-học Tây-phương trở về. Các ông có dâng nhiều bản điều-trần, so-sánh tình-thế nước nhà với cảnh-tượng nước người, rồi xin triều-đình nên mau mau cải cách. Vua đưa các quan duyệt-nghị ; và ai nấy đồng thanh kết-luận : chuyện cần dỡ, không đáng lưu tâm . . .

Với thời gian, kẻ hậu-sinh có thể khách-quan nhận-xét, thiển-nghĩ khi đó nếu các lời khuyên xác đáng kia được áp dụng phần nào, thì thế-kỷ vừa qua của nước Việt - Nam không đến nỗi quá ư đen tối l...

NHÀ NGOẠI-GIAO PHAN-THANH-GIẢN

Chúng ta chỉ cần nhớ là kỷ - nguyên Minh-trị tại Nhật khởi đầu năm 1868. Và từ đó, Nhật-bản tránh họa ngoại-xâm, đã sống oanh-liệt biết bao !

•
* *

Biết trước nguy-cơ của đất nước, lên tiếng cảnh-tỉnh không có tiếng vang, làm quan thật thanh-liêm chính-trực, chẳng may gặp khi nước biển, biết sức người không lại nên đem cái chết để tỏ lòng son-sát và trọn đạo làm tôi, ấy thế mà triều-đình vẫn không tha « tội » !

Đình - thần nghị - luận về Phan-Thanh-Giản, lên án rất gắt : chức tước bị bỏ, và tên Phan-Thanh-Giản bị đục trên bia tiến-sĩ. Mãi gần hai mươi năm sau, (1886), vua Đồng - Khánh mới cho khôi phục nguyên-hàm, và khắc tên lại trên bia như trước ! . . .

•
* *

Ấy là triều-đình ta đối với công-thần Phan-Thanh-Giản. Nay lại xét người Pháp nghĩ gì về Phan-Thanh-Giản là đối-phương của họ ?

Trong cuốn « Le Pays d'Annam » xuất-bản năm 1897, E. Luro không ngớt lời tán-tụng :

« Khi tôi được hân-hạnh biết, Phan-Thanh-Giản là một nhân vật đã cao-niên, vẻ mặt tinh thần, đáng-điều đáng kính. Sau khi trao ba tỉnh miền Tây cho Thiếu-tướng de La Grandière, Phan-Thanh-Giản trút hơi thở cuối cùng trong một căn nhà tranh giản-dị, mà ông đã sống trong suốt thời-kỳ nhiếp-chính. Ông muốn nêu gương hy-sinh thanh-bạch và chính-trực, trong những chức-vụ cao-cả và quan-trọng mà ông đảm nhiệm ».

Nhà đương-cuộc Pháp thời đó tỏ vẻ tiếc-thương mến-phục, tham-dự tang-lễ thật long-trọng. Điều đó chứng tỏ nước Pháp, kính-trọng những bậc anh-tài ái-quốc, mặc-dù cho lúc sinh-thời có là đối-phương chánh-trị của mình.

Thiếu-tá Ansart là chủ-tỉnh Mỹ-Tho, trong một bản phúc-trình, không giấu nổi cảm-súc khi chứng-kiến Phan-Thanh-Giản tuần-tiết, Ansart viết :

« Tôi ngậm-ngùi đau-đớn nhìn vị lão thần đáng kính này trút hơi thở cuối cùng ; và tôi tin ai nấy cũng cùng tâm-trạng với tôi. Phan-Thanh-Giản tự kết liễu cuộc đời, với một lòng quả-cảm phi-thường. . .

« Sau khi tuyệt-thực hơn 15 ngày để chắt độc-dược thêm hiệu-quả, Phan-Thanh-Giản bình-tĩnh sửa-soạn tang-lễ của chính mình : ông cho đi sắm hòm gỗ, mua vải làm khăn áo thụ tang cho gia-quyển, rồi ông khuyên-bảo rồi-rãng điều hơn lẽ thiệt, thật cao-thượng và đáng kính...

« Ông căn-dặn con cháu : ở lại với người Pháp, nhưng không được nhận quan-tước gì do người Pháp giao-phó ; phải cày ruộng mà sống chứ không được tham-gia chánh-trị, ngoài việc khuyên ai nấy tôn-trọng hoà-bình và ham làm việc...

« Sáng ngày 1-8, ông điều-chỉnh một số giấy tờ còn lại, cho một xã giáo-dân. Ông thúc-dục ai nấy làm việc cho mau-lẹ. 11 giờ, ông uống độc-dược, trước sự hiện-diện của gia-nhân, thân-quyển. Tôi hay tin, vội tới nơi thì đã muộn : Phan-Thanh-Giản đang hấp-hối... »

Sau này, ô. G. Taboulet, nguyên « Tổng-Giám - đốc Nha - Học - chánh Đông-Dương », một sử-gia có tiếng và là tác-giả nhiều cuốn sách giáo-khoa về sử-ký

Việt-Nam, khi nói về Phan-Thanh-Giản, cũng viết như sau :

« Đi sứ Pháp trở về, Phan-Thanh-Giản được nhà vua bổ-nhiệm Kinh-lược ba tỉnh miền Tây Nam-Kỳ. Nhiệm-sở thật khó-khăn nguy-hiểm, và ông đã mang hết năng-lực và can-đảm để phụng-sự Tổ-quốc, hầu tránh cơn thảm-họa sau này. Là một nhà ái-quốc chân-thành sốt-sắng, một bày tôi trung-tín tha-thiết với quyền-lợi của triều-đình, ở vào thể-hệ đó, ông còn là một nhà tư-tưởng chánh-trị cấp-tiến. Ông hiểu thấu hơn ai hết, chỉ có cách hoà nhịp với nền văn-minh và hưởng-dụng các phương-tiện kỹ-thuật Tây-Phương, mới khả-dĩ đưa nước Việt-Nam ra khỏi tình-trạng phôi-thai và thụ-động cổ-hữu... »

« Không thể dung-hoà quyền-lợi của triều-đình với sinh-mệnh của dân-chúng mà ông có sứ mạng bảo-vệ, Phan-Thanh-Giản đành tuấn-tiết để tỏ lòng trong-trắng... »

« Về mặt cao-thượng của Phan-Thanh-Giản đã là một nguồn cảm-hứng cho nhiều sử-gia và tiểu-thuyết-gia... »

*
* *

Trở về hiện-tại, là những kẻ hậu-sinh chiêm - ngưỡng người tiền-bối, chúng ta không khỏi ngậm ngùi, tiếc rằng những tư tưởng chính-trị cấp-tiến của Phan-Thanh-Giản không được áp dụng kịp thời. Do đó mà dân-tộc Việt-Nam đã trong tám chục năm qua, cam phận gia - vong quốc-phá. Chúng ta cũng không khỏi ngậm ngùi vì triều-đình lúc đó đối với vị công-thần ái-quốc này, thật bất-công nghiệt-ngã... »

Ngày nay, nước nhà đã văn-hồi chủ-quyền, thiện-nghĩ cũng nên thể-hiện tấm lòng tri-ân ngưỡng-mộ đó một cách uy-nghiêm trọng thể hơn : tạc tượng, lập đền

thờ (ở tất cả những nơi nhà ái-quốc Phan-Thanh-Giản đã đi qua), tổ chức nói chuyện nhân dịp kỷ-niệm, hay thăm-viếng những di-tích lịch-sử hùng-hồn, để cùng chiêm-nghiệm.

Không hiểu ở Vĩnh-Long, Bến-Tre, có phố Phan-Thanh-Giản không ? Và nếu có, thì đặt ở đường nào ? Lớn hay nhỏ ? Còn ngay ở Saigon, về đường Phan-Thanh-Giản, thiện-nghĩ có thể nhận xét như sau :

— Trước đây, tên Phan-Thanh-Giản đặt cho một đường phố nhỏ, nối liền ngã bảy (đầu đường Võ - Tánh) với khoảnh vườn gần « nhà thờ Huyện Sĩ » ;

— Về sau, Phan - Thanh - Giản được chuyển đặt cho đường Legrand de la Liraye (1) cũ. Đường này rộng, dài, và phong quang hơn đường Phan - Thanh - Giản trước.

Theo thiện-ý, Hội-đồng đặt tên phố khi đó, nên mang tên Phan-Thanh Giản đặt cho một trong hai đại-lộ Bonard hay De La Grandière cũ. Những thiếu-tướng này đã sang chinh-phục xứ ta, và nỗi lòng đau khổ của Phan-Thanh-Giản chỉ bắt đầu từ khi « gặp gỡ » Bonard ; và nhất là lần cuối cùng « gặp gỡ » De La Grandière xong : thành Vĩnh - Long vừa thất - thủ, và hai thành An-Giang, Hà-Tiên sắp đổi chủ...

Mặc dù thời gian đã trôi qua, mặc dù chỉ là trên mảnh gỗ hay mảnh sắt mang tên phố, nhưng Phan-Thanh-Giản thay chỗ cho Bonard hay de La Grandière hẳn cũng một phần nào rửa hờn cho bậc tiền nhân nơi chín suối.

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

(1) Đường Legrand de la Liraye có lớn, nhưng trong lịch-sử, Legrand de la Liraye chỉ là một viên thông ngôn, sau thăng chức « Thanh tra hành chánh bản-xứ Nam-kỳ », do Thiếu-tướng de La Grandière sai mang tối-hậu thư cho Kinh-lược Phan-Thanh-Giản... »

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— **Mau mạp**

— **Ít đau**

— **Chóng lớn**

— **Khỏe mạnh**

Tổng phát hành : **TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC**

66, GIA-LONG - SAIGON

nên kiểm điểm khi nhận tác giả những bài thơ xưa

ĐÔNG - HỒ

MỖI đây, trong kỳ thi Trung-học đệ nhất cấp, đề thi có một bài bình giảng Việt văn. Giảng một bài thơ nôm. Thơ rằng :

Con muỗi

Mình thì ngắn ngắn cẳng thì dài
Nhỏ nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai
Ít sức biết đâu mang nổi núi
To gan có lúc cắn cắn voi
Xua tanh lũ kiến tuồng vô dụng
Gây mặt bầy ong dạng bắt tài
Mình bạch gấm ra thua nghĩ hết
Ăn người rồi lại nói bên tai

Bài thơ này, trong đề thi của Bộ giáo dục chép là tác phẩm của Tây-Hồ Phan-Chu-Trình.

Cụ Phan-Tây-Hồ, Quốc dân ta ai cũng đã biết là một Nho sĩ cách mạng

kháng ngoại xâm, phản đế quốc, chống quân chủ, hồi đầu thế kỷ này, trong thời kỳ nước ta bị Pháp đô hộ.

Thân thể sự nghiệp của nhân vật này gắn bó với lịch sử cách mạng nhiều hơn với lịch sử văn học.

Nhưng mà, trong chương trình Việt ngữ của Bộ giáo dục bắt buộc phải học thì các nhà giáo dục bắt buộc phải tìm cho ra văn phẩm thi phẩm để mà giảng dạy cho học trò. Đến khi ra đề thi cũng không bỏ quên. Vì thế mà « Con muỗi » hiện ra giữa trường thi, trong toàn cõi nước Việt-Nam, một buổi sáng nghiêm trọng.

Trong khoa giảng Việt văn, điều kiện chánh yếu là bản thân bài thơ bài văn được lấy làm bài khóa bản. Trước hết, nó phải có một giá trị trên phương

NÊN KIỂM ĐIỂM KHI NHẬN TÁC GIẢ NHỮNG BÀI THƠ XƯA

diện văn học, bất kỳ là của tác giả nào. Không thể cứ chú trọng về nhiệt tâm ái quốc ái quần của người chí sĩ, chú trọng về đảm lược khí tiết của người cách mạng mà xem nhẹ phần văn chương nghệ thuật của bài đem ra giảng tập.

Bài *Con muỗi* chép đó, là một bài thơ nôm vịnh vật. Thơ vịnh vật thường là thể thơ tỉ, thuộc về lời ngụ ngôn. Mượn một sự vật, thác lời ngụ ý vào đó, để biểu lộ chí hướng hoài bão của tác giả hoặc tự nghĩ tự phúng, hoặc trào lộng người khác mà không tiện nói thẳng ra. Lời văn này thường phát sinh dưới chế độ chuyên chế độc tài.

Các nhà chí sĩ ta, trong thời kỳ Pháp thuộc, để tránh thời kỳ, cũng từng dùng lối này để bộc lộ khí phách tâm sự mình. Có khi nó là một khẩu lệnh nữa, như bài « Một mối thư xa » vịnh xe lửa của Trần-Cao-Vân.

Đó cũng là phương tiện bắt đắc dĩ, mà đó cũng là một nỗi khổ tâm, một điều bất hạnh của người dân bị trị, không được hưởng quyền tự do ngôn luận là một quyền chánh đáng của con người.

Các nhà chí sĩ ta, như ai nấy đã biết, đều là những nhà khoa bảng xuất thân, đều là những tay bác học năng văn cả, thì những tác phẩm của họ tự nhiên cũng tiêu biểu được phong độ nhân cách, cũng bày tỏ được chí khí tâm thuật của họ. Những tác phẩm của họ nếu không kiệt xuất độc sáng nữa, ít ra cũng phải nói được một điều gì khác thường, trong sơ tâm tổ chí của họ, đượm một sắc thái riêng biệt trong quan niệm suy tư của họ,

thêm có sức hấp dẫn quần chúng để cho đồng bào khi đọc thấy phải nức lòng hưởng ứng, như khi nghe tiếng trống tiếng kèn giục giã.

Những bài *Danh sơn lương ngọc phú*, *Chí thành thông thánh*, *Lưu cầu huyết lệ*, *Hải-ngoại huyết thư*, cũng như thơ Đông-kinh nghĩa thực, thơ Thi-tù tòng-thoại, thơ Mộng du thi-xã v.v... đủ chứng tỏ điều nói trên đó.

Đền như bài thơ « *Con muỗi* » trong kỳ thi Trung học đệ nhứt cấp đây, đọc đi đọc lại, thấy nó không có một điểm nào khả thủ, đừng nói chi là đặc sắc nữa. Nội dung chẳng chứa đựng được một nghĩa-lý một tư tưởng gì, chẳng ký-thác được một tâm-sự một khí phách nào để nhận ra đó là bản-sắc người hào-kiệt đất Quảng-Nam. Mà lời thơ thì hết mực tầm-thường. Nói trắng ra thì nó là một bài bất thành văn lý, không đáng để cho một thi-sĩ nào trọng nghệ-thuật, dám ký tên nhận mình làm tác-giả của nó.

Ấy thế mà có người dám ngang nhiên đem nó gán cho nhà chí-sĩ Phan Tây-Hồ. Rồi lại dám đem đưa ra làm đề thi cho mấy ngàn sĩ-tử trong toàn quốc, phân-tích bình-luận nó, làm đích đề mà tranh khôi đoạt cảm.

Tôi nghĩ rằng không còn cách nào nói xấu cổ-nhân. không còn cách nào hạ giá các bậc anh hùng chí-sĩ hơn nữa, và cũng không còn cách nào khinh rẻ văn-chương, xem thường văn-học Việt-Nam hơn nữa.

Than ôi ! Văn-chương Việt-Nam nghèo nàn thế nào, đến không có một

bài thơ xứng đáng để chọn làm đề thi bậc trung học, mà phải đào ở đâu ra được một bài thơ chẳng ra hồn một bài thơ như vậy, mang ra cho hàng ngàn con em giảng tập.

Hoặc giả (tôi nói hoặc giả) Bộ Giáo-dục bắt buộc phải có một văn-phẩm của Cụ Tây-Hồ, thì chúng ta thử đặt mấy vấn đề này :

Một là : Tại sao lại phải bắt buộc để thi phải là một văn-phẩm của cụ Tây-Hồ. Điều này có quan-hệ gì đến thời cuộc trong giai đoạn quyết-liệt này hay không ?

Hai là : Ví phỏng (tôi nói ví phỏng) nhà chí-sĩ Phan Tây-Hồ không từng để lại một bài văn bài thơ nào có giá trị, hoặc đủ tiêu biểu tổng quát cho nền văn-chương dân tộc Việt-Nam, hoặc đủ tiêu-biểu cho một giai-đoạn nào đó trong lịch sử văn-học Việt-Nam thì mới làm sao. Chúng ta có nên vì sự bắt buộc « phải có » kia, đi vơ càn một bài thơ lều-láo nào đó đem nhận bướng là của cụ Tây-Hồ rồi đem ra giảng tập bằng cách tán rộng ngoài đề, rồi đến cuối năm, lại đem ra làm đề thi để đặt bẫy, để bắt bí sĩ tử hay không. Ví có kẻ nào làm càn, hóa nên một hành-động bất kính như vậy, thì việc làm đó chúng ta có chấp nhận hay không ? Huống chi ở đây đã được nghiêm-chính chấp nhận trong một cuộc thi chính-thức của Nhà nước.

*
* *

Nếu chưa có ai đưa ra một bằng có cụ thể nào, một tài liệu cụ-thể nào để minh chứng rằng bài thơ Con

muối là của cụ Phan-Tây-Hồ Phan-Chu-Trinh thì xin ai cũng cho phép tôi cứ còn được nghi ngờ là bài thơ kia đã mạo nhận tác-giả một cách vô ý thức. Và tôi dám cả quyết là nhà chí-sĩ tiên-bôi của chúng ta, Phan-Tây-Hồ tiên sinh, không khi nào có làm một bài thơ Nôm đến bất thành thi-tử, bất thành văn-lý như vậy. Về văn-nghệ thi nghiệp của tiên sinh, chúng ta sẽ đề cập phần sau.

*
* *

Xét xem các nhà chí-sĩ cách-mạng thời vừa qua, đều là những bậc thâm-nho, đa văn túc học cả. Văn chương Hán-học của họ có một giá-trị khẳng định thế nào, chúng ta ai cũng đã biết rồi. Duy văn-chương Nôm thì có người sở-trường có người không sở-trường lắm. Chúng ta phải nhận thấy điều đó.

Trong đám, có cụ Sào-Nam, Phan-Bội-Châu sau khi bị bắt ở Trung hoa đưa về, mặc dầu bị Pháp an trí ở Huế, cũng còn sống với đồng-bào được ngót 20 năm nữa. Trong khoảng đó, ngoài việc trứ thuật biên soạn những sách tư-tưởng đạo lý cụ có dịp sáng tác nhiều văn-chương Nôm lắm, lại có lập ra Mộng-du thi xã để có cách giao-thiệp với đồng-bào qua đường lời hàm-thụ, đã sản-xuất được nhiều thi-phẩm.

Thứ là cụ Minh Viên Huỳnh-Thúc-Kháng. Sau khi bị lưu đày ở Côn-đảo về, còn sống thêm với đồng bào hơn 25 năm nữa, thêm được công nhiên

NÊN KIỂM ĐIỂM KHI NHẬN TÁC GIẢ NHỮNG BÀI THƠ XƯA

chủ trương tờ báo Tiếng-dân làm cơ quan ngôn luận, là phương tiện rất tốt, có dịp để lại cho hậu-bồi bao nhiêu văn chương Nôm giá trị.

Trước hơn cụ Sào-Nam cụ Minh-Viên, chúng ta cũng đã được thưởng thức văn chương Nôm của cụ Hoàng-Tăng-Bí, cụ Dương-Bá-Trạc qua báo chí, nhiều hơn hết là báo Trung Bắc tân-văn mà hai cụ là biên-tập viên thường trực.

Ít có dịp sáng tác văn chương Nôm, như cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiến thì từ sau khi xuất bản, rồi ở luôn bên Tàu, chôn chí gởi thân vĩnh viễn trong phong cảnh tuyết thạch Tây-hồ, không có dịp trở về nước nữa.

Đền như cụ Phan.Tây-Hồ, trong thời kỳ khởi xướng cách mạng, đôi khi ngẫu hứng cũng có sáng tác ít nhiều văn chương Nôm. Rồi thì lưu vong trên đất Pháp, ngót 14 năm. Đền khi được về nước, chưa đầy một năm thì bệnh mất. Trong khoảng thời gian ở Pháp, cụ Tây-Hồ đã trước-tác vừa Hán-văn vừa Việt-văn mười mấy bộ sách, nhưng đều chưa được ấn-hành truyền thế.

Các nhà chí-sĩ tiền-bồi ta, như trên đã nói, tuy ít làm văn Nôm thơ Nôm, vì không phải sở trường của họ, nhưng không phải vì thế mà thơ Nôm đền mức dở tệ.

Văn-chương Nôm của họ nếu không được điều-luyện công phu, gọt dũa chải chuốt nữa cũng là văn chương tái đạo, văn chương cứu thế, nó có

một giá trị đặc biệt, tiêu biểu cho giai đoạn đau thương của đất nước, mà ai cũng đều công nhận. Thịnh-thoảng chúng ta có được nghe năm bảy câu, đôi ba bài, xét ra cũng đều là những bài đáng truyền tụng cả. Dầu nhiều dầu ít, nó cũng có bản sắc của nó, có khí cốt, có linh hồn của nó mà không ai phủ nhận.

* *

Ở đây, chỉ nói riêng về thơ Nôm Đường-luật của cụ Tây-Hồ để so sánh với bài *Con muỗi*.

Tôi không được biết có nhà nào sưu tập nhiều bài khác nữa hay không. Tôi không được đọc khắp các sách giáo-khoa. Đó là chuyên môn của các giáo sư Việt-văn.

Từ ngày còn nhỏ, tôi đã nghe các phụ chấp đồng thời với cụ Tây-Hồ như cụ Trương-Gia-Mô, cụ Đặng-Thúc-Liên chẳng hạn, đọc cho nghe hai bài Nôm của cụ Tây-Hồ.

Bài thứ nhất là một bài thơ vịnh-vật :

Cây đèn sáp

Năm nhồi mười nắn thê không hoai
Đèn sáp khen cho thật dẻo dai
Thắng bằng sợi tim hơn mấy tấc
Lăn tròn cái xác biết bao ngoai
Cháy đầu dộc tỏ đêm tăm tối
Nóng ruột toan lo việc sáng soi
Hé cửa trách ai cho gió lọt
Canh trường rơi giọt ngỏ cùng ai

Đây là thơ vịnh vật tự nghĩ. Dem thân thê hành vi của mình thác ra lời cây đèn sáp. Không cần làm việc bình

giảng dài dòng như các nhà sư-phạm, chúng ta đọc qua lời thơ, cũng hình dung được rõ ràng cây đèn sáp, đồng thời cũng hình dung được rõ ràng thân thể của tác-giả.

Trong cảnh ngộ thiên ma bách chiết mà vẫn giữ được tráng khí hùng tâm. Thân xác bị năm nhỗi mười nắn, bao phen bị lăn lóc dày vò mà sức chịu đựng vẫn dẻo dai bền-bĩ, tác lòng ngay thẳng vẫn giữ một mực đoan-chính kiên-trinh.

Ai đã từng thấy việc xe đèn sáp hay chưa. Có thầy từ lúc thái sáp từng miếng mỏng, rồi đem hơ trên lửa than, rồi nhồi rồi nắn, cho đèn khi thành một khối sáp mịn nhuyễn dẻo dai, rồi đem lăn tròn, xe dài, đồng thời lại phải giữ cho sợi tim không lệch-lạc, phải nằm ngay thẳng đúng vào giữa lòng sáp, đèn thành hình cây đèn, thì mới biết bốn câu đầu tả thực của bài thơ này tài tình biết chừng nào.

Các bạn trẻ bây giờ phải chịu thiệt thòi về điểm này.

Bây giờ, nơi nào cũng đều thấp đèn điện, các cuộc tế lễ trong đền trong chùa cũng đã dùng đèn ống rồi. Có đốt nến nữa, thì đèn nến là đèn đúc khuôn sẵn bằng máy móc. Có còn ai chịu khó xe đèn sáp làm chi nữa, để cho các bạn được thưởng-thức lời thơ điêu luyện qua một động-tác tinh xảo công-phu.

Hai câu năm sáu của bài thơ đã biểu lộ tâm trạng ý khí của tác giả qua cây đèn sáp :

*Cháy đầu độc tố đêm tăm tối
Nóng ruột toan lo việc sáng soi.*

Đã rõ ra công dụng của cây đèn sáp, mà cũng rõ ra hoạt động hành-vi của tác-giả. Những tiếng *cháy đầu nóng ruột, đêm tăm tối, việc sáng soi* rất đắt.

Còn gì đúng hơn nữa, hình dung một nhà cách mạng cổ động quần chúng, chẳng quản tiêu đầu, loạn ngạch, một lòng hái nhiệt thành soi đường dẫn lối cho quốc-dân đồng bào ra khỏi nơi u-ám tối-tăm. Lời tha thiết ý ân-cần hãy còn thừa để thăm đượm truyền lan xuống hai câu thúc kết :

*Hé cửa trách ai cho gió lọt
Canh trường rơi giọt ngỏ cùng ai.*

Không đợi đến lời bình giảng giải thích, ai đọc hai câu thúc kết này mà không nhận đó là hai câu thần cú. Thiệt là tuyệt diệu. Chắt lọc thép lột từng chữ một. Nói về cây đèn sáp mà khéo vận dụng những tiếng *hé cửa, gió lọt*. Nhân hé cửa để cho gió lọt mà khiến nên *rơi giọt canh trường*, ý thơ thâm trầm thông-thiết, lời thơ lưu loát linh động biết chừng nào.

Lời thơ vịnh vật ở đây bình dị tự nhiên không chút gò ép gượng gạo như phần nhiều thơ vịnh vật khác mắc phải lỗi lầm. Muốn nói theo Kinh-thi, « tĩ nhi phú » hay nói theo Đường thi « thi dĩ ngôn chí » thì ý tứ tư-tướng trong hai câu thơ đây thật là hồn hậu thâm viễn.

Cửa quốc-gia hé mở để cho gió ngoài xâm thổi lọt được vào trong. Ai đã làm nên nông nổi đó, cũng

NÊN KIỂM ĐIỂM KHI NHẬN TÁC GIẢ NHỮNG BÀI THƠ XƯA

muốn trách ai một tiếng cho hả chút nỗi khổ niềm đau. Nhưng mà nghĩ, quốc phá gia vong, tai biến tội tình gây nên là trách-nhiệm chung của quốc-dân đồng-bào chịu cả, thì trách ai được bây giờ, mà biết trách ai cho phải. Thôi thì đành ôm một mối thương-tâm âm-thầm rơi giọt lệ suốt canh trường.

Hé cửa trách ai cho gió lọt

Canh trường rơi giọt ngỏ cùng ai !

Cần gì phải hát câu « phong tiêu tiêu hể Dịch thủy hàn » để hình dung người tráng-sĩ xưa nào xa lắc xa lơ, cứ đọc thơ này cũng đủ cảm thấy rợn người vì hồn thơ bi tráng nước nhà. Ngọn gió lọt ở đây còn lạnh lùng hơn ngọn gió trên bờ sông Dịch biết bao nhiêu !

Muốn học thơ vịnh vật, thác từ ngụ ý của nhà chí sĩ Phan Tây-Hồ, sao không học thơ này mà đi học làm chi thơ « Con muỗi ».

*
* *

Còn một bài thơ thứ hai nữa cũng của Phan Tây-Hồ tiên-sinh. Đây lại cũng là một bài thơ Nôm luật. Lấy bốn tiếng đầu, tạm chép nhan là :

Gọi khách nam-quan

*Gọi khách nam-quan lúc ghé thuyền
Ầy ai cao khiết kết làm duyên
Câu thơ mạt kiếp chi nề hủ
Cái bệnh cuồng nho cũng khó thuyên
Hồ hải vẫy vùng bao phỉ chí
Phong trần dầu dãi bấy nhiêu niên
Trông vờn cỏ quốc hồn vơ vẩn
Khắc khoải đêm trường lắng tiếng quyền*

Truyền rằng bài này cụ Tây-Hồ làm trên Côn-đảo. Trong lúc bị an trí ở An-hải, một xóm nhỏ ở Côn đảo, thì anh em đồng chí lần lượt kẻ trước người sau bị đưa ra đảo nhiều lắm. Cụ làm bài này gởi vào nhà ngục để chào và cũng để an ủi anh em.

Nên biết thêm điều này. Cụ Tây-Hồ là người quốc sự phạm đầu tiên bị đày Côn-nôn. Khi cụ ở Côn-đảo, được biệt đãi, không bị giam ngục như các đồng chí khác, mà được an trí ở An-hải, sinh hoạt tương đối thông thả hơn.

Thơ này thuộc về thơ thuật hoài, cảm khái, vừa nhẩn bần vừa cười mình. Cười mình vì chính mình từng đã công kích kịch liệt văn chương điều trùng tiêu kỹ ngâm vịnh văn vơ, thứ văn chương du hí không có công dụng thực tế ích quốc lợi dân. Bây giờ cả bọn làng Nho bổng trí thân trong cảnh ngộ nam-quan Sở tù. Giữa cõi trời biển mơ màng, nước mây quanh quẽ, ngựa ký tù chân, chim bằng xếp cánh, lòng cỏ quốc bời bời, lắng tiếng quyên sầu khắc khoải, đêm trường hỗn mòng băng khuâng mà bệ nhục cứ đành để tiêu hao theo tuế nguyệt. Rồi câu thơ mạt kiếp lại cũng dờ ra, mới biết căn bệnh cuồng nho là khó chữa.

Nghìn xưa tác giả tự cười cho thân thể mình, mà đọc giả nghìn sau còn thương cho tâm sự tác giả biết bao nhiêu !

Muốn học thơ hoài cảm, khẳng khái bi ca của nhà cự nho Phan Tây-Hồ, sao không học thơ này mà đi học làm thơ « Con muỗi ».

NÊN KIỂM ĐIỂM KHI NHẬN TÁC GIẢ NHỮNG BÀI THƠ XƯA

Đã chẳng nói đến văn nghiệp thi nghiệp của cụ Hy-Mã Phan Tây-hồ thì thôi, khi đã nói đến mà ngưng ở đây là một thiếu sót lớn.

Mới 5 năm trước đây, hồi năm 1958 « như cơn sét đánh giữa tỉnh không » nhà học giả Lê-Văn-Siêu cho ấn hành một cuốn sách lớn, công bố một thi phẩm lớn của cụ Phan-Tây-Hồ. Đây là một tác phẩm tràng giang của nhà chí sĩ chúng ta, mà theo lời ông Lê-Văn-Siêu, khi đọc đến « khiến ta lạnh xương sống » Tên tác phẩm này là *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca*, thể tài thơ lục bát, như Hoa tiên, như truyện Kiều, dài ngót 8000 câu, dài hơn hai lần Truyện Kiều.

Thi-phẩm này cụ Tây-Hồ khởi thảo khi ở Hải ngoại. Năm 1925 về nước, cụ mang theo. Viết đã hơn 8000 câu rồi mà tác-phẩm chưa hoàn thành, bản thảo chưa kịp san định thôi xao thì cụ mất. Năm 1926 cụ Ngô-Đức-Kê đem in ở Hà-Nội. In xong, chưa phát hành thì bị chính quyền Pháp tịch thu đốt sạch. May mà con cháu nhà họ Phan ở Quảng-Nam còn giữ được bản thảo. Nhà văn Lê Văn Siêu được may mắn thừa lãnh bản thảo này về Sài-gòn, chú-thích rồi cho ấn hành, nhan là *Anh hùng ca*. Bản thân tác-phẩm này đối với văn hóa văn-học Việt-Nam cũng là một điều kỳ ngộ rồi đó.

Ngoài *Giai nhân kỳ ngộ*, họ Lê còn giới thiệu thêm 14 bộ sách nữa, mà gần phân nửa số đó trứ tác bằng quốc văn của cùng một tác giả, đều chưa ấn hành. Tôi nói điều này là muốn nhắc ai muốn học về nhà tư-tướng, nhà học-giả Phan-Chu-Trình sao không lưu ý đến những tác-phẩm to

lớn đó mà đi tìm chỉ những bài thơ tiểu xảo vụn vặt, chỉ làm hại thanh giá, hại tâm thuật cô-nhân mà thôi.

*
* *

Còn một điều tôi muốn nói nữa là khi chúng ta muốn nhận một tác-phẩm nào cho một tác-giả nào, chúng ta nên kiểm điểm cẩn-thận hơn một chút. Nhất là trong việc chọn bài khóa bản. Kiểm điểm xem tác-phẩm đó có xứng đáng là của tác-giả đó hay không. Việc sao chép thi văn xưa của chúng ta cầu thả như thê nào, ai cũng biết. Chúng ta không nên nhắm mắt tin hết ở nơi người sao chép trước. Ví phòng có bài nào, có ai đó bảo là của một tác-giả có tiếng nào đó, mà xét ra bài văn bài thơ nọ không có một chút giá trị gì hết, thì thiết-tưởng nên mạnh tay gạt bỏ phăng đi mà đừng tiếc rẻ. Có trường hợp, đều cùng là của một tác giả làm nên, mà cũng có bài rất hay, lại cũng có bài rất dở. Thì chúng ta cứ gạt bỏ bài dở mà lọc lấy bài hay cũng chẳng hơn sao. Là một việc làm chánh đáng có ý thức thông minh. Nếu tiếc mà vơ vét tất cả những bùn đất bám theo hạt kim cương thì chỉ làm mờ đi ánh hào quang của viên ngọc quý. Là một việc làm đã dư công vô ích mà còn thêm tội.

Tuyên đài cách mặt khuất lời, hồn cô-nhân linh-thiêng tất cũng được ngậm cười, bằng lòng thấy lũ hậu sinh biết cách chọn lọc, biết cách giữ gìn để thưởng ngoạn đúng giá món trân bảo di sản của tổ tiên gởi gắm vào tay con cháu.

ĐÔNG-HỒ
2 - V - 1963

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU —

ai là ADAM ?



KHOA nhân chủng học đặt giả thuyết rằng nguồn gốc của loài người là hâu (primate) tiền hóa mà ra, nhưng chưa tìm được đủ bằng chứng của các giai đoạn tiến triển ấy. Ngày nay khoa học lần hồi bổ túc những khuyết điểm trên. Hai câu hỏi được đặt ra : Hâu biến thành người thực sự vào giai đoạn tiến triển nào ? Người xuất hiện vào thời kỳ nào ?

Khi người ta gọi Adam là người thứ nhất, thì hiển nhiên là ít ra phải có một người xuất hiện ; có người còn nghĩ rằng phải có nhiều người cùng xuất hiện một lúc, trong giả thuyết người xuất hiện tự nhiên điểm khác nhau.

Làm sao ta biết được một cái sọ hóa thạch nọ là di tích của một con hâu đã biết suy nghĩ ? Nếu cái sọ ấy giống với sọ của một con người đương thời thì tự nhiên ta có thể nói chủ nhân cái sọ hóa thạch ấy là một

người đã biết suy nghĩ. Nhưng nếu là một cái sọ không giống thế, thí dụ sọ của loài Anthropien, thì ta căn cứ vào những vết tích nào để bảo rằng loài đó có hay không có khả năng suy nghĩ ?

Người ta như muốn đưa ra một tiêu chuẩn để xác định thế nào là con vật biết suy nghĩ từ khi xảy ra câu chuyện sau đây giữa hai nhà bác học Teilhard de Chardin và Breuil :

Câu chuyện xảy ra khi tìm thấy cái sọ của người Sinanthrope (người Bắc Kinh) : Một hôm cha Teilhard de Chardin ở vùng Bắc Kinh về, mang một nắm đá đẽo thô sơ đặt lên bàn giấy Breuil mà hỏi :

— Con vật nào đã làm được những dụng cụ này có phải là người không ?

— Chắc chắn là người rồi.

— Vậy con Sinanthrope là người.

— Nhưng ông có chắc chính nó làm ra những dụng cụ ấy không ? Hay nó bị những người còn ăn lông ở lỗ ăn thịt rồi bỏ lại xương đó. Đá đẽo này có thể là khí giới của người ở hang chứ không phải của nó.

Sau này người ta không tìm thấy xương con vật nào khác con Sinanthrope ở trong hang, người ta đành theo kết luận của Teilhard de Chardin : con Sinanthrope là kẻ đã tạo ra những viên đá đẽo đó.

* *

Nhân câu truyện trên đây, chúng ta biết rằng người ta đã căn cứ vào tiêu chuẩn sau đây để xác định con hầu tiên hóa đến giai đoạn nào thì được coi là người : loài nào biết tạo ra dụng cụ thì được kể là người.

Tại sao vậy ?

Bây giờ ta thử xem người và con vật phản ứng khác nhau thế nào.

Một con vật thấy một cái hang bỏ trống, nó đến ở đó. Khi thấy khát nó đi tìm một cái suối nào ở gần đó rồi uống xong là quên đi không bận tâm gì nữa. Ngày hôm sau nó nhớ đến cái suối lại tìm đến bằng con đường nào tiện nhất. Sau một thời gian dùng mãi lối đi ấy chân nó làm thành một vết đi.

Đáng lẽ là con vật, ta thí dụ đó là một người đến ở hang ấy. Khi tìm thấy cái suối để giải khát, người uống rồi còn nghĩ rằng phải làm cách nào để nhớ sau còn đến uống nữa. Người bèn bẻ cây làm dấu để sau

biết đường trở lại uống nữa, tuy lúc ấy đã hết khát rồi.

Người biết làm một sự suy luận như thế vì người có khả năng trừu tượng hóa sự vật.

Khi một con người tiền sử như con Anthropien bị một con gấu đuổi theo. May thấy một tảng đá nhọn, nó đánh được con gấu. Tính chất « người » của nó là biết nghĩ rằng sau này có thể lại gặp gấu đuổi, lại phải dùng đến đá. Nó bèn cất đi để dành. Nó dự trữ đá tuy lúc đó không cần dùng đến ; khí giới được tạo ra mặc dầu trước mắt không còn nguy hiểm.

Chỗ khác nhau giữa người và con vật là con vật không biết dự tính trước nhu cầu hay nguy hiểm sau này có thể xảy ra để đề phòng. Chỉ khi nào cần ăn hay thấy nguy hiểm nó mới có phản ứng đối phó.

* *

Các nhà khảo cổ lượm được rất nhiều những viên đá đẽo ở Phi-châu đại diện cho loại khí giới đầu tiên của loài người. Tuy nhiên, đứng trước một dụng cụ thô sơ như vậy, người ta tự hỏi : « Con vật làm ra dụng cụ này đã biết suy nghĩ, nhưng biết suy nghĩ đến mức nào ? » « Tạo ra dụng cụ, nó chỉ biết nghĩ đến sự ích lợi của dụng cụ hay còn nghĩ cách làm cho đẹp mắt nữa ? » « Con vật ấy đã có ý thức về đạo đức chưa ? »

Nghĩ như vậy là ta nêu lên một vấn đề trọng yếu của nhân chủng học : xác định lần mức phân chia giữa

khí và người, xác định tiêu chuẩn để phân biệt loài *Homo faber* với loài *Homo Sapiens* (1) (một lỗi phân biệt đã xưa rồi, không có gì là thỏa đáng nữa).

Chúng ta có thể hình dung ra con người thứ nhất ấy thế nào? Trong số những bộ xương hóa thạch tìm thấy, ta cho cái nào đáng đại diện cho người hay ít ra gần với người hơn cả?

Các nhà chuyên môn đều không nhất quyết. Họ đưa ta vào một khu rừng đầy những đầu lâu, nhiều cái chẳng có gì thuộc về người cho lắm. Mỗi cái mang một tên kỳ quái, mà tên đặt có khi bắt chấp cả quy luật! (2)

Trước khung cảnh mông lung như vậy tất nhiên chúng ta rối trí. Các nhà bác học đã làm được cái hay là không quyết định gì cả để chúng ta càng rối trí hơn. Họ nhường cho các triết gia lập ức thuyết tùy sở thích. Ưc thuyết của triết gia có điểm lý thú là càng hăm hở giải quyết dứt khoát vấn đề bao nhiêu lại càng tỏ ra không biết hết những yếu tố thảo luận bấy nhiêu.

Trong tình trạng ấy người ta đành phải căn cứ vào giả thuyết để thảo luận về hai điểm chính: người thứ nhất xuất hiện vào lúc nào, chỉ có một người hay nhiều người cùng xuất hiện một lúc?

Khi nói loài người xuất hiện thì ta phải hiểu nghĩa thế nào là xuất hiện? Người thứ nhất xuất hiện từ lúc

họ có đủ điều kiện để suy luận hay từ lúc họ bắt đầu biết suy luận?

Nhiều người nghĩ rằng nhờ hiện tượng hoán cải (mutation, luật của Darwin) xuất hiện một người tiền sử biết suy luận nhưng chưa đủ khả năng để suy luận xa rộng. Trải qua nhiều ngàn năm óc suy luận chỉ có tính cách «thủ công» xoay quanh việc tạo ra dụng cụ thô sơ. Lăn hồi có sự tiến hóa, phát kiến bất dẫn về thô lậu, rồi một ngày kia, bỗng xuất hiện một người thực sự, một triết gia đầu tiên, cố gắng suy tưởng và tìm ra ý thức thiện và ác. Từ lúc có ý thức ấy người ta biết được lẽ phải. Lẽ phải có lẽ là sự chinh phục đầu tiên của loài người.

(1) *Homo Faber* = người mới biết chế ra dụng cụ; *Homo Sapiens* = người đã biết suy tưởng. *Homo Faber* chỉ là người bán phần, *Homo Sapiens* mới là người toàn vẹn.

(2) Loài hâu (primate) bao quát cả các con vật thuộc khí và người. Hâu chia ra *Anthropomorphe* và *cynomorphe*. *Anthropomorphe* chia ra *Anthropoïde* (khí gần với người như tinh tinh, khỉ độc, dười ươi) và *Hominoïde* (người gần khỉ) hay *Hominien* (người). Thuộc về phần *Hominoïde* có *oréopithèque* (10 triệu năm) và *Australopithèque* (1 triệu năm). Thuộc về phần *Hominien* có *Anthropien* (*Pithécanthrope*, *Sinanthrope*, *Africanthrope*, từ 200.000 đến 500.000 năm); sau đến người *Grimaldi*, *Chancelade*, *Cro-Magnon* (từ 20.000 đến 50.000 năm).

Ta thấy đáng lẽ chữ *Anthropien* phải ở trên *Hominoïde* và *Hominien* để đối diện với *Anthropoïde* mới thuận hơn là một nhánh của *Hominien*.

Những chữ *Pithécanthrope* và *Sinanthrope* cũng không phù hợp. Vì luật ghép chữ muốn rằng phần trên chỉ loài, phần dưới chỉ giống. Hai con vật này cùng loài *Anthropien* cả, mà phần trên *Pithé* và *Sinan* không nói lên rằng chúng cùng thuộc về loài *Anthro*. Nhìn cách khác, *Pithécanthrope* và *Sinanthrope* cũng ở trong hàng ngũ *Hominien* (*Homo Sapien*) những con vật thuộc về loài người, tại sao không cho chúng cái vinh dự có họ *Homo*?

AI LÀ ADAM ?

Có hai luồng dư luận, luồng thứ nhất cho rằng người thứ nhất xuất hiện cách đây khoảng một triệu năm, luồng thứ hai cho rằng khoảng hơn một trăm ngàn năm.

Dù đến sớm hay đến muộn cũng vẫn có câu hỏi: chỉ có một người xuất hiện hay nhiều người cùng xuất hiện một lúc.

Vào đầu thế kỷ này, nhiều người chấp nhận thuyết người xuất hiện từ nhiều nguồn gốc khác nhau tại nhiều nơi, nhưng đến năm 1943 thì thuyết ấy đã bị bác bỏ. Ngày nay người ta cho là một quan niệm lỗi thời.

Tuy nhiên chấp nhận thuyết người xuất hiện từ một nguồn duy nhất và ở một nơi nhất định cũng chưa phải là giải quyết hẳn vấn đề. Có thể rằng từ một nơi nhất định và từ một nguồn gốc duy nhất, đồng thời xuất hiện nhiều người, bắt đầu từ nhóm ấy sẽ sinh sản ra nhân loại sau này. Cũng có thể rằng trong một bộ lạc, chỉ xuất hiện một người, hoặc hai anh em, một gái một trai, từ cặp trai gái ấy sẽ sinh sản ra nhân loại.

Các nhà tiền sử học nghiêng về thuyết trên, vì họ nhận thấy một người hay một cặp trai gái lẻ tẻ không thể có chỗ đứng dưới mặt trời trong những điều kiện mà chúng ta phải ước đoán là cực kỳ khó khăn.

Nhà tiền sử học nói vậy và lời nói của họ có nặng cân thật, nhưng nhà sinh vật học nghĩ khác. Nhà sinh vật học cho rằng chỉ có một người xuất hiện mà thôi, vì sự hoán cải là một hiện tượng chỉ xảy ra riêng cho một người hay một con vật riêng rẽ. Sự hoán cải liên hệ

đến một điểm không quan trọng có thể xảy ra cho một người trong số một ngàn người, nhưng nếu là một sự hoán cải quan trọng thì tỷ số thực là hiếm, thường thường chỉ có một phần trăm ngàn hay một phần triệu. Dù sao, người ta chưa hề thấy cả một đoàn con vật cùng hoán cải một lúc, tuy đoàn ấy ít ỏi đến đâu đi nữa. Nhà sinh vật học không thể chấp nhận rằng luật sinh vật học lại có thể thay đổi được. Bởi vậy, tuy khó gây được uy tín, thuyết « một ông tổ duy nhất » sẽ còn được nhiều nhà sinh vật học bênh vực.

Sẽ có ngày câu hỏi quan trọng này được giải đáp thỏa đáng nhờ một khám phá quan trọng chăng? Hình như người ta không nuôi nhiều hy vọng lắm. Cho rằng người ta biết rõ ông tổ ấy xuất hiện ở một địa điểm nào người ta cũng không có hy vọng sẽ tìm được tư thất của ông ta. Trong một xứ rộng như nước Pháp có đủ dụng cụ của người tiền sử từ mấy trăm ngàn năm, người ta chưa tìm thấy một cái xương nào của loài *Anthropien*.

Trước những vấn đề nguồn gốc loài người, người ta cũng như đứa trẻ tìm cách đi ngược trở lên những kỷ ức hồi thơ ấu lần lần càng mờ mịt. Người ta bơi lội trong một biển đầy những vụn vặt của một quá khứ xa vời mà chưa tìm ra được manh mối để ráp nối lại cho có mạch lạc khả dĩ rút ra được một câu kết luận dù trong một phạm vi phân bộ nhỏ hẹp nào.

CÔ-LIÊU

thuật theo bài: « *Origine de l'homme* » của J. Carles
Giám đốc Trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp.

Lá thư Thụy-Sĩ

Ng. xa cách,

CHẮC anh còn nhớ năm 1959 tôi đã đi Thụy-Sĩ trình bày cổ nhạc Việt, tại các trường đại học Ba-Lê, Zürich Bern tại Nhân chủng viện Genève và Neuchâtel tại đài phát thanh, đài vô tuyến truyền hình Thụy-Sĩ và ở vài đô thị vùng núi Surabernois như Moutier Porrentruy. Năm 1961, lúc ông Hunziker viết thư mời tôi trở lại Thụy-Sĩ để nói chuyện về nhạc Việt, thì tôi đang sửa soạn lên đường đi Ba-Tư và Nhật-Bản. Tôi đã hẹn đến năm 1963 và chuyến đi này đã sắp đặt từ mùa hè năm 1961, Nhân đĩa hát về cổ nhạc Việt do anh Mai-Thứ, chị Mộng-Trung và tôi thu thanh được giải thưởng của Hàn lâm viện đĩa hát Pháp, ban tổ chức hỏi chúng tôi có thể cả ba cùng sang Thụy-Sĩ chăng. Anh Mai Thứ bận vẽ tranh để triển lãm vào tháng 5 dương lịch tới đây, nên không thể rời Ba-Lê. Chị Mộng-Trung bận việc nhà không thể vắng mặt trong ba tuần liền. Nên chỉ có tôi nhận lời đi. Đến tuần chót chị Mộng-Trung mới sang để góp hơi tiếp sức trong việc giới thiệu các loại hát Việt cho người Thụy-Sĩ.

Về những nhận xét về phong cảnh hay phong tục, tôi xin nhường chị Mộng-Trung. Hôm nay, tôi chỉ trích lại vài đoạn trong quyển sổ tay của tôi, để anh thấy qua bộ mặt của nước Thụy-Sĩ năm 1963.

Chuyến đi năm nay, hơn chuyến đi năm 1959 vì nhiều lẽ:

1. Năm 1959 người Thụy-Sĩ chưa nghe ai nói về nhạc Việt bao giờ. Số người đi nghe cũng như số đô thị bằng lòng tổ chức những buổi nói

chuyện về nhạc Việt còn ít. Năm nay tôi đi nói chuyện tại hơn 20 nơi khác nhau và số thính giả mỗi nơi đông hơn gấp ba bốn lần.

2. Năm 1959, tôi đi « đơn thân độc mã ». Năm nay, nhờ chị Mộng Trung mà trong buổi trình diễn có giọng kim, giọng thổ, tôi đỡ một mà thính giả đỡ chán tai.

3. Năm 1959, chỉ có nhóm Thanh niên âm nhạc và hội nghiên cứu các vấn đề Á Châu tổ chức mấy buổi diễn thuyết. Năm nay, Ủy ban quốc gia Thụy Sĩ tại cơ quan văn hóa Liên hiệp quốc trợ cấp và đỡ đầu chuyến đi của tôi. Ngoài các trường Trung học, Đại học, các Viện bảo tàng, còn có trường Quốc tế về Kỹ thuật, Trung tâm Âu Châu nghiên cứu nguyên tử lực tổ chức những buổi họp để tôi nói chuyện về các lối hát tuồng, hát chèo, hát cải lương hay nhạc khí dùng trong cổ nhạc Việt.

Riêng tôi, đã viếng miền Bắc miền Trung, miền Tây nước Thụy Sĩ, nay lại đi cả miền Nam, dọc theo bờ Lêman, đi hết vùng Valais đến vùng Tessin, giáp ranh với nước Ý có thể nói là tôi đi gần khắp nước Thụy - Sĩ — một nước mà diện tích chỉ bằng một phần tám nước Việt, dân số bằng một phần năm dân Việt, một liên bang nhỏ mà gồm 24 tổng tự trị, có 4 ngôn ngữ chánh thức (tiếng Đức 74,1 %, tiếng Pháp 20,6 %, tiếng Ý 4 %, tiếng Romanche tức là tiếng La-Tinh cổ 1,1 %) và về mặt sinh hoạt âm nhạc có 7.000 ban hợp xướng, hàng ngàn đội kèn và mấy trăm giàn nhạc.

Le Locle 18-3. Năm nay, tôi vào nước Thụy-Sĩ theo con đường Besançon-Le Locle. Vào lúc đầu xuân, mà tuyết còn phủ trắng cả đỉnh đồi. Từ vùng Gilley, xe chạy ngang qua những nơi mà cụm rừng thông xanh chen với những tấm thảm tuyết trắng. Cảnh núi rừng rất lạ mắt người quen sống ở thị thành.

Xe chạy dọc theo triền núi và càng lên cao, không khí thấy nhẹ nhàng dễ thở. Cứ nghĩ rằng chuyến đi này, vừa làm việc vừa đổi gió, tôi thấy khoan khoái trong lòng. Xe đến ga Le Locle vào lúc 5 giờ rưỡi chiều. Tại sân ga, một người đội mũ lông theo kiểu mũ người Ba-Tur, tay cầm cây dù đen, liếc nhìn thấy tôi, chạy đến chào hỏi thăm và tự giới thiệu là Chủ tịch ban chấp hành của hội Thanh niên âm nhạc vùng này. Sau khi đưa tôi về « Tam vương khách sạn » (Hôtel des Trois Rois) cất hành lý, ông và tôi đến xem phòng họp và sắp đặt máy rọi ảnh, máy vi âm, máy phóng thanh. Phòng rộng rãi có hơn 500 chỗ ngồi, một sân khấu, có chỗ cho tôi ngồi đàn, hay tới lui để diễn những cách xòe quạt, vuốt râu. Có cả một tấm màn bạc để rọi ảnh màu mà cách đây 4 năm, bạn anh đã cùng với anh L. H. Ph. lo chụp tại gành Minh Tô để gởi qua cho tôi. Tại đây cũng như nhiều nơi khác, tôi sẽ nói về nguồn gốc của hát bội, hát

chèo, hát cải lương, những đặc điểm của mỗi loại về cách chưng dọn trên sân khấu, những xiêm, áo, giáp, mào, cách dặm mặt đóng tuồng, cách nói lối, hát, xướng, ngâm, bạch hoặc hát sấp, hát hồi tiểu, hát sa lệch, hát đường trường, cách đệm đàn, đánh trống v.v...

Sắp đặt an bài, khi ra khỏi rạp thì trời mưa như xối. Ông B. M. chủ tịch Thanh niên âm nhạc, tỏ vẻ lo ngại: « Kể ra mưa thế này thì rất tốt cho mùa màng. Suốt mùa đông rồi trời lạnh bất thường. Hàn thử biểu chỉ 30 độ dưới zéro. Trời lại không mưa, nên suối nguồn đông đặc hoặc cạn đi đến nỗi chúng tôi phải lo ngại thiếu nước uống. Hai bên lề đường, ông còn thấy một lớp nước đá dày mo. Sở cầu cống lo sửa sang đường sá lại để đón khách du lịch ngoại quốc vào mùa xuân và mùa hè. Nhưng mưa to thế này thì cũng bất tiện cho người muốn đi nghe nói chuyện về kịch nghệ Việt Nam ». Tám giờ 15 là giờ khai mạc mà đến 8 giờ mưa vẫn còn nặng hạt. Ba cậu thanh niên đem dù đến đón tôi, một cậu xách đèn một cậu xách va-li đựng áo dài khăn đóng và một cậu xách cặp da và che mưa cho tôi. Thấy các cậu trẻ tuổi mà chịu khó như thế, tôi hi vọng rằng số thính giả sẽ không ít lắm. Thật vậy, phòng nhóm gần chật cả người và sau buổi nói chuyện nhiều thính giả hỏi về cách ghi nhạc, chép nhạc, về loại nhạc thính phòng, về thi ca. Ban tổ chức đưa tôi tới khách sạn, đãi một tiệc rượu giải lao và hỏi thăm tôi về các vấn đề văn nghệ, kinh tế, giáo dục v.v.. Ông B.M. chủ tịch Thanh niên âm nhạc là một giáo viên. Sáng hôm sau, ông bận đi dạy học, không ra ga tiễn tôi được nhưng ông đã sắp đặt cỗ xe tắc-xi đúng 10 giờ sáng chở hành lý và đưa tôi ra ga.

Moutier 12-3. Xe đến Moutier vào lúc 11 giờ rưỡi trưa. Chủ tịch thanh niên âm nhạc ở đây là một nữ giáo viên cô A.M.P. Vừa gặp tôi, cô cho biết rằng mọi việc đã an bài, máy rọi ảnh màu, máy ma-nê-tô-phôn đã đặt sẵn. Muốn chắc ý, sau bữa ăn trưa, trước giờ cô đi dạy học, cô sẽ cùng đi với tôi đến phòng họp. Năm nay, tôi không ở nhà bác-sĩ R. như lần trước. Ông E., chủ một xưởng kỹ-nghệ, có một tòa nhà để cho những khách hàng của ông đến trú ngụ khi thương thuyết việc mua bán hàng. Ông giúp Hội thanh niên âm nhạc bằng cách cho mượn nhà khách của ông để tiếp các nhạc công, nhạc sĩ đến Moutier nhân dịp hội những buổi nói chuyện hay hòa nhạc do hội tổ chức. Trước tôi, có 3 nhạc sĩ và một vũ nữ cổ truyền Ấn-Độ đến ở đây. Mỗi người có một phòng ngủ, buồng tắm riêng. Mỗi tầng lầu có phòng khách chung. Mỗi ngày người được ở đây, đến hiệu ăn cách đó 100 thước, ăn ba bữa không mất tiền.

Sau khi sắp đặt đâu đấy an bài, cô A.M.P. nhân phải dắt học trò dạo núi, mời tôi cùng đi lên đỉnh đồi để nhìn xuống châu thành Moutier

cũng như người sang Ba-Lê thường lên từng thứ ba đài Eiffel để xem thành phố Ba-Lê... Moutier chỉ là một đô thị nhỏ.

Nhưng năm nay, lên trên đỉnh đồi tôi thấy châu thành đã mở mang thêm. Và cạnh chân đồi có một chỗ cho thanh niên tập đi « patin » trên nước đá. Nhờ thế mà năm nay, thành Moutier đã cử một nữ đại diện cho Thụy-Sĩ trong cuộc thi tài đi trên nước đá giữa các nước Âu Châu.

Tối lại, tôi gặp những người đã đi nghe tôi nói chuyện về nhạc Việt cách ba năm trước. Họ dẫn thêm mỗi người một ít bạn bè và sau buổi họp, bà bác sĩ R. mời tôi và ban tổ chức về nhà bà để giải lao. Ông R. thì thích bàn về thời cuộc bà R. lại ưa văn nghệ. Hễ ông hỏi thăm tôi về cuộc nội chiến ở Lào, ở Việt thì bà lại trách nhẹ sao ông cứ nhắc những chuyện huynh đệ tương tàn làm chi. Bà yêu cầu tôi đàn tranh cho nghe vài bản vì lần này tôi nói về các lối hát nhiều hơn về nhạc mà cậu con trai của bà lần trước mắc bận học ở Zurich chưa có dịp nghe tôi đàn. Khi nghe tôi rao Nam bà hỏi có phải là điệu Nam chăng, làm tôi vừa giựt mình vừa sung sướng, giựt mình vì thấy một người Âu yêu nhạc chịu khó để ý nghe và tìm hiểu, nay cũng có thể nhận ra điệu Bắc điệu Nam; sung sướng vì thấy những lời giải thích của tôi về nhạc Việt cách đây 3 năm không phải hoàn toàn vô ích. Gần 12 giờ khuya, cậu N. con trai bà R. đưa tôi về vì năm nay mùa đông kéo dài, trời quá lạnh, nước Thụy-Sĩ thường xuất cảng điện nay phải hạn chế điện và bắt đầu 1 giờ khuya đèn ngoài phố đều tắt cả. Cậu N. trước khi gặp tôi đã thích người Viễn Đông. Trong phòng riêng, cậu dán trên tường những trang tạp chí hoặc sách báo in bằng chữ Hán vì cậu cho rằng một trang đầy chữ Hán đẹp như một bức họa. Nay cậu thấy thích nhạc Việt và cậu bảo sẽ nghe luôn đĩa hát tôi tặng cậu.

Hôm sau, cậu lái xe đưa tôi đến Délémont.

Délémont 20-3. Trong chuyến đi này, có lẽ ở Délémont là tôi thấy không khí chung ít nồng hậu nhất. Ông chủ tịch là một thương gia. Ông gọi điện thoại cho biết rằng tôi sẽ trú ngụ tại Khách sạn Con cò (Hôtel de la Cigogne) và xin lỗi không đến gặp tôi trước 7 giờ tối được. Vào phòng họp, ông theo lệ ở Délémont, không giới thiệu diễn giả. Sau buổi nói chuyện, thỉnh giả vỗ tay rất lâu, nhưng không hỏi thêm một câu nào cả. Và khi ban tổ chức và vài thanh niên đến dự tiệc giải lao, ông chủ tịch xin về trước, vì sáng hôm sau ông phải thức dậy sớm làm việc. Ông lại cáo lỗi không tiễn tôi ra ga. Sáng hôm sau, tôi phải gọi tắc-xi, chở đồ ra đi một mình vào lúc 8 giờ sáng.

Porrentruy 21-3. Hôm nay, là ngày gì mà đi không người đưa, đến không người đón? Xe đến ga Porrentruy đã hơn 15 phút mà không thấy bóng bác sĩ F., chủ tịch Thanh niên âm nhạc tại ga. Ông nói sẽ đến đón tôi

đi ngay lại Tòa thị sảnh, nơi tôi nói chuyện buổi sáng về âm nhạc Việt cho học sinh trường Trung học và buổi tối về kịch nghệ cho thính giả đô thành. Mười giờ rưỡi tôi phải bắt đầu buổi diễn thuyết mà 10 giờ 15 chưa thấy ai đón tôi cả. Gọi điện thoại lại nhà bác sĩ F. mới hay bác sĩ hôm nay thành linh phải đi mổ gấp — bác sĩ F. là y sĩ giám đốc dưỡng đường tại Porrentruy chuyên về khoa mổ xẻ (giải phẫu). Bác sĩ có nhờ một người bạn đến đón tôi, mà mãi đến 10 giờ 20 ông ấy mới tới nhà ga. Cũng may là lúc đến Tòa thị sảnh, người trong ban tổ-chức cho hay học sinh sẽ đến chậm 15 phút.

Tôi chỉ kịp gắn lại phím tre cây đàn kìm mà mỗi lần chở chuyên theo xe lửa bị tróc ra khỏi cần, lên dây đàn tranh, đi rửa tay rửa mặt, thì ngoài cửa, năm sáu xe ca chở trên 300 học sinh nam nữ vừa đến. Các cô các cậu học ban Tú-tài sáng nay thay vì học toán, hay lý-hóa, sử-địa, được đi nghe âm-nhạc Việt. Mấy giáo sư, sau khi sắp cho học sinh ngồi yên nơi đến chào tôi. Trong một giờ rưỡi liền tôi nói về các loại nhạc, các nhạc khí dùng trong nhạc Việt và có nhiều cô cậu hỏi thêm về cách chép nhạc, cách hòa đàn.

Trưa đến, một người trong ban trị sự Thanh niên âm nhạc, một sinh viên học đàn đại phong cầm (orgue) tại Genève, thay mặt bác-sĩ F. đến đưa tôi về « Khách sạn Con nai » (Hôtel du Cerf) ở khít vách với Tòa Thị-sảnh và ăn trưa với tôi.

Lần trước, tôi đã viếng Porrentruy, một thành phố từ thời trung cổ, xem di tích của cửa ải tại biên giới Pháp và biệt thự của những ông hoàng chủ giáo thành Bâle cất từ thế-kỷ thứ XVI. Hôm nay, trời mưa to, tôi nghỉ trưa để chiều nay còn « diễn một xuất nữa ».

Chiều lại, trời vẫn mưa. Và cũng như ở Le Locle, tuy mưa, thính giả đến rất đông. Có nhiều cô, nhiều cậu, buổi sáng đến nghe nói chuyện về âm-nhạc, chiều nay trở lại để nghe nói về chèo, tuồng — Thính giả ở đây nghe rất chăm chỉ và sau cùng hỏi thêm rất nhiều về sinh hoạt kịch trường bên nước Việt, về ảnh hưởng của kịch nghệ Âu-Châu trong kịch giới Việt, về tánh cách lưu động của mấy ghe hát, về những điểm giống nhau hoặc khác nhau giữa các lối hát tuồng Trung-Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam, về tánh chất tôn giáo trong tuồng hát, về các lối văn thơ trong tuồng. Cuộc thảo luận kéo dài đến khuya. Tiệc rượu giải lao chỉ chấm dứt lúc ông chủ khách sạn đến nhắc mọi người rằng đêm đã khuya và nhân viên hầu bàn cần đi nghỉ để sáng mai thức sớm.

22-3. — Sáng nay, bác sĩ F. mặc dầu bận việc tại dưỡng đường cũng gọi điện thoại hỏi thăm tôi và hẹn đến ăn trưa với tôi và trước khi tiễn tôi ra ga để đi Genève — Bác sĩ F. tuổi ngoài tứ tuần,

người cao lớn tóc vàng, mắt xanh. Ông thích du lịch và nghe nhạc. Mặc dầu công việc nhà thương rất bận rộn, ông vẫn để tâm lo tổ chức những buổi hòa nhạc cho thanh niên ở Porrentruy và lúc sắp chia tay, ông đã mời tôi năm tới hay trễ lắm là năm 1965 trở lại Porrentruy một lần nữa. Tuy chưa biết có dịp trở lại Thụy-Sĩ hay chẳng, nhưng thấy sự tiếp đãi nồng hậu của các ban tổ chức, thấy số thính giả lần này đông hơn lần trước, thấy số người ưa thích hay muốn tìm hiểu văn nghệ nước Việt tăng thêm, tôi sung sướng có lẽ như một nhà truyền giáo mỗi khi có thêm được một số tín đồ.

Đi Genève.— Lên xe đi Genève, tôi ngồi chung một toa với một ông thương gia. Ông người Thụy-Sĩ nhưng thích nói chuyện không kém người miền Nam của nước Pháp. Ông tự giới thiệu là người đại diện cho nhiều hãng đồng hồ. Ông hỏi tôi là người nước nào. Khi biết tôi là người Việt, ông liền trách một số người Trung-Hoa ở Hương-Cảng đã làm đồng hồ giả để hiệu Thụy-Sĩ rồi bán phá giá — Tuy ưa nói chuyện ông cũng còn biết dè dặt sợ gặp người Trung-Hoa mà chỉ trích cách buôn bán gian lận kiểu theo kiểu mấy thương gia ở Hương-Cảng — Nghe tôi từ Pháp sang Thụy-Sĩ, ông lại than phiền về việc bên Pháp có nhiều cuộc đình công tại mỏ than, trụ sở điện, sở hỏa xa. Ông cho biết rằng bên Thụy-Sĩ có gần 900.000 nhân công ngoại quốc mà không bao giờ có cuộc đình công lôi thôi chi cả. Mà đình công làm gì khi mức sống cao, tiền lương so với các nước Âu-Châu thì hơn nhiều. Một công nhân lãnh lương tối thiểu là 600 quan Thụy-Sĩ một tháng (lỗi 700 quan Pháp và theo thị trường hối đoái tự do chạy nhằm 13.000 đồng. Một giáo viên trong lúc đi học đã lãnh lương được chừng ấy. Thành tài bắt đầu đi dạy lãnh được gần 1.000 quan Thụy-Sĩ (lỗi 1.120 quan Pháp, hay là 20.000 đồng bạc Việt). Giá sanh hoạt có phần rẻ hơn bên Pháp, mỗi người dân Thụy-Sĩ sống rất đầy đủ, hầu hết nhà nào cũng có phòng tắm, máy lạnh (so với hộ 13 tại Ba-Lê mà theo sự điều tra trong năm rồi, số nhà có phòng tắm chỉ được 3 phần trăm 1). Họ may mắn, được sanh trong một nước hưởng thái bình trên một trăm năm nay, một nước mà cảnh đẹp thiên nhiên quyến rũ bao nhiêu du khách tứ phương và số ngoại tị được lưu hành trong nước dồi dào đến nỗi chánh phủ Thụy-Sĩ không cần hạn chế số tiền Thụy-Sĩ hay tiền ngoại quốc đem ra đem vào trong nước, mỗi lần chiến tranh sắp bùng nổ, các nước đem vàng bạc gửi tại ngân hàng Thụy-Sĩ. Kỹ-nghệ hóa-học, máy móc rất tinh-vi. Người Thụy Sĩ được an cư, lạc-nghiệp, ăn dư no, mặc dư ấm, đâu có nghĩ đến việc đình công tranh đấu để cải-thiện đời sống. Nhiều người thức giả chỉ sợ rằng dân Thụy Sĩ sống một

cách quá đầy đủ sanh ra cầu an ích kỷ, và nếu có một biến cố xảy ra trong nước, họ không sẵn sàng để đương đầu với nghịch cảnh.

Xe đến Genève vào lúc 5 giờ 32. Hôm nay, ông H. người tổ chức những cuộc tuần du khắp nước Thụy Sĩ cho các nhạc sĩ ngoại quốc ra đón tôi tại nhà ga. Ông phải đưa tôi vào Anières cho kịp buổi nói chuyện tối nay tại đây.

Đợi mãi đến gần 6 giờ chiều mà chưa thấy hành lý của tôi tại ga, ông H. sốt ruột, lại hỏi người giúp việc trong ấy: Nhờ ông làm ơn tìm hộ một va-li và một thùng đựng đàn màu đen. Chúng tôi phải đi gấp vào Anières cho kịp giờ.

— Ông đến Genève hồi mấy giờ?

— Ông bạn tôi vừa tới với chuyến xe 5 giờ 32.

— Thế thì có lẽ hành lý chưa đến cùng một chuyến xe.

— Nhưng hành lý, người bạn tôi gửi đi từ sáng sớm và có thể nào lại chưa đến?

— Sao lại không có thể? Nhiều khi hành lý đến theo chuyến xe sau.

— Chuyến xe sau đến đây mấy giờ?

— Lối 8 giờ hơn.

Thế thì nguy. Tôi phải vào Anières trước 8 giờ, ăn chiều với ông đốc trường rồi 8 giờ 45 bắt đầu biểu diễn thuyết về nhạc khí dùng trong cổ nhạc Việt. Tôi có thuê đóng một cái thùng to đựng cây đàn kìm, cây đàn cò và đàn tì bà. Nếu thùng đàn đó không đến kịp thì không lẽ nói chuyện về nhạc khí mà chỉ đem theo có một cây đàn tranh? Những ảnh màu để rọi cho thính giả xem những cây đàn độc huyền, đàn tam, đàn đáy hay loại kèn sáo trống phách cũng để cả trong hộp đàn. Đợi đến 6 giờ 20 mới thấy họ đẩy một xe hành lý vào, trên đó có va-li và hộp đàn của tôi!

Ông H. và tôi vội vàng lãnh hành lý và ông H. đưa tôi đến Anières, vào trường ORT. Đây là một trường đại-học quốc-tế về kỹ-thuật. Những kỹ-thuật-gia các nước sống chung với nhau trong một năm để học tiếng (Pháp hoặc Đức) để được quen với cách sống cách học của người Thụy-Sĩ trước khi đi học chuyên môn. Sinh-viên vùng cận đông, Phi châu năm nay đông hơn cả. Ông đốc trường ra đón mời tôi vào văn phòng của ông để tôi sắp hành lý, lên dây đàn rồi đi ngay đến phòng ăn. Ông đốc nói trước với tôi: «Hôm nay, Sinh-viên Ba-Tur làm ồn hơn ngày thường nhưng chiều nay họ ăn lễ năm mới của họ. Sinh-viên Tuy-ni-zi thì ăn lễ độc lập. Vì vậy nên phòng ăn hôm nay náo nhiệt hơn thường». Một lá quốc-kỳ Ba-Tur được giăng ngang trên tường. Những điệu nhạc loại « cải cách » của họ tỏa vang lên, các sinh-viên Ba-Tur hoặc vỗ tay nhịp theo, hoặc đứng lên múa. Ông phó giám đốc, người Ma-rốc và phu nhân người Do-

thái đến chào tôi rồi ngồi bàn. Sinh-viên các nước cười nói thân mật chúc Tết các anh Ba-Tur, vỗ tay nhịp theo các điệu múa Ba-Tur.

Tiệc tàn, ông đốc trường đưa quyển sổ vàng nhờ tôi viết vào đây một câu. Tôi viết xong, ông xem qua rồi xin phép tôi cho ông đọc câu ấy cho sinh viên nghe trong khi ông giới thiệu tôi :

« ... Hôm nay ông Trần-Văn-Khê sẽ nói chuyện về nhạc khí dùng trong cổ nhạc Việt. Sự trao đổi văn hóa làm cho các dân tộc hiểu nhau và thương nhau. Các anh từ bốn phương đến đây mà chúng ta có thể chung sống với nhau thương yêu giúp đỡ nhau. Dân tộc trên thế giới có thể sống trong hòa bình, chỉ có những người sống nhờ chiến tranh mới muốn gây chiến tranh. Tôi có xin ông Trần-Văn-Khê viết một câu trong quyển sổ vàng Ông đã ghi : « Tôi rất vui mà thấy tại trường này giữa sinh viên các nước, có một tình thân hữu chân thật. Tôi mong rằng âm nhạc có thể giúp cho các dân tộc trên thế giới hiểu nhau và thương yêu nhau hơn ».

Ông đốc trường trao lời cho tôi. Tôi mở đầu buổi nói chuyện bằng mấy câu chúc đầu năm cho sinh viên Ba tur. Rồi đến chúc mừng sinh viên viên Tuy-ni zi nhân ngày lễ độc lập của họ — Sau buổi nói chuyện sinh viên Ba-Tur mời tôi uống với các anh một ly « nước cam xuân » chớ chẳng phải ly rượu xuân vì người Hồi giáo kiêng rượu.

Có một anh sinh viên Ba-Tur hỏi tôi tại sao giọng ngâm sa-mac giống lối Chour » (Su-rô) trong nhạc Ba-Tur. Cũng như có người Ấn nói với tôi rằng điệu sa mạc tương tự như Raga Bhairavi. Tôi phân tích cách ngâm sa mạc và đối chiếu hệ thống âm giai của sa - mạc, của điệu Chour « nước Ba-Tur và của Raga Bhairavi nước Ấn-độ. Tôi nói đến nghĩa đen của chữ sa mạc và nhắc đến cách hát Đại thạch cũng gọi là Đại thực mà Đại thực có nghĩa là Á-Rập để nêu lên một nghi vấn rằng trong cổ nhạc Trung-Hoa cũng như cổ nhạc Việt có thể có một vài làn điệu do nhạc Á-rập mà ra — Nhưng hiện nay tôi chưa đủ tài liệu đối chiếu để quả quyết như thế — Dầu sao đi nữa, khi người Việt ngâm sa mạc mà người Ba-Tur thích như khi nghe điệu Chour, người Ấn thích như khi nghe Raga Bhairavi, sức gợi cảm của âm nhạc có thể đi ngang qua « hàng rào chủng tộc » làm sợi dây nối liền con người với con người.

Đêm khuya ông đốc trường đưa tôi về Genève. Ông đã thuê phòng cho tôi tại « khách sạn Mỏ neo » (Hôtel de l'ancre) gần nhà ga.

Khách sạn này lại cách hiệu cơm Việt-Nam có vài trăm thước. Chủ hiệu Việt-Nam, anh C.M.K. là một người bạn cũ, trước kia bao giờ sang Genève tôi cũng ngụ tại nhà anh. Lần này, người ta đã thuê phòng sẵn, lại chỉ ghé Genève có một vài đêm nên tôi chẳng làm rộn anh chị C.M.K. Đã mười một giờ đêm rồi, không chắc anh chị C.M.K. còn thức nhưng khi

xe chạy ngang qua phố Monthoux tôi thấy đèn hiệu ăn còn cháy, tôi tạt qua tiệm, may gặp anh chị sắp sửa ăn khuya. Gần một tuần nay, chỉ ăn theo người Âu, tối nay gặp bạn cũ, lại được bạn nài ăn cho được một tô phở tái thì còn gì hơn ?

23-3 Genève — Sáng nay đi dạo phố mua mấy món cần thiết rồi về sửa soạn khăn đóng áo dài, lên dây đàn đến 4 giờ chiều, anh C. M. K. đem ô tô lại đưa tôi đến Nhân chủng bảo tàng viện Genève. Bà L. D. Giám đốc viện Dân tộc học, mời tôi vào văn-phòng để đàm đạo. Ông và bà đều là những nhà thông thái về dân tộc học. Ông bà gặp tôi mừng rỡ và cảm ơn tôi chẳng những đã nhận lời nói chuyện về sân khấu nước Việt mà còn nhận dự buổi tiệc tối này do ông bà Ch. thiết đãi, mặc dầu tôi rất mệt vì hôm nào cũng phải đi từ nơi này đến nơi khác.

Đúng 5 giờ bắt đầu buổi nói chuyện. Vừa bước vào phòng họp, tôi ngạc nhiên thấy rằng số thính giả đông ngoài sự chờ đợi và đại giảng đường hôm nay không đủ ghế cho thính giả. Nhiều người phải đứng dựa tường. Số dĩ buổi hát hôm nay « đậm giàn » một phần nhờ Việt kiều ở Genève đến đông đủ. Nhìn xuống phía trái toàn những người quen thuộc. Có cả các anh chị em từ Lausanne một châu thành cách Genève gần 70 cây số đã đổ đường đến nghe. Hôm nay, tôi thấy hứng hơn mấy hôm trước, nhờ có người Việt trong số thính giả. Biết những câu hát Khách hát Nam, những bài hát sắp cổ phong, hát hồi tiểu, bài ca Lưu thủy trường v.v... được người đồng hương thưởng thức, tôi đàn hát có lẽ hay hơn thường. (Báo giới đến đông đủ và hôm sau tất cả các báo đều có bài trường thuật). Buổi nói chuyện vừa tan, anh chị em Việt-kiều đến bắt tay tôi và mời tôi dùng cơm chiều với anh chị em. Nhưng cách một tháng trước, tôi đã nhận lời dự tiệc do ông bà Ch. đãi. Nể tình các anh chị em Việt-Kiều, tôi xin phép ông bà Ch. đến nhà anh chị V. B., rồi đến 8 giờ tối, ông bà Ch. sẽ đến đón tôi. Từ 6 giờ rưỡi đến 8 giờ, các anh chị em Việt-kiều nghe nhạc Việt chưa đã thèm, nên nài tôi đàn hát thêm để các anh chị em thâu thanh. Tôi đã mệt lại không thích đàn hát cho người khác thâu thanh, nhưng khi nghe mấy anh em nói : « chúng tôi bên này khát nhạc Việt, gặp anh chỉ mong giữ lại một ít âm thanh, có nhớ quê hương đem ra nghe mà vọng về nước nhà ». Tôi không từ chối. Khi ca giọng Ai, anh N. nha y-sĩ nét mặt rầu rầu. Lúc ngâm sa mạc xong, chị H. nước mắt ràn-rụa. Buổi họp đang vui, có tiếng người bấm chuông. Ông bà Ch. đến đón tôi về biệt thự của ông bà ở ngoại ô. Ông ở trong bộ Ngoại giao, ngày trước có sống ở nhiều nước Á châu, bà giáo sư toán pháp mà làm bếp rất khéo. Hôm đó có bạn ông bà Ch., một Bác-sĩ người diêm đạm ít nói, và ông bà L. D.. Bà L. D. nhắc lại

lúc xưa đã nhiều lần xem hát Trung-Hoa tại Bắc Kinh, Thượng-Hải. Lúc đó không có ai giảng về những đặc trưng của lời hát tuồng cổ Trung-Hoa nên bà chỉ đoán chừng mà không hiểu. Nay nghe tôi nói chuyện về lời hát bội mà bà hiểu ngược lại hát tuồng Trung-Hoa. Ông L. thuật lại những phản ứng của thánh giả ban chiều. Ông bảo rằng người ở Genève ít khen ai lắm. Khi nào đi nghe nhạc hay xem hát mà họ nói: « Không dở lắm » (Pas mal) tức là hay. Thế mà hồi chiều có ông lão buột mồm khen: « Hay quá ! » (C'est très bien) chắc ông lão đó về ngủ không được vì mình sao đã trót khen. Ông L. nói rồi cười giòn. Trong bữa ăn, các ông bà ấy hỏi tôi về phong tục, các sống của người Việt. Tôi nói chuyện về ngôn ngữ về cách ngâm thơ của người Việt tùy theo giọng nói. Đến gần 1 giờ khuya, tôi mới về đến Genève.

Sắp đặt hành lý xong, ngủ chưa thẳng giấc thì đồng hồ reo — 5 giờ rưỡi sáng, lại là sáng chúa nhật. Thế mà tôi lại phải lên đường đi Bienne.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-VĂN-KHÊ

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TỪ NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BAO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghĩ — SAIGON

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - YANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135. Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P O Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1 000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Niềm tin mong manh

TRĂNG che nửa mặt. Sao li ti như những hạt cườm chỗ dày chỗ thưa. Hàng điện đường sáng lấp lẹ trông như những con mắt yếu.

Chúng tôi vẫn đi lơ lửng, tôi ngồi sau lưng Thơm lắng tai nghe những động tĩnh trên đường vắng. Thơm đi xe đạp vững-vàng như đàn ông, tôi nhúc nhích luôn mà hai tay hấn vẫn ngay thẳng như thường. Mọi người đều đi ngủ trong nhà họ cả rồi. Đường về đạp mãi không hết. Tôi dựa đầu vào lưng Thơm nhắm mắt, một tay cầm chiếc kéo sắt.

Thơm đến giúp việc cho gia-đình tôi đã ba năm. Hấn vừa làm bếp vừa ca vọng-cổ với mấy bộ núc kiền. Những thứ sách mỏng tanh hai đồng một quyển in mấy vở kịch tâm-lý, thời-đại bi-thương của các soạn giả danh-tiếng được hong khói trên giàn củi. Thế giới thần-tiên của hấn là Thành-Danh Thu-Nga, Thanh-Ngân, Ngọc-Sang; họ khóc ra lệ và nói thành tiếng. Trên sân-khấu, thần-tượng của

Thơm khi hấp-hối còn ca cải-lương dòn rụm, lạnh-lãnh, thì Thơm trước nồi cơm khê, trách cá khét cũng xuống nổi vài câu mùi vị nghi ngút. Hấn « lằng xê » vợ chồng Thành-Danh vào trí óc thơ ngây của các em tôi, nhất là con Út học lớp năm trường Nam-Giao. Con em bé mê Thành-Danh gấp mười chúng tôi si Anthony Perkins vì Thành-Danh giàu nhưt xừ, đêm đêm tiêu xài hơn mấy trăm ngàn, xe hơi mỗi ngày mỗi kiểu và bà vợ thì có ba người hầu gái. Một người săn-sóc từ cổ trở lên, một người từ cổ xuống đến eo và người thứ ba từ eo đến chân. Óc tưởng-tượng muốn bẻ ra, hào-quang khiêu-vũ trong đôi mắt, em tôi quá phục, vội vàng ngửa cổ nhìn trời như để chiêm-ngưỡng hai vì sao trên thiên-đỉnh; em đã tương-tư sự giàu sang của họ. Một buổi sáng, vừa ăn khoai luộc, em vừa hỏi Thơm:

— Thành-Danh nó ăn khoai từ không chị hè?

Thơm cũng có lợi cho chúng tôi lắm! Ngoài công việc hằng ngày, hấn còn làm hộ-vệ cho chúng tôi. Mỗi lần các con đi về khuya, mẹ đều phái Thơm đưa đón. Tôi tìm ra trên tấm thân «bồ» liễu của hấn rất nhiều bảo-đảm, che chở, có thể trao hết sinh-mạng.

Nhớ lúc còn nhỏ, làm luận tôi chuyên gọi mặt trăng là chị Hằng; cô giáo cho đề tả người giúp việc gia-đình, tôi cả mừng ra sức nặn cho đối tượng của mình thành một nàng lọ-lem, tuổi vừa hai lần tám, đẹp từ lớp da ngoài đến các tế-bào bên trong, tâm-hồn cao thượng như vàng, thương yêu chó mèo, và kết-luận: «em rất thương chị Sen nhà em».

Ngày nay, em Sen nhà tôi không hấn là cái hình-hài thật của bài luận lão thuở xưa, nhưng dù có ăn-mặc như chúng tôi, Thơm vẫn không tử-tế bằng được, không đổi lột được. Thân-thể nở tròn vì công việc của hấn ngó như trương gồng trong chiếc áo dài ny-lông trong bóng, tuy ở thắt bụng cũng lún vào, quyết-định một đường eo. Lớp thịt dày từ bên trên bụng đến cổ của Thơm ngó mà mệt, vì dây treo chẳng chịt như băng bó một vết thương lồi. Thơm thường lấy chanh tươi chà xát móng tay như chúng tôi, nhưng chất chua không làm mất được vẻ thô-kệch. Nhìn vào Thơm, người ta có thể đoán biết được cội rễ, giang-sơn của hấn. Giang-sơn ấy là bếp nước nhà thiên-hạ. Nhưng hấn có những cái hay trên mặt như đôi má rất hồng lốm-đốm tàn hương, bộ lông mày rậm đen khỏi phải kẻ bút chì than.

Thơm thả ra một tay vuốt lưng tôi rồi cười:

— Té ra còn, cứ tưởng chị rớt mô dọc đường rồi. Chỗ chị nhẹ như chỗ tờ giấy.

Tôi dựa vào lưng Thơm, muốn ngủ ngay lúc đó. Bỗng có tiếng xe gắn máy nổ ồ ồ phía sau. Tôi chụp lấy lưng Thơm và ngó lui thủ thế. Thơm cho xe đạp đi chậm lại rồi chống chân xuống đất. Chiếc Vélo vụt qua, gió lùa vào rộng áo người đàn ông, cô bạn gái ngồi sau lưng quay nhìn chúng tôi. Thơm cười to, lấy móng tay chích tôi một cái:

— Ngó chị thăm quá... ồm o xo bại... Em hí, thằng cha mô mà ló-xó nhào vô là em ngáng ngay chiếc xe đạp vào bánh trước xe hấn, cho hấn bổ lăn ra... rồi thì cứ guốc mà phang vào đầu cho tổn tới già...

Chẳng biết khi Thơm «ngáng xe đạp» vào kẻ thù thì Thơm có bình-yên được không? Đàn ông có phải là thứ dễ «phang» lắm không? Hay là chúng tôi cùng vất cả guốc, cả xe đó mà chạy? Chúng tôi chưa lâm trận lần nào nên Thơm chưa ra tay được, tài-năng chưa xuất-hiện. Hấn tiếp:

— Em chỉ lo cho chị... nếu không đi nữa, em níu xe hấn lại la làng là Cảnh-sát chạy ra liền.

Nghe Thơm nói, tôi cảm thấy sức khoẻ hình như tăng lên, tinh-thần cũng cứng chắc hơn. Thơm sốt-sắng lo cho thân tôi cũng như thân hấn, không một chút thiên-vị cho riêng mình. Tính mạng tôi cũng đáng giữ-gìn như của hấn vậy. Tôi vuốt tóc Thơm và nghĩ đến tính nết

hào phóng của hắn. Hắn thích đãi bún-bò cho chị em tôi. Ai cũng có vay tiền hắn, nhiều khi phải cắn áo quần để trừ nợ. Tôi nợ hắn đến 500 đồng mấy năm đồn lại. Hắn nói với tôi nhiều lần :

— Mai sau, chị có gia-đình riêng, em đi theo ở với chị.

Thơm bỏ tiền ra chụp hình từng xấp mà không xót ruột. Mẹ tôi nhìn những kiểu bóng Thơm cầm dù Nhật-Bản, mang áo rằn-ri bẻ cổ mà xuýt-xoa cho số tiền chợ.

Chúng tôi lành-lặn về đến cửa ngõ, cha mẹ tôi đang đứng ngóng trước cổng...



Tôi ngược mặt lên. Trên nền trời, trăng sao còn thao-thức. Trời khô. Nếu có gió thì không-khí bớt hàn-học. Tôi thức khuya quá nhiều, hai mí mắt cứng sững không còn cảm-giác buồn ngủ nữa. Cái nòng bằng ny-lông của chiếc nịt ngực cắn vào da như một tai-ách. Tôi tháo nút sau lưng cho thân-thể một lối thoát. Tay tôi vung rộng quá làm rơi một cái chai. Mùi hăng hắc buồn nôn phất vào mũi... đúng là chai thuốc ngủ... Uống ít thì an-thần, đúng « đô » thì ngủ mê mết và nốc ực cả chai thì xong một đời.

Khi mua chai thuốc, ý tưởng nghĩ quyền sinh tử tưởng không ai can nỏi ; tôi đã toan ngủ giấc cuối cùng. Nhưng khi đối diện với chai thuốc độc thì bao nhiêu gai-góc nổi lên ! Không chết được thì phải gắng sống, gắng làm mẹ giọt máu trời tặng đang trôi trong bào thai.

Tôi biết mình chưa chán đời. Hôm qua, cầm chai thuốc trong tay, lúc lang-thang trên hè phố, một người khác phái đã nhìn tôi với vẻ đại khờ, say đắm. Tôi phải quay đi để trốn cái nhìn đó. Cứ chỉ lẩn tránh ấy chứa chan nữ tính, giảng cho tôi biết tôi vẫn còn nhạy cảm lắm. Một người sửa soạn quyền sinh vì tình yêu như tôi mà còn lui lại để cảm nhận những chuyện rất ấu trĩ như liếc, nhìn, hôn gió sao ?

Thói quen khiến tôi nhớ đến việc giữ gìn sức khỏe. Tôi quơ tay trong bóng tối tìm tới kệ thuốc. Ngón tay trở thay móng sừng húp lên nhức nhối.

Tôi mò mẫm uống bốn giọt thuốc khỏe tim, tay tôi đưa lên chạm vào những chấm mụn nham nhỏ trên má, mụn là kẻ thù của da mặt. Cục thịt thừa trong mũi nở ra, khô khè, phải bốn giọt thuốc thông mũi cho hơi thở có lối vào phổi. Tôi tìm chai dầu nóng thoa lên thái dương và nuốt một viên thuốc an thần còn sót lại. Tôi sống khó khăn. Một buổi chiều, T. chưa kịp cười với tôi đã vội xịu mặt xuống trách :

— Chưa chi mà em đã khai với anh bao nhiêu là bệnh hoạn.

Tôi trở về giường, đưa bàn tay lên thoa bụng mà nước mắt ứa ra ròng ròng.

Phải đi. Trốn đi cho gia đình nhờ. Đêm đêm, mẹ tụng kinh trước giấc ngủ không phải để cầu xin một đứa cháu ngoại hoang.

Chị Diệu trở mình ú ớ, vát một chân qua người tôi và lẩn tôi sát vào thành giường. Chị học giỏi hơn tôi mấy trăm dặm, có bằng cấp làm chứng,

nên cái khuynh hướng hơn thua cũng biểu lộ một cách vô tình ngay cả trong giấc ngủ. Đêm nào chị cũng đèn bếp và lẩn áp tôi đến men thành giường. Chị đi dạy, thương trẻ đến nỗi quên buồn cho số phận muộn màng, năm tháng vẫn kéo lê, mòn mỏi cuộc đời con gái. Một quan niệm giáo dục của chị :

— Dạy học trò con trai mất mát quá nhiều, nhìn con trai thiên hạ quá loạn, thiệt không ưng lấy chồng nữa vì ai mô ngó cũng xấu hơn học trò mình cả.

Ba tháng hè, chị Diệu buồn rữ người, ngày đêm tương tư lớp học. Chị quý học trò hơn gia đình.

Gia đình tôi đại khái cũng như những gia đình khác ; cũng ông cha đẹp đẹp, bà mẹ phì phì và lũ con thì đứa cao đứa lùn đủ cỡ, chỉ thiếu vài đứa con trai để sau này có cả dâu, cả rể để huê cho đủ bộ mà thôi. Mẹ hậm hực suốt ngày vì bày con gái. Còn chi vô ích, lạt lẽo hơn chỉ để ròng một thứ con gái. Cha mẹ tôi như hai điện cực bắt dung nhau, thường gắt nhau trước mặt con cái. Chúng tôi là con không thể sửa tính cha mẹ được. Cha hay hành tội mẹ, thương con bằng cách đay nghiến vợ, cần nhằn cả ngày không ai vui được. Để đáp lại, bao giờ mẹ cũng đem tương lai bày con gái ra dọa :

— Ông cứ ăn hiếp con gái người khác rồi mai sau con ông bị người ta ăn hiếp lại.

Rồi mẹ quay sang Út :

— Mai sau mi phải trả nợ đời cho cha.

Chúng tôi chỉ xin được tiền mẹ vì chỗ đó làm ăn dễ. Cha thanh liêm lắm, khó

nói chuyện tiền nong. Chúng tôi hay cãi lại mẹ và sợ oai cha. Điều ấy làm mẹ bất mãn. Mẹ còn một nỗi buồn nữa là tình thương ít ỏi của cha. Mấy năm chúng tôi lớn vùn vụt khiến cách đối đãi của cha phải thay đổi, cha tế nhị như một người anh cả. Cha là đàn ông, biết trọng và nhường phái yếu, cha lịch sự với những đứa con gái lớn. « Sự » ấy làm mẹ gay gắt vì cách trọng phái yếu của cha, bất công sao lại trừ mẹ ? mẹ đâu có mạnh hơn chúng tôi. Đối với mẹ thì « con đẻ ra đâu phải là bà cô mà chịu đãi ». Mẹ âm thầm nổi giận mỗi khi cha thiên vị chúng tôi — « cái chi cũng ba đứa con gái lớn, tội nhỏ chưa đủ vầy đủ cánh mới tội » — Trong tình thương, cha đã vô tình bỏ rơi mẹ. Chúng tôi cứng đầu hay cãi lý với mẹ. Cha chê mẹ không biết giữ tiền mà lại không ngăn cấm con gái sắm áo quần. Mẹ cô độc và buồn ray rút nên mau già hơn cha.

Đưa tay vuốt bụng, tôi bỗng bật khóc thành tiếng. Gia đình nhận cái vỏ này thì các chị em tôi hết đường sống, không bao giờ ngóc đầu lên được, như những con lươn suốt đời không biết vươn mình, suốt đời chỉ biết một lối xuống bùn lầy. Tôi phải đi trước, khi sự thật lộ hình. Tôi thương chị em tôi, cùng bị tôi hại. Tôi hư vì lòng tin con của cha mẹ.

Tôi nghĩ đến tinh thần thể thao gia đình. Những buổi mai chúng tôi nhác luyện tập thân thể, mẹ thường vò nhăn áo dài không cho làm đẹp. Những buổi chiều cha đi xe đạp rà rà ven bờ sông, canh chừng bọn ném đá cho chúng tôi

boi thuyền. Khổ người còm cõi của cha trên cồn Giả viên nhìn ra chúng tôi chập chờn trên làn nước. Những lúc ấy trông cha mà lòng nao nao.

Sáng hôm sau dậy muộn, tôi đứng rửa mặt bên cạnh mẹ. Đẩy lát chanh đi nhẹ nhẹ lên mặt, lên cổ tôi bần thần suy nghĩ. Mẹ trông vẻ mặt phờ phạc của tôi và hối thúc đi uốn tóc. Cha mẹ tôi thiên lệch nhiều về thẩm mỹ của hình thức. Mẹ muốn chúng tôi bao giờ cũng tươi, tươi hơn những đứa con gái ông hàng xóm. Mẹ tôi hiện yếu thể vì ông hàng xóm quá chuyên quyền. Đất đai, vườn tược nhà tôi bị ông làm mất sạch thể diện. Không biết ông dựa trên nguyên tắc nào mà cho xây một cái cầu tiêu quay mặt gọn gàng vào cửa ngõ ra vào nhà chúng tôi. Đêm lý lẽ ra phân trần với ông thì lý lẽ bị cùn. Sự thật đó rồi, ngày đêm lên hương. Ít tháng sau ông lại cho mọc thêm một cái cầu nữa. Cả hai cái cầu cùng nhăm ngay thể diện nhà tôi mà nhìn vào, và đứa con gái ông được thể ngâm :

— Một nền đồng tước khóa xuân hai « kiều ».

Nếu biết sự sa chân của tôi, chắc ông sẽ hãnh diện xây thêm một cái cầu nữa để ghi chiến công và mấy đứa con gái của ông sẽ « danh » hơn một chút vì đã ^{đã} ~~đã~~ ^{bớt} được một địch thủ. Thật tôi không có hậu, không có óc gia đình, không biết thương ai hết.

Tôi rửa mặt vội vàng. Nên uốn đầu tóc lại cho tử tế rồi đi... Tôi còn phải tái lập cuộc đời.

••

Gian phòng uốn tóc nặng hơi người và đầy những thứ bẩn thỉu khó trông thấy : những mảng tóc rụng và bụi gàu khô vương vãi trên nền nhà, trên những trang báo phụ-nữ. Mỗi người chạm mặt với bóng mình trong gương. Những đầu tóc ướt hoen lạt màu hồng má phấn. Trong tiệm ghế không còn trống, thợ đều mắc tay. Hai bên tôi có người mang vở đến đây học, có nữ giáo sư ngồi chăm bài tập. Người tích cực yêu đời thì một tháng phải bốn lần hấp tóc, cộng lại bằng hai ngày vô nghĩa. Tôi ngắm nghĩa mình trong gương. Mái tóc dày mịn chưa đựng vai thì hất ra, hai vùng mắt rộng, oai vệ, những đường nét còn lại có thể trên trung bình nhưng tôi không đẹp nổi vì màu da tối buồn. Những chấm mụn bất trị nở lan ra quây quần từng vạt chật cả khuôn mặt ; sữa candès thoa lên chỉ công hiệu bằng nước lã. Hai cái môi của tôi học đòi B. B Miệng B. B đẹp và nhóp không ai có. Môi của tôi cũng hờn dỗi, tham ăn như thể đó, và hàm răng trên mọc không sát cánh có một chiếc khểnh ra ăn cần đưa duyên. Những người con gái môi nóng có số cực về tình duyên. Đợi gần một giờ tôi mới ngồi vào ghế gội. Mười móng tay cứng nhọn của chị làm công thi đua cùng chiếc bàn chải tóc chà sát điên cuồng trên lớp da đầu đang bứt rứt ngứa ngáy. Tôi lim dim mắt, buồn ngủ vô cùng. Tôi nghĩ thầm : « Đàn bà siêng năng làm mọi công việc nhưng lười biếng gội đầu cho mình, bao giờ cũng thích nhờ cậy người khác ».

Khi tôi mang cái đầu ướt ra ngồi soi gương thì hết thợ. Đợi mãi... Mỗi

người thợ chăm chú, mân mê đầu tóc đàn bà trong tay mình trông vui mắt như những con chim trống đang rĩa lông cho bạn tình. Những mẫu chuyện từ giữa hai người dậy lên huyền thuyên. Ba anh thợ làm tóc khéo mồm. Phụ nữ đến đây trong một phút quên nghĩ rằng họ là những người thợ như thợ may, thợ cúp, mà cho rằng đó là những cô-văn sắc đẹp. Ai có điểm-phúc vuốt-ve người đẹp nhiều bằng họ, ai được gần gũi phải yếu một cách trực-tiếp như các chú Xi, chú Xườn, chú Trĩa, chú Tròn... Một ngày bươi bao nhiêu đầu tóc. Họ thấy đàn bà một cách tường tận từ kẽ tóc, lớp da đầu; và người đẹp chịu phép đôi bàn tay khéo của họ, ngoan-ngoãn ngồi im hàng giờ. Họ là những nghệ sĩ, tiếp tay với Tạo-hóa giăng mắc cái đẹp trên đầu người. Phụ-nữ cần những hạng đàn ông ấy. Họ là những nghệ-sĩ có đôi bàn tay đào-hoa, lẳng-lơ.

Tôi nghĩ đến vẻ cáu-kỉnh của người anh họ :

— Tôi hết sức cấm vợ đi uốn tóc. Nghĩ đến ông thợ sẽ nâng-niu âu yếm cái đầu vợ mình suốt ba tiếng đồng hồ mà lợm, chịu không được. Khi hấn ôm được cái đầu thì ai cấm hấn nhìn xuống nữa...

Những chú thợ được đòi cung nên quên ngay thân phận mình. Họ tưởng có tài như họ thì yêu ai cũng vừa cả. Niền, thợ nhất ở đây chỉ thích làm tóc cho nữ sinh. Lâu nay, không những Niền đã để mắt xanh vào đầu tóc tôi mà thôi. Những lần hấn phạm... thượng, tôi cố ý làm lơ. Hôm nay, cho hấn sấy tóc, tôi còn ần ý xem thử, có thể nhờ

hấn làm cha hộ giọt máu trong người tôi không.

Niền đến bên tôi rờ rẫm mái tóc ướt. Tôi nhìn tôi và nhìn hấn trong gương. Hấn mang trên đầu một mái tóc đẹp, khô mà không xả, nổi bông bênh như vùng mây mỏng trông sơ sài và bất cần đời quá. Trông hấn gần có thể bảo là một sinh viên văn khoa lãng-mạn hay một nhạc-sĩ dương cầm. Da hấn xanh không cần sinh-tố, đôi mắt như thao-thức vì những cái đẹp trong sách vở. Niền cúi xuống. Năm ngón tay của hấn đặt trên tóc rồi xuống nằm trên gáy tôi. Tôi ngái người. Lúc mờ-màn yêu tôi, T... cũng đặt tay lên gáy tôi. Khi Niền cúi xuống uốn vòng những con tóc bên thái-dương, thân-thể hấn như muốn chồm qua thành ghế. . . Lúc T... trườn qua thành ghế, ôm lấy chiếc gáy, những cái hôn bắn loạn từ gáy trở xuống làm tôi không thấy gì nữa, cả T. và tôi, và khi thấy được thì toàn thân tôi đã tê cứng như bị điểm-huyệt...

Bây giờ nhìn Niền, tôi thấy hấn giống T... nhưng hấn không qua được giới-hạn thành ghế còn T... thì lặn xả vào. Tôi thầm nghĩ nếu trong phòng uốn tóc chỉ chứa hai người, một anh thợ với một khách hàng... Niền bắt chuyện :

— Gáy đầy cả lông măng, cô có phải là con út không ?

Tôi muốn ngáp trước mặt hấn một cái cho khỏe, uể oải đáp :

— Không Út, không chi hết.

— Tôi không thích những đứa con Út, hư lắm... những đứa con Út luôn luôn được nuôi bằng tình-cảm.

Cách nói chuyện của Niên cao hơn cuộc đời hẳn sống. Chỉ được chút đó. Tôi hỏi hẳn :

— Làm nghề ni đứng cả ngày mỗi xương lăm phải không ?

— Có hề chi... khi mình đứng vì người đẹp, vì nghệ thuật... Mỗi rục người nhưng phải hy-sinh... Nhưng có lẽ tôi phải đi viễn du một chuyến đi đổi gió, an dưỡng tinh-thần. Phải nghĩ đến mình chứ !... sống cho mình với chứ.

Khi chải xong lọn tóc cuối cùng, hẳn đứng nghiêng nghiêng cầm cao chiếc gương cho tôi soi đằng sau. Cử chỉ hẳn âu yếm như cử chỉ một người chồng.

Tôi ngao-ngán chát cả miệng... Vào đây để nhớ đến T... thì còn tính toán chi được nữa.

Bên hè phố, tiếng hát Minh-Tuyết nức lên như vỡ tuyến lệ : « anh nhớ trước đây dáng em gầy gầy ». Bài hát chi lạ. Phải rồi, trước kia thôi em mới đẹp, thân hình thanh-cảnh ! bây giờ em đã lên cân rồi khinh người quá.

Tôi định rẽ vào nhà T... để điều-đinh công và tội, nhưng thôi. Người ta đã tránh. Người ta đã yêu mình đến đích rồi còn chi nữa. Tôi chưa kể với T. chuyện gì xảy ra trong bụng. Tự ái của tôi không cho tôi van nài. Biết đâu khi tôi nhân danh tình yêu tuyên bố kết quả, T... lại nói không phải của chàng. Đàn ông không bao giờ thích nghe hết án họ bị làm cha nên mọi người đàn bà đều hốt hoảng khi biết mình sắp làm mẹ. Ngang đây thì đời đã cùng rồi, nạn nhân chỉ biết cuống lên thôi, sống chết đều bấu vào cứu tinh.

Tôi không trông mong T. ngó lại, tôi phải ra đi để chàng tiếp tục hưởng cuộc đời. Chàng mới học đệ tam mà ! cuộc đời còn dài, bao nhiêu là bằng cấp !

* * *

Đầu tóc hấp lại hơi quăn khiến vẻ mặt tôi như lai Ấn. Tóc mai sắp cái thương cái hạ trên trán không thật thà chi cả. Tôi soi gương lâu lâu đợi Út đi ngủ mới tính tiền trả nợ cho Thơm. Với cha mẹ, với chị em thì dù có chết khô, chết héo cách nào, nợ cũng không rũ sạch. Chị em phải chịu xấu chung với tôi.

Út quăn lấy Thơm làm tôi khó nói. Dỡ dành em đi ngủ mấy cũng không nổi. Không một sức mạnh gia đình nào có thể buộc Út phải ngủ trưa như người lớn, trừ cách mách cô giáo lớp năm. Khi đó, Út sẽ vùng vằng lên giường nằm và mở mắt mãi không phục thiện.

Tiếng máy may lạch cạch như sắp gãy kim. Thơm chuyên môn may vá buổi trưa. Hẳn vừa đếm tiền vừa cười.

— Hết nợ... Khi ai trả hết nợ cho em, em cảm thấy như người đó sắp đi xa.

Đi xa ! Thơm nói vô tình hay biết thật dự định tối tăm của tôi rồi ? ... Bỗng tôi có ý nghĩ rù Thơm đi trốn chung. Thơm sống cuộc đời thả lỏng không thân thích. Hẳn đã từng che chở, bảo vệ tôi trong những đêm khuya ; hẳn sẽ cảm thông chung bước với tôi trên những đoạn đường sắp rẽ. . .

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE ; TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai Ito HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Ningyocho - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Cairo -
Frankfurt - Vancouver.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

Những chặng đường quan trọng của văn học Liên-xô hiện đại

Băng rã rồi băng lại đóng. —

Chứng điên truyền nhiễm. — Ngay cả trong khi Claude Ligny lạc quan về chính sách cởi mở của Khrushchev, thì ở Nga thực ra đã bắt đầu có những triệu chứng báo hiệu một khúc quanh mới. Ấy là chứng điên truyền nhiễm trong giới văn nghệ.

Thực vậy, nạn nhân đáng chú ý trước hết là Alexandre Sergeïvitch Yesenine-Volpine. Nhà thơ này đậu tiền sĩ triết học và lại làm giáo sư toán học, nhưng không tin tưởng mấy ở lý thuyết Mác-xít. Năm 1949 một tập bản thảo thơ phản Mác-xít đã đưa ông đi Tây-Bá-Lợi-Á. Lúc Staline bị hạ bệ, người ta tha cho Yesenine-Volpine về, nhà thơ về để nhận xét rằng có Staline hay không có Staline thì chủ nghĩa cộng sản vẫn là một thứ

ngục tù tinh thần. Ông lại hoàn thành một tập bản thảo khác, đã kích chế độ ấy, và gửi ra nước ngoài, yêu cầu được xuất bản và xin nhận lãnh hết trách nhiệm về mọi việc có thể xảy ra. Năm 1961, cuốn *Một chiếc lá xuân* (*A leaf of Spring*) in bằng hai thứ tiếng Nga và Mỹ đôi chiều, ra đời ở New-York. Trong lời tựa, tác giả nói rằng : « Để đáp lại những luận cứ về thái độ vô trách nhiệm tinh thần của tôi, tôi yêu cầu độc giả hãy xét tôi qua các công cuộc nghiên cứu khoa học và qua các thi phẩm của tôi. Sự thực, thì chỉ có kẻ suy nhược về tinh thần lẫn đạo đức mới có thể sống nổi ở Liên-Xô mà không phần nộ đến tột cùng. Nếu không thế, bọn cộng sản đã chẳng cần phải đóng chặt biên giới của họ... Cái thứ tự do tương đối mà chúng tôi được hưởng từ khi Staline chết đến

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG QUAN TRỌNG...

giờ (đôi với bất cứ ở đâu ngoài xứ sở chúng tôi nó chỉ đáng là một chế độ nô lệ nhục nhã), thứ tự do đó không phải do xã hội tranh đoạt được mà là do Giáo hội cộng sản ban cho, họ vờn với dân chúng như thể một con mèo vờn chuột». Sau khi Yesenine Volpine xuất bản sách, chính phủ của Khrushchev không trả tác giả ấy lại Tây-bá-lợi-Á hay thủ tiêu ông ta; Khrushchev không muốn lặp lại những sáng kiến của Staline, Khrushchev có đường lối riêng của mình: ông xem những kẻ chống lại chế độ như là những người điên, và thay vì đưa họ vào trại giam, ông đưa họ vào nhà thương.

Yesenine-Volpine điên xong, nhà điêu khắc Mikhail A. Nartitza lại cũng điên, bị đưa vào bệnh viện Leningrad, vì trót gửi sang nước Anh xuất bản một cuốn tiểu thuyết. Sau đó một nhà văn lão thành sáu mươi tuổi là Valery Y. Tarsis, thận trọng hơn, có đưa đơn xin phép với Khrushchev về trường hợp xuất bản truyện ngắn của mình ở Anh quốc; không nhận được trả lời, nhà văn này bịa ra cái bút hiệu Ivan Valery và cho in sách, thế là ông thành ra một kẻ điên nữa, nhốt ở bệnh viện Moscou. Rồi lại Ovechkine cũng điên, nhốt ở Kouesk vì chủ trương nhà xuất bản Novy-Mir, in những thứ sách nguy hiểm của Nekrasov và Ehrenbourg (trong vụ án *Nhân văn* ở Hà Nội cũng có nhà xuất bản bị tù cùng với nhà văn). Cứ thế văn nghệ sĩ nọ kẻ tiếp văn nghệ sĩ kia bị nhốt nhà thương điên.

Đúng như lời Yesenine-Volpine: «bất cứ ở đâu ngoài xứ sở Liên-Sô» một hiện tượng tai họa như thể xảy đến cho giới văn nghệ cũng phải làm dư luận xôn xao lo ngại, nếu không phải là bất bình. Thế nhưng ở Nga thì những vụ nhốt người — những người danh tiếng — một cách oan uổng như thể chưa đủ khuấy động không khí lạc quan. Thế hãy còn sáng sủa lắm: nhốt vào nhà điên có thắm gì so với việc nhốt vào trại cưỡng bách lao công và việc thủ tiêu trước kia? Bởi vậy thời kỳ xảy ra những vụ điên ấy vẫn gọi là thời kỳ cởi mở, tự do của văn học Nga-Sô.

Nghệ sĩ Nga sẵn lòng bỏ qua những phiền lụy như thể, và bỏ qua cả những điều nhục nhã khác mà họ phải chịu trong các cuộc viếng thăm ngoại quốc. Trong một chuyến đi thăm Hoa-Kỳ, hai mươi nhà văn Nga bị đặt dưới quyền kiểm soát của Ivan Ivanovitch. Lệ thường, công dân xô-viết đi ra nước ngoài lúc nào cũng phải đi từng đoàn, ít ra là từng cặp, để người nọ theo dõi người kia, chứ không bao giờ được tách rời ra đi lẻ tẻ. Đi từng đoàn, ai nấy giúp nhau quan sát cho đúng lập trường, ví dụ ở Mỹ thì lúc nào cũng chỉ thấy cảnh giai cấp bóc lột nhau, thấy những đứa trẻ nghèo đói rách rưới kiếm ăn trong các đồng rác, bên cạnh những dãy nhà chọc trời của bọn tư bản phè phỡn, thấy người đã đen bị sỉ nhục hành hạ bất công vô lý, thấy những cuộc ăn chơi dâm loạn của một xã hội đối trụy v. v... Đảng này, trong thời kỳ cởi mở, các văn nghệ sĩ trong đoàn có



Victor Nekrassov

ý muốn hành động tự do hơn, và Ivan Ivanovitch phải nghiêm khắc cảnh cáo rằng nhiều bạn đã vượt quá mức, đã tự do quá trớn, không thể tha thứ được, chẳng hạn có bạn dám tự tiện gọi tắc-xi mà không hề xin phép đoàn ! Nekrasov là một văn sĩ trong đoàn này, ông viết rằng trong lúc anh em văn nghệ sĩ xô-viết cứ bị trường đoàn canh giữ, trách mắng mãi như một lũ học trò dưới con mắt ranh mãnh của người hướng dẫn viên Hoa-Kỳ, thì thực tình ông đã lấy làm xấu hổ. Tuy vậy, thuật lại câu chuyện, ông không tỏ lời oán hận Ivan Ivanovitch : « Tội nghiệp cho anh Ivan Ivanovitch thân mến. Tôi hiểu anh và tôi thương hại anh ».

Tập truyện mỏng của Soljenitsyne.—
Tuy bị phiền và nhục, nhưng nhà văn

còn thở được cái giọng chua chát như thế và viết được những sự thực bấy lâu không dám đề cập tới, tỏ lòng hâm mộ đối với những kỹ thuật lâu nay vẫn bị kết án là hình thức chủ nghĩa, thế là tự do rồi.

Chúng ta đã nói đến những vở kịch về lớp thanh niên mới, những cuốn truyện về đời sống nông thôn, những đám đông hoan nghênh hội họa trừu tượng v.v... Về sau này, trong cái phong trào văn nghệ như thế một vài tác phẩm đột ngột nổi lên gây sóng gió. Trong số đó hãy kể trước tiên cuốn *Một ngày của Ivan Denissovitich*, do một nhà văn từ trước tới nay chưa ai nói đến : Alexandre Soljenitsyne.

Sau cuốn truyện ngắn mỏng manh không đầy bảy mươi trang này, Soljenitsyne bỗng nhiên trở thành nhà văn danh tiếng, được nhắc nhở đến nhiều nhất ở Nga-sô hiện thời, và giới văn nghệ Âu-châu cũng nhận rằng ông giáo sư vật lý ấy có cái cốt cách của một thiên tài văn học lớn lao. Victor Nekrassov tuyên bố ở Paris rằng : « Sau khi cuốn truyện đó ra đời, các văn sĩ xô-viết không bao giờ còn có thể lại viết như trước kia nữa ».

« Một ngày » được nêu ra trong tác phẩm là một ngày hết sức tầm thường, một ngày như bao nhiêu ngày khác vẫn trôi qua trong một trại giam ở Nga-Sô. Và Ivan Denissovitich là một gã nông dân cũng hết sức tầm thường, giản dị đến thô sơ. Ivan tin rằng hàng tháng Thượng đế phải bẻ vụn một ít mảnh trăng nho nhỏ để rải ra làm sao, bởi vì đêm đêm sao trên trời



Alexandre Soljenitsyne

vẫn rơi rụng, sự hao hụt đó cần được thay thế chứ ! Con người như thế lớn lên gặp chiến tranh với Đức, bị đưa ra mặt trận, rồi vào năm 1942, đơn vị anh ta bị vây. Trong khi đi lạc trong rừng, anh ta bị quân Đức tóm cổ, nhưng rồi anh ta trốn thoát được, chạy về hàng ngũ mình. Không may cho anh ta là anh đã ngây thơ đem câu chuyện bị quân Đức bắt ra thuật lại. Người ta liền bắt tội là anh đã nấp mạng cho giặc rồi trở về lãnh nhiệm vụ bí mật làm gián điệp của địch trong hàng ngũ quân đội xô-viết. Mặc dù cả Ivan lẫn quan tòa đều không nghĩ ra được cái nhiệm vụ bí mật ấy là nhiệm vụ thế nào, anh ta vẫn bị kết án, tống giam, như bao nhiêu người khác cùng một trường hợp. Ở trong tù, con người thô sơ đó không oán hận, không oán quai gì về tương lai hay dĩ vãng. Mỗi quan tâm chính yếu trong ngày của anh ta

là làm sao cà rà lại gần được chỗ bếp núc, xin được phần ăn nhiều nhiều thêm một chút, làm thế nào kiếm được chút canh và một ít xương cá, và mỗi cái xương cá phải « nhai kỹ, chíp lầy nước : như thế có lợi cho sức khỏe ». Tác giả không dài lời, không kể khổ về cảnh lao tù, không nói điều gì ai oán nào nùng hết ; tác giả chỉ có theo dõi, và trình bày tỉ mỉ bằng giọng văn lạnh lùng, mực thước, tất cả chi tiết về cử chỉ, dáng điệu như thế của anh chàng Ivan Denissovitich, trong một ngày « gần như là sung sướng ». Thuật xong, tác giả thêm một câu chốt rằng Ivan đã trải qua « ba nghìn sáu trăm năm mươi ba ngày như vậy. Ba ngày lẻ ấy, là do có ba năm nhuận. » (1) Cuốn truyện ngắn ngủi, mực thước ấy gây cho độc giả cảm tưởng vô cùng chua xót về một cuộc sống không còn chút hi vọng gì.

Hơn hết mọi tố cáo âm ỉ về những cảnh rừng rợn trong các trại lao công khổ sai ở Nga-Sô, tác phẩm nghệ thuật của Soljenitsyne đã gây một xúc động chưa từng có. Người ta có thể tù tội vì những duyên cớ vô ý như thế sao ? Những con người chất phác, cục mịch, sinh ra chỉ mong được làm việc ở nông trại, thế mà bỗng dưng có thể bị dồn hàng vạn hàng ức vào tù như thế sao ? Cái kiếp người lương thiện có thể trở thành thảm đạm tiêu điều nhục

(1) Tóm tắt theo Bernard Féron. (Tạp chí *Le Monde*, số ra ngày 28-3-1963) và Piotr Rawicz (tạp chí *L'Express*, số ra ngày 4-4-1963).

nhã đến thế sao? Chính thái độ giản dị, lạnh lùng, đứng đưng của tác giả làm cho người ta rung mình trước sự phi lý.

Người ta tự hỏi một mình Staline mà gây nổi bao nhiêu bất công thảm họa được ư? Còn những kẻ thân cận của Staline, ngày ngày chung đưng với Staline trên công việc, lẽ nào họ không biết gì hết về việc 70% nhân viên Ủy ban trung ương do đại hội đảng kỳ thứ XVII bầu ra bị giết chết? Về việc 1.108 trong số 1961 đại biểu đại hội bị bắn, bị tù, bị lưu đày, thủ tiêu? và hàng triệu công dân bị đàn áp? Lẽ nào những nhân vật cao cấp như thế có thể tin rằng bấy nhiêu người, từ những nông dân mộc mạc ngô nghê cho đến những đại biểu dân cử này, đều nhúng tay vào việc hại dân hại nước? Vô lý, không thể nào họ khờ dại đến thế. Họ phải biết, hoặc ít, hoặc nhiều. Thế mà họ làm ngơ! Vậy những nhân vật này hoặc đều là những tên khiếp nhược hèn nhát chỉ biết ngậm miệng cứu lấy thân mình, không thiết gì đến vận mạng của đồng bào hoặc là những kẻ đồng lõa, chia xẻ tội ác của Stalin. Đàng nào họ cũng không xứng đản. Vậy mà họ đang kẻ vị Staline, ca tụng quyền lãnh đạo dân tộc, miệng nói toàn những đạo đức với khí tiết cách mạng. Còn gì tẻ và mỉa mai bằng?

Một câu hồi ký của Ehrenbourg.—

Các nhân vật cao cấp xung quanh Staline có biết hay không biết về những oan ức dưới thời Staline?

Người ta đang hoang mang về câu hỏi này, thì bỗng nhiên một cuốn sách của Ilya Ehrenbourg gián tiếp đem lại một câu trả lời: Họ có biết!

Nguyên ở một tập hồi ký, trong đoạn thuật lại những năm khủng khiếp 1937-1938, những năm mà tên trùm mật vụ Yezov của Staline được lệnh giết bừa hàng trăm nghìn người vô tội, Ehrenbourg có viết một câu: « Lúc bấy giờ tôi hiểu rằng mình cần phải cẩn răng ngậm miệng để sống và phải khéo áp dụng một trong những nghệ thuật khó khăn nhất, nghệ thuật im lặng ». Câu nói tuy thoát nghe qua không thấy gì lạ, nhưng có ngấm một dụng ý tố cáo đối với những nhân vật cao cấp hiện lãnh đạo Nga-Sô, bởi vì nếu một chàng văn sĩ, một kẻ đứng ngoài guồng máy chính quyền như Ehrenbourg mà còn biết được những bí mật oan uổng như thế, tất nhiên những người như Khrushchev không thể nào không biết được.

Lập tức Ehrenbourg bị tấn công. Phê bình gia Yermilov lên tiếng trước tiên, kêu rằng Ehrenbourg biết được những bí ẩn quốc gia hồi 1937-1938 là vì Ehrenbourg có được đọc các tài liệu mật (nói cách khác: Ehrenbourg làm nhân viên mật vụ cho Staline); còn những « công dân xô-viết thường » (như Yermilov, như Khrushchev!) thì không ai hay biết đến những chuyện này. Khổ thay, theo dư luận trong văn giới và chính giới Nga-Sô, thì Yermilov là phê bình gia kiêm... điểm chỉ viên mật vụ thời Staline! Ngay trong

lá thư tuyệt mệnh của thi sĩ Mai-kovsky đã có lời tố cáo Yermilov. Bởi thế mà trong cuộc tranh luận, Yermilov ở thế bất lợi đối với Ehrenbourg, mặc dù Yermilov đã viện đến những luận cứ đả áp lớn lối: « Các tập hồi ký và bức thư của Ilya Ehrenbourg (2) muốn làm cho người ta tin rằng phần đông, nếu không phải là tất cả, nhân dân sô-viêť đều biết đến những tội ác nhân danh Staline và đều biết là những cuộc tàn sát qui mô đều vô cớ: biết mà cứ im lặng, Như thế là một phỉ báng đối với cả một thế hệ nhân dân sô-viêť ». (3)

« Công dân sô-viêť thường » Yermilov quen dùng cái luận điệu kết tội đòi thủ bằng cách chụp mũ với những danh từ đao to búa lớn». Nhưng thực ra ai cũng thấy rõ Ehrenbourg có thể nói bao gồm cả thế hệ nhân dân sô-viêť đâu! Ông ta chỉ ám chỉ một số người quan trọng. Và mọi người có thể nghĩ trong số người quan trọng ấy có thể có ông Khrushchev chẳng hạn, bởi vì vào năm 1937 khi Staline thanh trừng hàng ngũ đảng viên Ukraine từ các ủy viên Phòng Chính trị trở xuống và trừng phạt sát hại dân chúng Ukraine dữ dội, năm đó chính Khrushchev đang lãnh đạo Ukraine (nghĩa là thí hành mệnh lệnh của Staline tại xứ này).

Bởi vậy, ngày 8 tháng 3 vừa qua, Khrushchev đích thân lên tiếng: «Người

ta tự hỏi các cấp điều khiển trong đảng có biết đến những vụ bắt bớ xảy ra hồi bấy giờ chẳng. Có, họ có biết. Nhưng họ có biết rằng những kẻ bị bắt là hoàn toàn vô tội chẳng? Không, họ không biết thế. Họ tin tưởng ở Staline và tránh xa cái ý nghĩ rằng các cuộc trấn áp lại nhằm vào những người lương thiện tận tâm với chính nghĩa.» Khrushchev lại kể rằng ông đã nhỏ nước mắt trên quan tài Staline, để chứng tỏ rằng hồi đó ông tin tưởng Staline đến chừng nào. (Ông thốt ra những lời trên đây đúng vào dịp mười năm sau ngày đưa đám Staline).

Lời nói Khrushchev đồng dục, oai vệ, nhưng nội dung của nó là thanh minh, phân trần dung chề. Tệ hơn nữa: chồng chề bằng những luận cứ yếu ớt và mâu thuẫn.

Có quả thực năm 1953 các cấp điều khiển trong đảng nghĩ Staline vô tội, tới năm 1956 mới rõ Staline có tội? — Không chắc. Một tài liệu cũng do Khrushchev tiết lộ bảo rằng ngay khi Staline vừa chết, bảy người tội cận Staline được báo tin (trong đó có Khrushchev và Bériá), cùng xô cửa vào phòng lãnh tụ tội cao. Và trước xác chết Staline, lúc đó Bériá thay vì « nhỏ nước mắt » đã buột miệng nói: « Rồi đời tên bạo chúa! » Dĩ nhiên, không ai có thể tin rằng Khrushchev lại nhận thức sự việc chậm hơn Bériá đến ba năm.

Hơn nữa, Khrushchev còn vụng về nêu ra câu chuyện nhà văn lão thành Cholókhov can thiệp trong việc Staline

(2) Đăng trên tạp chí *Izvestia* đề tài lời Yermilov.

(3) Thuật theo tờ *Pravda* thông tin, ra ngày 30.4.1963.

đàn áp nông dân Ukraine, những nông dân mà Chokhlov biết là vô tội. Tại sao một nhà văn như Chokhlov biết được những tình tiết oan uổng ấy trong khi nhân vật lãnh đạo xứ Ukraine bây giờ là Khrushchev lại không biết đến? Ít ra « công dân xô-viết thường » Khrushchev cũng hiểu biết bằng « công dân xô-viết thường » Chokhlov, nhưng một đảng thì có can đảm đứng ra can thiệp, bênh vực (tuy là vô hiệu), còn một đảng thì a tòng vào tội lỗi rồi lại chối hết mọi trách nhiệm.

Nói về lòng can đảm người ta còn nhắc đến vụ Pasternak. Năm 1934, Mandelstam có một bài thơ công kích Staline. Ông này được mách cho biết, liền hạ lệnh bắt ngay nhà thơ ấy. Bà vợ của Mandelstam chạy đến nhờ Pasternak vận động can thiệp. Pasternak vừa chạy vạy mấy chỗ thì ít hôm sau bị Staline đích thân gọi điện thoại thẳng đến nhà, hỏi tại sao dám đút mũi vào việc Mandelstam. Pasternak trả lời rằng mình không sao khỏi quan tâm đến số mệnh của một người đồng nghiệp, nhất là một đồng nghiệp tài ba có nhiều chỗ đáng cho mình học hỏi. Staline hỏi: Mandelstam có phải là một thi sĩ lớn không? Pasternak quanh co, bảo rằng thiên tài của nhà thơ cũng như sắc đẹp của phụ nữ, không thể ước lượng so sánh được. Staline hỏi vặn lẫn nữa. Pasternak vốn biết lãnh tụ đang giận Mandelstam, nên vẫn tránh trút, không để cao rõ rệt thi sĩ này. Cuối cùng Staline gắt: « Tôi muốn biết ông ta có phải là một thi sĩ

lớn không? », bây giờ Pasternak thẳng thắn đáp rằng Mandelstam quả là vĩ đại và đáng được che chở. (Về sau này trong thời kỳ băng giá tạm thời tan rã, lớp văn nghệ sĩ trẻ thoát khỏi cái ám ảnh của lý thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa, đều trở lại hoan nghênh nồng nhiệt Mandelstam, cho rằng ông là một kẻ tiên phong — nếu không bị những ràng buộc trở ngại trong xã hội xô-viết, thì đã dám vượt tới những khuynh hướng nghệ thuật mới của Âu-Tây ngày nay rồi).

Sau cuộc điện đàm với Pasternak, Staline ra lệnh thả Mandelstam (nhưng hai năm sau thi sĩ ấy lại bị bắt, lưu đày, rồi chết).

Một vài mẫu chuyện như thế tỏ rằng hành động ngang ngược của Staline bây giờ không phải không có ai biết đến, nhưng về sự can ngăn thì chỉ nêu ra được trường hợp của một vài nhà văn không có thể lực gì trong chính quyền. Chúng ta đã biết Chokhlov và Pasternak dưới thời Staline từng im lặng hai mươi năm. Đó không là sự ngẫu nhiên. Họ là những người có chân tài, có lương tâm, không thể cầm bút viết những điều nghịch trái với nhận định của mình. Nếu không có những tác phẩm thực có giá trị như *Sông Đông êm đềm* hay *Bác-Si Jivogo* thì họ đã sống khuất lấp. Họ khác với hạng người giáo hoạt, khéo thích ứng với hoàn cảnh, thời cuộc, như Khrushchev hay Ilya Ehrenbourg.

Ehrenbourg có nói đến cái « nghệ thuật im lặng », nhưng đó không phải là sự im lặng về mặt nghệ thuật. Tác

giả này cầm miệng không làm gì để tố cáo cản ngăn tội ác dưới thời Staline, mà lại sáng tác theo đường lối, nghĩa là để ca tụng chế độ. Sau này Staline chết, cả ông cả Khrushchev cùng xúm lại kể tội Staline, nhưng chân lý đã thừa cơ hội đó quật lại ông và Khrushchev một vồ khá đau: Ehrenbourg khiến người ta ngờ rằng Khrushchev đã là tội nhân, rồi đến lượt phe Khrushchev lại lôi Ehrenbourg ra xem là tội nhân. Ehrenbourg kể với Pierre Fisson tại Paris (4) rằng người ta kết tội ông: « Ilya, tại sao anh còn sống? Anh còn sống trong lúc bao nhiêu người bị giết chết ». Rồi Ehrenbourg phân trần rằng làm sao ông biết được tại sao ông còn sống đến ngày nay? Ở Nga xô, trong thời kỳ ấy nào có phải dùng tài trí hay lòng tận tâm trung thành mà cứu mạng sống của mình được đâu? Trong những năm ghê gớm ấy, sống chết chỉ là vận đề rủi may không duyên cớ, như thể một trò quay số. Nhưng ở trong cuộc xô số này, thay vì được những món quà, người ta được cả mạng sống của mình. Ông dẫn chứng: có biết bao nhiêu là văn sĩ phục vụ chính sách, là đảng viên kiểu mẫu bị giết chết, trong khi đó nhiều người khác chống với chế độ mà vẫn qua khỏi. Ông nhắc đi nhắc lại về sự rủi may: « Người ta cần biết rằng lúc bấy giờ không có cái gì là đúng lẽ phải, là hợp lý hết... Đòi với định mệnh, không thể có cách nào giải thích được ».

Thì hãy tin tất cả những lời bào chữa ấy của Ehrenbourg đi, tin rằng ông bị vu cáo đi. Nhưng như thế lại



E. Evrouchenko

phải tin luôn rằng ngay lúc bấy giờ Ehrenbourg đã thấy rõ cuộc sống trong xã hội Nga-xô là bi đát, phi lý, là một cuộc sống đáng nguyên rủa, và người ta tự hỏi tại sao trước kia ông có thể sáng tác để ca ngợi nó? Hòa theo ca ngợi nó lúc trước để rồi sau này quay lại kể xấu nó, phải chăng cũng giả dối, giáo hoạt không khác gì Khrushchev? Sau cuộc cãi cọ nói trên, Raymond Cartier có viết: « Người ta không thể ưa được tánh tình của Ehrenbourg: đó là một người kiêu ngạo, khoe khoang, đối với kẻ có quyền hành thì dễ tiện, còn đối với người khác thì khắt ô ». (5)

Một câu văn nhỏ trong một tập của bộ hồi ký đã phanh phui ra nhiều điều xấu xa không ngờ thuộc về cả đôi bên: một nhà văn nào đó đã bảo rằng chế

(4) *Le Figaro Littéraire* số ra ngày 26-1-1963.

(5) *Paris Match*, số ra ngày 23-3-1963.

độc độc tài nó tỏa ra cái ám khí đầu độc luôn cả mọi tâm hồn, của kẻ áp bức cũng như của người bị áp bức; sống trong chế độ ấy không có bên nào thoát ra mà còn giữ được trọn vẹn vẻ đẹp của tâm hồn.

Tập tự truyện của Evtouchenko — Giới cầm quyền ở Nga chưa gỡ thoát những khó khăn do cuốn sách của Ehrenbourg gây ra thì lại khổ tâm thêm nữa vì loạt bài tự truyện của Evtouchenko đăng tại Pháp.

Cuộc ngoại du của nhà thơ trẻ này, theo dư luận chung ở Âu-Châu, ai cũng cho là đã đem lại kết quả tốt đẹp cho Nga. Trước đó ít lâu, Choloikov được mời viếng Anh quốc. Choloikov là một cây bút lão thành, danh tiếng lừng lẫy đến nỗi người ta tưởng giải Nobel có thể vì ông mà nhắm vào Nga-sô một lần nữa; thế nhưng Choloikov đến nước Anh rồi từ biệt nước Anh âm thầm lặng lẽ. Một tuần lễ sau, nhà thơ trẻ măng là Evtouchenko, chưa có bao nhiêu thành tích, đến Luân-đôn, và đột nhiên gây nên một tiếng vang ồ ào rầm rộ không ngờ. Evtouchenko sang Pháp, lại cũng được hoan nghênh như thế.

Nhà thơ ít tuổi ấy ăn nói dạn dĩ, táo bạo trước đám đông, sẵn sàng vung tay múa chân, trông có vẻ tự do, thành thực, cởi mở. Tiếp xúc với một tác giả từ xứ Nga bí mật đến, không có gì làm cho Âu châu say mê bằng thái độ cởi mở.

Evtouchenko tuyên bố rất nhiều, đồng thời luôn luôn kêu là nhiều tờ



Evtouchenko đang đọc thơ trước một số đông cử tọa tại Pháp.

báo Âu châu có ác ý, đừng không đúng những lời tuyên bố của mình. Nhân dịp ấy, báo *l'Express* đề nghị ông ta hãy tự tay viết lấy một cái gì, báo sẽ dịch đăng nguyên văn. Ông bằng lòng, viết ngay một loạt bài về cuộc đời của mình trong xã hội xô-viết, viết đến đâu được dịch đăng ngay đến đó.

Trước sự mau mắn dễ dãi đó, báo chí tỏ ra rất bằng lòng, quần chúng đọc giả bằng lòng, các đảng viên cộng sản ở Âu châu (ngay đến cả những tay quan trọng như Aragon, Thorez) cũng bằng lòng, hãnh diện về Evtouchenko, và ngay chính Evtouchenko hình như ông ta cũng... khá bằng lòng về việc làm của mình.

Thế nhưng Evtouchenko về nước được ít lâu, bị khiển trách nặng nề, và vội vàng chịu lỗi là đã trót vụng dại, lúc ấy ở ngoài nước Nga ai nấy sững sốt. Thì ra trong loạt bài tự truyện Evtouchenko đã nói xấu quá nhiều về các nhân vật thân cận Staline. Chẳng hạn ông đã nhân mạnh nhiều lần về những hành vi tàn bạo, độc tài và về cuộc sống phóng đảng hủ bại của Béria. Đọc đến đó, tránh sao

khỏi liên tưởng đến những Béria khác hiện còn hoành hành ở điện Kremlin, bởi vì làm sao tin được rằng xung quanh Staline chỉ có một Béria?

Cũng như Ehrenbourg, Evtouchenko chỉ muốn hòa theo Khrushchev trách móc dĩ vãng, đập những xác chết, họ không ngờ bứt dây động rừng, đập xác chết họ làm đau nhói đến lắm kẻ đang còn sống. Những kẻ này chồm lên xỉ vả Evtouchenko, buộc cho ông cái tội cung cấp tài liệu xuyên tạc cho tờ tạp chí « phản động nhất thế giới ». Thoạt tiên Evtouchenko cuồng quát, đổ tội cho tờ tạp chí phản động này — tờ *l'Express* — kêu rằng họ đã dịch sai văn ông. (Đã đăng sai phỏng vấn lại dịch sai văn, báo chí tư bản luôn luôn sai). Tòa soạn báo *l'Espresso* liền gửi báo đảm tập bản thảo trả lại tác giả: tập bản thảo ấy bị lạc mất một cách bí mật (6).

*
* *

Và rồi đời tự do. — Khi hé mở cho văn nghệ một khoảng tự do, Khrushchev hẳn không lường được hậu quả của việc ấy. Trước kia, trong không khí kỷ luật khốc liệt, Staline nói lều nói láo, chỉ thiên chỉ địa thế nào người ta cũng tin, cũng theo, cũng trầm trồ là « Thiên tài ! » Nhưng bây giờ, nhờ chút tự do ngôn luận do Khrushchev ban cho, người cầm bút đã nói ra ít nhiều sự thực, quần chúng đã biết hoài nghi, cân nhắc, phán đoán sáng suốt hơn. Vì vậy mà sau một



Andrei Voznessenski

câu hỏi ký của Ehrenbourg, một đoạn tự truyện của Evtouchenko, vài tập truyện mỏng của Soljenitsine, mặc dù Khrushchev có chỗi cãi, có đe dọa cũng không sao xóa được nỗi ngờ vực hoang mang trong dư luận quần chúng nữa.

Mặt khác, việc trao đổi văn hóa có hạn chế giữa đôi bên bức màn sắt tuy có đạt phần nào mục đích tuyên truyền cho Nga Xô, nhưng đồng thời lại cũng có kết quả tai hại. Trong khi xuất du thăm viếng nước nọ nước kia Victor Nekrasov đã tỏ rõ lòng ham mê rõ rệt đối với các khuynh hướng nghệ thuật trừu tượng, « hình thức chủ nghĩa » của các nước tư bản, ông ta thêm ra mặt cái tự do của nghệ sĩ nước ngoài và lấy làm xấu hổ về thân phận giới văn nghệ Nga-Sô, Vozniessenski cũng có tác phong xấu

(6) Tạp chí *l'Express*, số ra ngày 4-4-1963.

xa, bày tỏ nhiều cảm tình với giới nghệ sĩ Âu châu, còn Evtouchenko thì đã rõ đại như ta vừa kể! Sự tiếp xúc hiềm hoi giữa hai bên bức màn sắt bao giờ cũng gây ra sự lo ngại đối với nhà cầm quyền sô-viết. Trong cuốn *Một ngày của Ivan Denissovitch Soljenitsine* có nói đến trường hợp những sĩ quan Nga chiến đấu bên cạnh các bạn đồng minh người Anh, một ngày kia trở về nước bỗng nhiên được gói tặng phẩm của một chiến hữu nào đó từ nước Anh gửi cho, thế là bị nhốt tù, lưu đày. Và sau cuộc chiến tranh này, chúng ta còn nhớ nghị quyết ngày 4-9-1946 của Hiệp hội các nhà văn sô-viết có khoản chống lại ảnh hưởng ngoại lai. Sự lo lắng của Đảng và Chính phủ độc tài không phải không có lý do, vì sau mỗi cuộc tiếp xúc với sinh hoạt các quốc gia tự do thế nào trong đời sống của xã hội sô-viết cũng có cái gì xáo động đối khác: công dân sô-viết kẻ thì nhận thấy cuộc sống bên ngoài không bị thắm như lời tuyên truyền của chính phủ mà lại sung túc tự do, con người bên ngoài không xấu xa đáng sợ mà lại thường cởi mở chân thành không rình rập tố cáo lẫn nhau, kẻ thì thích thú vì cái sinh hoạt nghệ thuật văn học phong phú, mới mẻ của các nước bên ngoài v. v. . . Sau khi hé mở biên cương cho sự trao đổi văn hóa một thời gian, Khrushchev đã lại nhận thức mỗi nguy mà những nhà cầm quyền trước ông từng nhận thức.

Rồi còn có sự công kích của phe thân Staline, sự chỉ trích của các lý thuyết gia Trung-Cộng, những

đả phá dồn dập đe dọa địa vị của Khrushchev, bày nhiều yêu tố quyết định sự cứng rắn trở lại của lãnh tụ Nga-sô. Và trong những nguyên nhân khiến chính quyền độc tài can thiệp ràng buộc văn nghệ tại sao không thể kể thêm sự dốt nát của các chính trị gia về mặt nghệ thuật? Ai có thể tin được rằng hạng người ấy tài giỏi về hết thấy mọi mặt, thông hiểu đến nơi đến chốn mọi sự mọi việc? Vào thời Aristote nhà hiền triết còn có ảo tưởng thông hiểu vạn vật, chứ ngày nay cái vốn kiến thức của nhân loại dồn lên quá cao, riêng trong địa hạt khoa học mà thôi, mỗi nhà thông thái cũng chỉ mong tìm hiểu về một ngành nhỏ bé, không ai có thể gặp một nhà thông thái toàn diện, nói gì đến hạng « thiên tài » rành cả về chính trị, kinh tế, lẫn quân sự, khoa học, văn nghệ v. v. . . ? Trong khi ấy thì những người điều khiển xã hội thường có tham vọng muốn xen ý kiến xếp đặt của mình vào bất cứ địa hạt nào. Ở các nước dân chủ, họ bị cản trở, không được phép làm cái chuyện lò bịch ấy, cho nên dù người ta bảo De Gaulle chẳng hạn là vị tổng thống tóm trong tay nhiều quyền hành hơn các vị tiền nhiệm, ông ta cũng không thể xen vào một cuộc tranh luận giữa hai khuynh hướng thi ca hay hai phái tiểu thuyết mới cũ. Cho đến ông bộ trưởng André Malraux, tài hoa và uyên bác là thế, cũng không xen quyền lãnh đạo vào công việc sáng tác của nghệ sĩ các phái. Còn đối với tổng thống Kennedy, phái trẻ hâm mộ ông, họ cũng chỉ đua nhau bắt chước ông kiểu tóc xù xuống

trán, chứ không hề có phái văn nghệ mới nào hô hào học tập kỹ thuật hành văn của ông. Ở Nga-sô thì không có sự dè dặt ấy, lương tri của quần chúng đã bị chế độ uy hiếp đến nỗi không ngăn cản được các điều lố bịch nữa. Năm 1934, khi cần phải chỉ định một đường lối sáng tác để bắt buộc giới văn nghệ toàn cõi Nga-sô tuân theo, thì đường lối ấy không phải do Maxime Gorki hay Choloikov hay một nhà văn học nào khác đề ra, mà là do Andréi Jdanov, người thay mặt Đảng. Chỉ một đường lối cũng chưa đủ, có lúc cần phải chỉ một kiểu mẫu để cóp theo, khi ấy có những văn nghệ sĩ bảo nhau: Hãy học lấy lối viết của đồng chí Staline mà viết.

Trong một quốc gia đã xảy ra những điều như thế, Khrushchev dù có thiện chí dân chủ đến đâu thỉnh thoảng cũng rất có thể tưởng tượng mình hiểu biết về văn nghệ hơn các giới văn nghệ. Và lại dù ông có phản đối thói phụng thờ cá nhân, ông cũng chỉ là một con người mang các điều hèn yếu của con người trong đó có cái hèn yếu thích được phụng thờ, được tuân lệnh.

Vậy, đến một giai đoạn nào đó, Khrushchev không chịu được văn nghệ tự do nữa, ông quên mất lời nói năm 1959. «... anh em đừng có làm phiền đến chính phủ... anh em hãy tự mình giải quyết lấy...», ông xen vào các vấn đề văn nghệ, ông chê ông khen, ông kiểm soát, ông giải quyết, ông bắt « anh em » văn nghệ theo hẳn các ý kiến,

quan niệm của ông, nếu không ông cho là điên, là hỏng bộ não v. v...

Và quan niệm của ông về văn nghệ ra sao? Người ta thuật lại trong dịp nước Pháp triển lãm các tác phẩm hội họa ở Mạc-Tư-Khoa, ông mỉm cười mỉa mai lướt qua rất nhanh trước các họa phẩm trừu tượng, vô hình thể, và ông chỉ nâng cốc chúc mừng sự phát triển của nền hội họa... mà ông hiểu. Ấy là trước mặt khách, ông giữ thái độ xã giao. Nói với văn nghệ sĩ trong nước, ông dạn miệng hơn, ông bảo các điệu khiêu vũ mới chỉ là những lối uốn éo tục tĩu, âm nhạc mới thì chướng tai, hội họa mới thì xông lên « mùi chuồng xí », còn nghệ thuật chiều bóng mới thì chỉ xem để ngủ. Theo ông, không có gì hay hơn những điệu mà ông đã hát, đẹp hơn những điệu mà ông đã múa, những bức hình sắc sảo mà ông đã thường thức hồi hai mươi tuổi, hồi ông còn trai tráng. (5) Hồi ấy cách nay nửa thế kỷ!

Các nghệ sĩ lớp trẻ ở Nga-sô ngán biết bao nhiêu. Nhưng lẽ dĩ nhiên họ không dám nói khác ông Khrushchev, họ không thể nêu lên sự so sánh của văn nghệ hôm nay với văn nghệ ngày xưa nữa. Ngày 12-12-1962, viên bí thư Đảng là Léonide Ilychev tiếp theo lời ông, quả quyết: « Con đường phát triển văn học và nghệ thuật nằm trong chương trình của Đảng... Các họa sĩ trừu tượng không biểu lộ được gì cả ngoài những sự kỳ quái bệnh hoạn... » Ông kết luận: « Anh em có một sự tự do hoàn toàn để chiến

đầu cho chủ nghĩa cộng-sản; anh em không có và không bao giờ có chút tự do nào để chống lại chủ nghĩa ấy ».

Giới văn nghệ mong rằng « sự tự do hoàn toàn » nói trên cho phép những khuynh hướng sáng tác sau này được có chỗ đứng bên cạnh những bài hát và điệu múa của ông Khrushchev hồi hai mươi tuổi. Ngày 17-12 một nhóm văn nghệ sĩ gửi đến Trung-ương Đảng một lá thư, yêu cầu cho các khuynh hướng văn nghệ được « sống chung hòa bình ». Người ta ngờ rằng Ehrenbourg bênh vực nhóm trẻ này và có thể là tác giả bức thư gửi Đảng. Nhưng Đảng tỏ ngay thái độ bất bình. Ehrenbourg liền hiểu rằng mình đã hiểu sai « sự tự do hoàn toàn ». Ông vội vã thụt lui xí xóa : « Chúng tôi đùa đây mà » (*C'était une plaisanterie*) (5). Tuy thế ông cũng bị Khrushchev mắng là đùa vô duyên, đùa không phải chuyện : hiện thực chủ nghĩa làm sao có thể sống chung hòa bình với các khuynh hướng nghệ thuật khác được ? !

Ngày 8-3 năm nay, Khrushchev đích thân tuyên bố chấm dứt thời kỳ buông lỏng văn nghệ. Từ đây : « văn học và nghệ thuật xô-viết phát triển dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đảng Cộng-sản và ủy ban Trung-ương Đảng... Ủy ban Trung ương sẽ bắt buộc mọi văn gia và nghệ sĩ, hạng lớn lao lỗi lạc cũng như hạng mấm non mới xuất thân, tất cả phải theo đúng đường lối của Đảng một cách chặt chẽ ».

Hiệu lệnh đã nổi. Các văn nghệ sĩ phái mới bị đá kích tư bề. Người ta lôi Soléjnitisyne ra hạch hỏi về truyện *Nhà của Matriona* : tại sao tác giả viết

về một lòng dưới thời Khrushchev mà lại viết cảnh bán hàn cơ cực ? tại sao bên cạnh Torphopridukt còn có một nông trường phát triển tốt đẹp mà tác giả không chọn nông trường « điển hình », ông lại chọn một nông trường tối bại ?

Evtouchenko bị trách mắng về cuốn tự truyện, đã chịu nép một bề : « Tôi cảm thấy trên vai một trọng tội. Tôi lại nghĩ đến cái trách nhiệm nặng nề của mỗi nhà văn Xô-viết ». Voznedenski thì ước hẹn : « ... đôi với tôi, cái quan trọng nhất lúc này là làm việc, làm việc và làm việc hơn nữa. Và công tác sẽ bày tỏ thái độ của tôi đôi với xứ sở ». Trong cuộc họp ngày 28 tháng 3 Rojdestvenski và Akh-madoulina cũng bị chỉ trích kịch liệt nữa...

Thái độ khác khe đột ngột của nhà cầm quyền và sự đầu hàng nhanh chóng nhụt nhũ của giới văn nghệ tại Nga làm cho thức giả Âu châu ngỡ ngác hoang mang. Ngay đến các đảng cộng sản Âu-châu dường như cũng ngỡ ngàng, bất bình, không chịu hưởng ứng luận điệu của giới lãnh đạo ở Kremlin. Những vụ tố cáo, kể tội lớp văn nghệ sĩ trẻ do báo chí Mạc-tư-khoa theo dõi và trình bày hàng ngày, làm ồn ào, thì tuyệt nhiên không được cơ quan ngôn luận nào của cộng sản Tây-Âu thuật lại, và cũng rất ít được đề cập đến trên báo chí các nước « dân chủ nhân dân ».

Dư luận bên ngoài có tán thành hay không tán thành, điều ấy không mấy quan trọng đôi với việc làm của những

lãnh tụ như Khrushchev. Hy vọng của nền văn nghệ Nga-sô lại một lần nữa bị đập tiêu rồi chăng ? và nếu sau vớ này còn có thể mơ tưởng đến một thời kỳ tự do nữa thì mơ đến lúc nào ? — Hãy để cho các văn nghệ sĩ Nga tự trả lời lấy các thắc mắc ấy : tùy nơi tiềm năng tin tưởng và tranh đấu của họ. Một người là Ilya Ehrenbourg đã bảo với một độc giả trẻ tuổi của ông ta rằng. « Tôi thì không

còn bao giờ trông thấy được sự thịnh phát của nghệ thuật xô-viết nữa. Nhưng còn anh thì anh sẽ thấy được... chừng hai mươi năm nữa ». (7)

Ehrenbourg tiên tri cái gì đây ? Sự tàn lụi của một lớp lãnh tụ gần bướng chăng ? sự sụp đổ của chế độ chăng ?

TRẦN-THIÊN

(7) Theo Michel Tatu (Le monde số ra ngày 7-3-1963)

Khi ánh đèn vụt tắt

ĐYNH-HOÀNG-SA

Khi ánh đèn sự sống
Cơn lốc thổi tan đi
Cành tay trơ ngón lạnh
Im lìm một xác ve
Những ngày qua câm lặng
Trời nghĩa-địa hoàng-hôn

Khi ánh đèn vụt tắt
Linh-kỳ đom lửa hoa
Từ hư-vô xuất-hiện
Lại trôi về hoang-sơ
Có gì đâu bịn rịn

Khi ánh đèn vụt tắt
Hoy gì cảnh tiễn đưa
Nghe gì bao tiếng khóc
Vui gì những vòng hoa

Mến gửi Ng. Th.

Khi ánh đèn vụt tắt
Tất cả đều hư-vô
Không cần bia kỷ-niệm
Thời gian thì sâu thẳm
Nghĩa gì một nhóm tro

Khi ánh đèn vụt tắt
Còn biết luyện lưu gì
Giữa bây giờ có mặt
Ngọn đèn chưa khô dầu
Xin một nhánh bông cỏ
Trang trí giữa hỗn độn
Dù mưa bằng mắt lệ
Hay máu đỏ trong tim

Khi chút dầu đã cạn
Cơn lốc vô tình lên
Ngọn đèn tan ánh-sáng
Linh-hồn cũng bình yên.

D. H. S.

Lời thú

TRẦN-ĐẠI

Một vài đêm trong quán nhỏ vui vui
Khói thuốc lá hay ly cà phê cao hứng
Cho niềm u uất bật thành thơ trên môi

Như thế tôi làm thơ cho tôi
Cho sự cô đơn hôm nay như biển đông
Cho riêng trái tim mình

Tôi làm thơ để quên đi mười hai giờ
Gục đầu trong công sở
Cùng lấy lại niềm tin

Như một đôi lần kỷ niệm cấn xé tâm hồn
Thì thơ làm dịu vết đau thương
Thì thơ làm anh nhớ tới em

Đem trình diện những ngàn này ich kỷ
Như thế tôi không là thi sĩ

Như thế khi gặp tôi trong thành phố
Nơi tôi trở lại cuộc đời
Đóng kịch cười duyên bằng móng vuốt linh hồn
Xin mọi người đừng mỉa mai
Gọi tôi là thi sĩ.

T. Đ.

(trích Con đường)

Khóc một thằng học trò

ĐO-TẤN

Les hommes meurent et ils ne sont pas heureux
(A. Camus)

Tôi ở Sài-gòn về
Nghe tin thằng Lê-Bật
Quá giang xe nhà binh
Bị trúng mìn của giặc
Thép gang banh nát một bên đùi
Trên xe có năm người
Ba chết
Nó bị thương mà còn lê lét
Quờ được khẩu các-bin
Bắn tràn vào khe suối
Không cho giặc xung phong
Rối đầu găm mặt cúi
Om khẩu súng tay mà đi như om sách vở học bài.

Bật ơi là Bật,
Thấy vẫn mắng con là thằng học trò tinh nghịch
Là hư thân mất nết, là đầu bò
Thấy la con hoài mà con chẳng biết lo
Lại thờ vắn than dài: — Con không ưng học nữa
Mẹ con ở nhà quê, « chúng nó » về cơm bữa
Phá phách hoài, làm sao bả mần ăn
Từng bữa cơm rau, nước mắt từng hàng...

Con thường bảo :
Ước gì con mau lớn
Được vào nhà binh, được xông pha ra trận
Được bắn vào đầu chúng nó hôm nay.
Con mon-men làm thân với khẩu ga-răng báng trêu thân dài
Với quả MK đơ khứa to nhiều cạnh
Với chiếc mũ nổi áp êm má lạnh
Với bác Cai già, với anh lính trẻ, với chú sĩ quan
Mỗi sáng mỗi đêm con mãi-mê ngắm họ lên đường
Và trưa và tối con thuộc bài kèn hơn thuộc bài ở lớp
Nhưng chưa được vào nhà binh
Thì con đã chết.

Thầy đã bảo con hãy bớt đi, về
Đường sá bây giờ...
Nhưng mà con chẳng thèm nghe
Khi xe đạp, khi xe nhà binh, mỗi tuần con đi về
nhà như đàn bà đi chợ

Cũng tại mây anh nhà binh
Thương con hơn thương vợ
Lần nào tiếp tế cũng cho đi
Đề đền hôm nay...
Thôi, thầy không dám nói thêm gì
Thầy nhắm mắt mà tin
Vì phần vì số.

Nhưng mà thầy vẫn khổ
(Nếu nó chết rồi thì chỉ yên phần nó)
Còn thầy, còn các con, còn mỗi đứa chúng ta
Không biết khóc biết lạ
Không biết buồn biết giận
Một lũ ma trôi, một phường chỉ rận
Ngày ngày tha mất đền đây
Trong mù sương như những chằm than dài.

Tôi thấy nó
Trong lửa già nắng đỏ
Nó đứng trên cao và nhìn xuống chúng tôi
Và núi và đồi
Và đất nước thân yêu dưới bàn tay của nó
Nó hỏi lớn : — Sao các người chưa trả nợ ?
Tôi thét lên : — Đổ hư thân, mất nết. Đầu bò !

Chiều hôm nay tôi cảm thấy bơ vơ
Trong im lặng tôi bước vào túi nhục.

D. T.

Le poète en 1963
un monsieur tranquille qui
e soir, terrorise le langage (1)
Marc Alyn

• •

Sức sống nghẽn đường không dựng núi
vẫn mọc, bay cao, đạt nước triều
Những rung chuyển
vương đời không bật tiếng
tan theo sương hay rụng với mùa thu

Nói đi nói lên nói cho rền-rĩ
những gì như van như liếc
như buồn-thiếu-nhạc hôm nay
Đây, mắt vào hoa
động nắn
giữa vô-cùng đương mở khắp ngày máy

Ném trả hư-từ cho dĩ-vãng
Tình không chịu chữ
Nhìn, mong, nghĩ khác
Hạt cát bông lan đầy phức-tạp
Ráng mờ ngập nét đòi vô-thể
Cánh bướm đi hỏi các trùng-dương

(1) Tạm dịch : Nhà thơ năm 1963, là một kẻ sống yên tĩnh,
song cứ đến chiều thì « khủng bố ngôn-ngữ ». Marc Alyn

Qua âm thanh vớt lại rảng thiên-đường
Phen nữa, căng dây chờ sóng
Trái giọng, ai nghe

Thơ chưa ngấm bóng sắp ngang hè
Chim mỗi kiếp

dượt lời ca giấu điệu

Soi đáy riêng

vắng bảy màu lãnh-kính

Mặt trời chung

nông-nỗi mấy ai chung

Thoát dễ

buông gió lạc mệnh-mông

Vỗ nhịp ra ngoài khuôn-khổ trắng

Khỏi quên bờ vui phóng-đăng

Mỗi vật, vô-danh, về lãnh-lẽ

Các quãng thời-gian nổi lại dòng

Tên gọi đánh lừa, không gọi nữa

Thấy, ư, gần nhau

trao hết cả

Trước sau chỉ có Đẹp cùng Ta

Hòa-Âm XXI

Đ. T.

GIAN NHÀ CỦA MATRIONA

Nguyên tác : *ALEXANDRE SOLJENITSYNE*

Trích dịch : *NGUYỄN-MINH-HOÀNG*

CÂU chuyện xảy ra đã lâu, khoảng một năm rưỡi về trước. Tuy thế mỗi lần đến chỗ cây số 184 các chuyến xe lửa Moscou vẫn không quên giảm tốc lực, chạy thật chậm, có khi ngừng lại hẳn. Hành khách chen nhau nơi cửa sổ, đổ xô ra chỗ nôi của các toa xe, ngơ ngác hỏi nhau : « Gì thế ? Đường bị nghẽn ? Xe chạy vượt quá giờ giấc đã ghi ? Hay có gì khác nữa ? »

Nhưng không phải. Qua khỏi cây số 184 xe lửa bắt đầu chạy nhanh trở lại, hành khách lục tục ngồi vào chỗ cũ của mình.

Lý do của sự chạy chậm bất thường này chỉ có vài người biết rõ : bọn thợ máy trên xe lửa. Và tôi.

••

Mùa hạ năm 1953, không mục đích rõ rệt, tôi rời sa mạc nóng và bụi để trở về Nga tuy không được ai chờ hoặc gọi : tôi sống tại đó thắm thoát đã mười năm. Lúc ấy tôi chỉ muốn tìm lại những miền khí hậu điều hòa, chỉ muốn nghe lại tiếng xào xạc của lá rừng, chỉ muốn dần sâu vào trái tim đất nước — nếu đất nước tôi có trái tim.

Một năm về trước, ở bên này dãy Oural, tẻ lắm có lẽ tôi cũng ghi được tên để vào làm phu khuân vác. Tại xưởng máy tôi tưởng nếu tôi có khổ công xin, dẫu chỉ xin một chân thợ điện thôi, người ta cũng sẽ chối từ. Thật ra điều mà tôi ao ước từ lâu là được đi dạy học. Những kẻ biết rõ có sự đã

ALEXANDRE SOLJENITSYNE

Alexandre Soljenitsyne vốn là một giáo sư toán dạy tại một thành phố nhỏ thuộc trung bộ nước Nga. Ông đã sống mười năm trong một trại tập trung ở Sibérie. Tính đến nay những tác phẩm ông gồm có :

Một ngày của Ivan Dénisso-vitch, một truyện đầu tiên ở Nga viết về những trại tập trung, đã được nhà thơ Alexandre Tvardosky, chủ bút tạp chí Novy Mir, đăng trên tạp chí này hồi tháng mười một 1962.

Đã xảy ra tại Kretchetovka, truyện kể một vụ bắt người vô cớ, đăng trên Novy Mir (tháng giêng 1963).

Gian nhà của Matriona cũng đăng trên Novy Mir (tháng giêng 1963).

Cánh cửa của Ilytch, vở kịch sắp được một ban kịch nổi tiếng gồm toàn những kịch sĩ trẻ, đem ra trình diễn.

Hiện nay Alexandre Soljenitsyne được xem là một trong số những nhà văn cừ khôi nhất của phong trào đổi mới trong văn chương Xô-viết. Piotr Rawicz, một cây bút phê bình của tờ l'Express bên Pháp, còn cho rằng giọng văn của Soljenitsyne đã chứng tỏ Soljenitsyne xứng đáng nối tiếp cái truyền thống văn chương của những Gogol, Leskov và Sochtchenko.

*
* *

Truyện « Gian nhà của Matriona » mà tôi giới thiệu với bạn đọc Bách-Khoa hôm nay đã khiến tôi nhớ đến chuyện « Lễ chúc phúc » của nhà văn Trung-Hoa, Lỗ-Tân. Cũng những mẫu nhưn loại sống một cuộc sống âm thầm mặc dầu từ nhân vật kia của Lỗ-Tân đến nhân vật này của Soljenitsyne đã có một sự khác biệt hoàn toàn trên hai phương diện địa dư và xã hội.

khuyến tôi đừng khẩn khoản, đi đi lại lại chỉ tỏ tồn tiền xe.

Nhưng bây giờ có nhiều việc đã bắt đầu lắng xuống. Lúc tôi trèo bậc thang đang trụ sở Nha học vụ địa phương tỉnh N... và hỏi thăm văn phòng cán bộ thì tôi lấy làm lạ mà thấy văn phòng ấy không còn đặt ở phía sau cánh cửa có bọc một tấm da màu đen nữa mà là ở phía sau một bức vách ngăn có kiềng như trong một hiệu buôn dược phẩm. Tôi rút rè bước lại gần « ghi-sê », ngả đầu chào và hỏi :

— Ở đây có cán giáo sư toán đề gởi đi dạy ở một chỗ nào thật xa đường xe lửa không ông ? Tôi có ý định lưu lại đó lâu dài.

Giấy má tùy thân tôi được đem ra xem xét kỹ, các nhân viên chạy tíu tít hết phòng nọ đến phòng kia, chuông điện thoại reo liên tiếp. Phải nói là đòi với họ trường hợp tôi là một trường hợp hiếm ; lẽ thường ai cũng muốn xin bỏ về thành thị, nếu được thành thị lớn càng hay. Cuối cùng họ chỉ định cho tôi về một quận nhỏ : quận Cánh Đồng Cao. Riêng cái tên đã đủ làm tôi vui trong bụng.

Cái tên không nói dối. Nằm trên một ngọn đồi có nhiều thung lũng và có nhiều ngọn đồi khác vây quanh, quận Cánh Đồng Cao với rừng, với ao, với bờ đê nhỏ có thể là một nơi mà mình sẽ không hối tiếc gởi thân cho đến ngày nhắm mắt. Tôi ngồi hàng giờ trong rừng, trên một gốc cây đãn còn trơ lại, miên man nghĩ giá tôi

GIAN NHÀ CỦA MATRIONA

có phép gì nhìn ăn nhìn uồng mỗi ngày để có thể ngồi mãi tại đó nghe, ban đêm, tiếng lá cành khua xào xạc trên mái nhà trong khi ở xung quanh máy truyền thanh và tất cả mọi thứ trên đời đều im lặng.

Vì hơi ới, tại quận Cánh Đồng Cao không có lấy một người làm bánh hoặc bán món ăn gì. Cả làng đều phải đem bao lên quận lý địa phương tìm thực phẩm.

Tôi quay về văn phòng cán bộ, van nài trước « ghi-sê ». Ban đầu không một ai thèm nghe tôi cả. Nhưng sau đó, nói cho đúng, mọi người cũng chạy tới lui tít tít, cũng quay điện thoại, cũng cạo sửa hồ sơ, cũng ghi trên tờ bổ nhậm tôi cái tên Torphoprodukt. (1)

Sao lại Torphoprodukt ? Cũng may mà nhà văn Tourguenev đã chết rồi, nếu không ông sẽ nghĩ sao về những tiếng lạ lùng như thế.

Tại nhà ga Torphoprodukt, một gian nhà tạm trú bằng gỗ đã cũ, có treo một tấm bảng thật nghiêm : « Muốn bước lên xe lửa hành khách phải đi qua cổng nhà ga ! ». Tiếp theo còn có mấy chữ viết trên mặt gỗ bằng đinh nhọn : « Và không mang vé ». Cạnh ghi-sê, vẫn với lời trào phúng buồn thảm, người ta còn khắc hẳn bằng mũi dao : « Không bán vé ». Mãi về sau tôi mới vỡ được ý nghĩa thật của những câu này. Đền Torphoprodukt

là việc dễ nhưng rời Torphoprodukt là việc khó.

Ngày xưa Torphoprodukt là xứ của những khu rừng rậm rạp, hiểm trở. Sau cuộc cách mạng bao nhiêu cây còi trong những khu rừng ấy đều bị công nhân đào than và nông trường ở gần bên đẵn xuống. Viên giám đốc nông trường, tên là Chachkov, đã lấy riêng mấy mẫu tây cây. Chở đi Odessa bán được rất nhiều tiền.

Ngôi làng nằm vô trật tự giữa những hồ than bùn. Mấy dãy nhà gỗ đồng loạt của những năm ba mươi chen nhau với mấy căn nhà gạch tối tăm có mái hiên và mặt tiền chạm trổ của những năm năm mươi : Bên trong mấy căn nhà ấy vách ngăn xây không đụng tới trần, thành thử mình không thể nào tìm được một gian phòng riêng biệt có bốn bức tường thật sự.

Trên nền trời ồng khói của xưởng than vươn cao. Một đoạn đường sắt hẹp chạy len lách qua mấy khu nhà. Những chiếc đầu tàu nhỏ phun khói đen, huyết còi chát chúa, kéo nhiều đoàn toa chở đầy than bùn đã ép thành từng miếng lớn và từng viên vuông như viên gạch. Tôi có thể đoán trước mà không sợ sai lắm là ở đây, về đêm, trong câu lạc bộ nhứt định sẽ có tiếng máy hát ong ong vọng ra và ngoài đường những tay say rượu đi thất thểu sẵn sàng rút dao gây sự.

Giấc mộng một mảnh đất nhỏ yên tĩnh ở quê hương mà tôi thiết tha ôm ấp bấy lâu đã thành hình thế đó

(1) Địa danh gồm Torph (than bùn) và produkt (sản xuất) ghép lại.

sao ? Tôi bỗng tiếc túp lều vách đất, ngọn gió đêm mát rượi và bầu trời bát ngát lấp lánh trăng sao mà tôi đã bỏ lại trong sa mạc.

Tôi ngủ chập chờn trên chiếc ghế dài trong ga. Khi trời vừa rạng sáng tôi đã vội trở dậy lễ bước vào làng và lạc đến một ngôi chợ nhỏ. Lúc ấy vì hãy còn sớm nên trong chợ chỉ có mỗi một người đàn bà bán sữa. Tôi bèn mua một chai, uống liền tại chỗ.

Vừa uống tôi vừa chú ý đến giọng nói của người đàn bà, một giọng nói bỗng trầm êm như tiếng hát. Những tiếng bà ta nói đúng là những tiếng mà đạo còn ở trong sa mạc tôi vẫn ao ước được nghe :

— Uống đi, uống đi con. Con hãy nói thật, có phải con vừa đến vùng này ?

Tôi rất mừng, hỏi lại :

— Còn bà ? Bà ở làng nào ?

Nhờ đó tôi được biết quanh Tor-phoprodukt không phải chỉ có than bùn, phía sau đường xe lửa còn có một ngọn đồi và phía sau ngọn đồi còn có một ngôi làng tên Malnovo, lập đã lâu, từ hồi trọn miền này hãy là rừng rậm. Xa hơn nữa nhiều ngôi làng khác nằm nối tiếp nhau thành một xâu dài : Tchaslitsy, Ovintsy, Spoudni, Chevertny, Chestimirovo, lẻ tẻ, xa xôi, về mạn có những ao hồ.

Thoạt nghe những cái tên này lòng tôi dịu xuống như một cơn gió mát thổi qua. Đó mới chính là nước Nga

thật sự của tôi, nước Nga của những con người thô sơ mộc mạc.

Tôi nhờ người đàn bà bán sữa, sau phiên chợ, dắt tôi về Talnovo và tìm giúp tôi một nhà nào có sẵn một gian phòng trống.

Kể ra thì tôi ại là một khách trọ có lợi cho bọn chủ nhà : ngoài số lương trường học còn hứa cấp cho tôi cả một xe cam nhông than bùn để tôi sưởi suốt mùa đông. Lần này người đàn bà để lộ vẻ đăm chiêu, trên khuôn mặt bà ta không còn thấy có vẻ gì là triu mến nữa. Chính bà ta cũng không có chỗ cho thuê, bà ta dắt tôi đến nhà của mấy người trong thân quyền. Nhưng ở những nơi ấy người ta cũng không có sẵn phòng riêng, hoặc nếu có thì lại là chật quá hoặc ồn ào quá.

Chúng tôi đi đến, chỗ một con suối nhỏ gần khô hần có một cây cầu vắt vẻo bắt ngang. Trong khắp lòng tôi chưa thấy có chỗ nào đẹp bằng chỗ ấy. Hai ba cây liễu khô cằn, một ngôi nhà bằng gỗ cong vẹo, một cái ao với bảy vịt đang lội, đang giữ lông để bước lên bờ.

Lúc đó người đàn bà bán sữa đã bắt đầu thấy nản vì tôi, bà nói :

— Ta thử lại làng bà Matriona. Nhưng tôi phải nói trước, ở đó không được thơm tốt lắm. Bà ấy đau ốm quanh năm.

Nhà bà Matriona ở cách đó không xa, một gian nhà gỗ với bốn khuôn cửa tò vò trở liên bên nhau ở phía sau thành một hàng dài, với một cái nóc

GIAN NHÀ CỦA MATRIONA

hai tầng đắp bằng bùn trộn lẫn rơm. Mọi thứ có vẻ bề thế nhưng đã già nua và bắt đầu đồ nát.

Cánh cửa gài chặt ở phía trong. Bà dẫn đường của tôi, thay vì lên tiếng gọi, luồn tay xuống dưới, vặn ngay cái chốt. Khoảng sân bên trong không lợp kín, đằng sau cửa ra vào là cái cầu thang dẫn lên mấy chỗ hành lang rộng. Bên trái, một cái cầu thang khác ăn thông với phòng ngủ. Bên phải, là gian nhà chính.

Những người xưa kia đã ở nơi này có lẽ thuộc một gia đình giàu sang danh giá. Bây giờ, người cư ngụ chỉ là một bà cụ già cô độc, tuổi độ sáu mươi.

Lúc tôi bước vào nhà thì thấy bà đang nằm cạnh cái lò than kê gần cửa. Trong gian nhà rộng, ở những chỗ tốt nhất sát bên cửa sổ, có lò nhỏ những ghê, những băng dài, những chậu to chậu nhỏ trồng đầy những cây kiềng có lá dầy. Vầng ánh sáng lò mờ nhuộm vàng một khuôn mặt tròn trĩnh nhưng bệnh hoạn.

Nói chuyện với tôi bà cụ vẫn nằm dài như thế, đầu quay về phía cửa, tôi thì tôi đứng ở một chỗ thấp hơn. Bà không tỏ dấu gì vui mừng khi nghe tôi mở lời xin ở trọ, chỉ than phiền về chứng bệnh động kinh của bà...

... Lâu lắm mới phát một lần, mỗi lần như thế là mất hết hai ba ngày nằm liệt, không còn nấu nướng gì được nữa. Nhưng nếu cậu thích gian nhà, cậu cứ ở cho vui.

Bà còn chỉ cho tôi mấy nơi khác, đủ tiện nghi và yên tĩnh hơn, nhưng sỗ phạm tôi, tôi biết, đã định thế rồi: tôi sẽ nướng nấu trong ngôi nhà tôi tắm này, sẽ quen với bức vách có dán hai tấm bích chương rế tiền, một cổ động phong trào bán sách và một đề cao kết quả của vụ mùa.

Hai bên thỏa thuận nhau về giá cả và về sỗ than bùn của nhà trường cấp.

Chỉ riêng về sau này tôi mới được biết từ lâu rồi, quanh năm bà cụ Matriona không làm gì sinh lợi được lấy một xu. Tiền trợ cấp không được lãnh, người thân thuộc có giúp cũng chỉ giúp gọi là. Về phía nông trường, nông trường trả công cho bà không phải bằng tiền mà là bằng những nét vạch. Mỗi nét vạch tượng trưng một ngày làm việc được ghi cẩn thận trong một quyển sổ tay vừa cũ vừa nhàu.

Thế là tôi nướng thân tại gian nhà của bà cụ Matriona từ đó. Gian nhà vẫn đề nguyên như cũ, không có vách ngăn. Chiềc giường của bà cụ vẫn đề cạnh cửa ra vào. Phần tôi, tôi độc chiếm một chỗ gần cửa sổ, đẹp mấy cây kiềng yêu quý của bà cụ qua một bên, rồi kê một cái bàn nhỏ.

Những ai giàu có hơn bà Matriona và tôi có lẽ sẽ không thêm ở trong một gian nhà già nua như thế. Trái lại đối với hai tâm thân một già một trẻ của chúng tôi thì trong suốt mùa thu và mùa đông năm đó gian nhà ấy lại là một nơi trú mưa trú lạnh để nhất trần đời.

Trong nhà, ngoài bà Matriona và tôi ra, còn có mấy kẻ cư ngụ khác. Một con mèo, một đàn chuột và vô số dán.

Con mèo đã già, lại thêm què mất một chân.

Matriona đã nhặt nó nuôi làm phước, rồi lần lần nó trở thành một phần tử của gia đình. Nó còn đi được bằng bốn chân nhưng nó khập khiễng nặng. Cái chân què hầy còn đau. Lúc nó nhảy từ trên mặt lò sưởi xuống sàn nhà cái tiếng động do nó gây ra không còn là thứ tiếng động êm như bông nòn của chân mèo nữa mà là một tiếng đập ! bất thần khiến lúc ban đầu chưa quen, tôi giật bắn cả mình mấy mỗi lần.

Về chuyện đàn chuột phá phách ta không thể bảo là tại con mèo què bắt lực: nếu có dịp nó vẫn bắt chuột luôn. Nhưng lũ chuột đã được cái lợi nầy : ngày xưa, hồi đời sống còn dễ dàng, có một người nào đó trong nhà đã dán đèn năm lớp giấy hoa lên vách. Ở nhiều chỗ vì hồ bị bong ra nên mấy lớp giấy hoa đã biến thành đường hầm rất tiện cho sự di chuyển của bảy chuột hỗn. Chúng đuổi nhau rầm rầm như ngựa chạy.

Đôi khi con mèo còn ăn cả dán, nhưng sau đó nó cảm thấy khó chịu ngay. Đêm nào bọn dán cũng bò lúc nhúc trong nhà bếp, mỗi lần giữa khuya tôi đột đèn để kéo nước thì sàn nhà, cái băng dài, cả bức tường nữa, đều đen nghịt không biết cơ man nào là dán. Có một dạo tôi ra

tiệm thuốc mua chất « bô-rắc » đem về trộn với bột nhồi, tính chuyện đầu độc chúng. Chúng chết mất một số đông nhưng Matriona lại sợ con mèo cũng có thể bị trúng độc lây do đó, chúng tôi đành ngưng vụ trộn « bô-rắc », để mặc bọn dán tiếp tục sanh sôi nảy nở hàng đông hàng đàn.

Ban đêm, lúc Matriona đã ngủ yên và tôi còn ngồi làm việc tại bàn, tôi thường nghe những tiếng cào sột soạt của lũ chuột phía sau lớp giấy hoa nổi lên hòa lẫn với những tiếng rì rào đều đều như sóng biển của bọn dán trong nhà bếp. Tôi làm quen được với những tiếng động đó của chuột và của dán bởi vì tôi nhận thấy ở chúng không có gì xấu hay trí trá cả.

Tôi còn làm quen được cả với tấm bích chương thô lỗ vẽ hình một cô gái đẹp chìa ra trong một dáng điệu vật nài mấy tác phẩm của Biélinisky, Panferov và một mớ những quyển sách khác mà tôi không biết là sách gì. Nói tóm trong nhà tôi làm quen được với tất cả mọi thứ mà tôi gặp.

Mỗi sáng Matriona thức dậy trong khoảng bốn và năm giờ. Cái đồng hồ lớn mua hai mươi bảy năm về trước lúc nào cũng đi sớm quá, nhưng Matriona không quan tâm : như thể mỗi buổi sáng bà không lo bị trễ trong công việc. Bà bật ngọn đèn trong nhà bếp, rón rén quạt lò, đi ra ngoài vắt sữa dê (bà chỉ còn mỗi một con dê ấy) kéo nước, rồi nấu nướng trong ba cái nồi riêng biệt : một nồi cho tôi, một nồi cho bà, một nồi cho con dê cái. Phần con dê, bà chọn một củ khoai

nhỏ, phần tôi bà thêm một quả trứng. Giải đất để dành trồng khoai đã bị cát đùn nhiều và từ những năm trước chiến tranh không được vun bón nữa, bởi thế khoai không còn lớn củ như xưa.

Suốt lúc Matriona loay hoay đằng sau bếp tôi mãi ngủ nên không nghe gì cả. Mùa đông tôi quen thói thức dậy trưa, vươn vai, thò đầu ra khỏi chăn, ên tiêng:

— Chào bà, bà Matriona ơi !

Đằng sau tấm vách ngăn bà trả lời ngay, giọng ảm ừ, khó nghe nhưng thân mật :

— Hừm... hừm... chào cậu !

Rồi sau một lúc lặng im :

— Cậu lột dạ đi. Tôi đã nấu sẵn rồi.

Bà không nói rõ đã nấu sẵn những món gì nhưng tôi có thể, đoán biết dễ dàng : không khoai chiên thì « canh giầy » (1), không « canh giầy » thì cũng cháo nấu bằng lúa mạch (năm đó tại Torphoprodukt không làm sao kiếm cho ra thứ lúa khác, cho đến lúa mạch phải giành giựt lắm mới mong mua được, vì giá lúa mạch quá rẻ nên có nhiều người đã dùng lúa mạch để nuôi heo hoặc gài bẫy chuột). Những món này lúc thì mặn quá lúc thì nhạt quá, thường thì hơi khô, đã để lại trong cổ tôi sau bữa ăn một mùi vị « nó-thề-nào » không quên được.

(1) Trong tiếng Nga hai chữ Kartonnny soup và Kartovny soup đọc giống nhau.

Nhưng đó không phải lỗi của Matriona : tại Torphoprodukt bơ không thầy bán, mỡ thảo mộc phải chen lẫn để mua, chỉ có thứ « mỡ hợp chất » là có thể mua thông thả. Hơn nữa, như tôi thường thấy, loại lò Nga rất bất tiện trong việc nấu các món ăn.

Tôi ngoan ngoãn ăn những món Matriona dọn, nếu giữa khi ăn tôi bắt gặp trong đĩa một vật bất thường gì, một sợi tóc, một cục than, một cái chân dán, thì tôi lẳng lặng để nó qua một bên với dáng điệu khoan thai, kiên nhẫn. Tôi nhận thấy tôi không có đủ can đảm để trách móc Matriona. Thường thường chính bà vẫn rào đón trước :

— Tôi biết là không ngon, vì tôi tự làm lấy, nấu lấy, không được ai dạy cả.

Rồi bà mỉm cười, nhìn tôi, hỏi :

— Còn món canh, cậu thích món canh nào ?

« Món canh » ở đây là bữa ăn tối. Mỗi ngày tôi ăn hai bữa như hồi còn ở ngoài mặt trận. Tôi thích món nào ? Thì món cũ : không khoai chiên thì « canh giầy ».

Tôi quen lẩn với những bữa ăn đạm bạc, cuộc đời đã dạy tôi không nên tìm trong cái ăn cái uống ý nghĩa của sự sống hàng ngày.

Mùa thu năm đó đã xảy ra cho Matriona nhiều điều bất ý. Bà nghe theo lời chỉ dạy của mấy người đàn bà lối xóm, làm đơn xin tiền cấp dưỡng, gặp đủ loại phiền phức về thủ tục giấy tờ. Suốt hai tháng người

ta bắt Matriona chạy lảng xảng từ ủy ban nầy qua văn phòng nọ, có khi chỉ vì một cái chằm, một cái phết nhỏ. Mỗi lần như thế Matriona tốn mất một ngày. Lúc bà đến trụ sở ủy ban trong xã thì viên thư ký không có ở đó. Thôi ngày mai lại vậy. Đến mai, bà gặp được viên thư ký thì viên thư ký lại quên mất con dấu để đóng vào mấy lá đơn.

Bà than thở với tôi :

— Họ muốn giết tôi Ignatitch ạ ! Tôi chán lắm rồi.

Nhưng rồi vắng trán bà không tôi sầm lâu. Tôi nhận thấy bà có một phương pháp chắc chắn để lấy lại sự bình thần : bà cắm cúi vào công việc. Ngay sau đó bà lấy xẻng, ra rẫy nhổ khoai. Hoặc bà cấp trong tay một cái cái bao, đi nhặt than bùn. Hoặc nữa bà xách giỏ, vào rừng, thật xa, hái vài thứ trái. Lúc trở về nhà nét mặt bà dịu xuống, bà có vẻ bằng lòng, mỉm một nụ cười hiền hậu :

— Bây giờ may ra ta sẽ có đủ dùng. Tôi tìm ra được một chỗ này. Từ nay tha hồ mà nhặt.

— Nhưng tội gì bà phải nhọc công đèn thê. Sở than của nhà trường ? Cả một xe cam-nhông lớn !

— Cả một xe ! Thêm một xe nữa họa chăng. Mùa đông sợ rồi không có đủ than để sưởi. Ngọn gió ở đây phải biết. Tôi cò nhặt cho được ba xe. Mình phải tự lo lấy vậy.

Mặc dầu mấy việc khó khăn nho nhỏ, qua đầu mùa đông, cuộc sống của

Matriona cũng dễ chịu ra. Bà lãnh được số tiền cấp dưỡng, độ tám mươi rúp. Thêm vào đó nhà trường và tôi còn trả cho bà được hơn một trăm rúp nữa.

Mấy mụ ở gần bắt đầu ganh tị :

— Hừ, bây giờ thì Matriona không cần chết nữa rồi ! Bà ấy đã già, số tiền sẽ dùng vào việc gì đây ?

Matriona đặt một đôi giày ni mới và mua một chiếc áo lông. Vào khoảng giữa mùa đông bà khâu trong lán áo măng-tô số tiền hai trăm rúp để dành sau này mua chiếc quan tài. Bà nói với tôi :

— Có thể tôi mới hơi yên tâm Ignatitch ạ !

* *

Bà cụ Matriona và tôi đã sống quen tính nhau như thê. Không bao giờ bà quây rầy tôi, hỏi han chuyện nọ chuyện kia. Bà cũng chưa lần nào hỏi tôi đã có vợ hay chưa có vợ. Bọn đàn bà ngồi lê đôi mách ở Talnovo rất muốn biết những cái vặt vãnh đó về tôi. Họ hỏi mãi và bà đã trả lời :

— Các bà muốn biết ? cứ hỏi thẳng ông ta. Tôi chỉ biết mỗi một điều : ông ta là người từ xa đến.

Thật lâu về sau này, khi chính tôi đã thổ lộ với bà chuyện tôi đã bị giam hàng bao nhiêu năm trong sa-mạc thì bà chỉ im lặng cúi đầu, tựa như bà đã đoán biết rồi từ trước.

Tôi cũng thê, tôi chỉ nhìn thấy bà cụ Matriona của bây giờ, một bà cụ già chịu đủ mọi bề thua thiệt. Quá

khứ của bà tôi không muốn khơi ra, hơn nữa, trong cái quá khứ đó chưa chắc đã có gì để tôi tìm kiếm.

Tôi được biết Matriona đã lấy chồng hồi trước cách mạng, bà có 6 người con đã kề tiếp nhau chết từ lúc còn măng sữa. Sau đó bà đã nuôi một đứa con nuôi tên Kira. Chồng bà đã mất tích trong trận giặc vừa rồi...

Một hôm, ở trường về, tôi thấy trong nhà có một ông khách lạ. Một ông cụ già, cao lớn, đen đui, có khuôn mặt chìm trong một bộ tóc dày và cặp lông mày rậm nằm vắt như hai nhịp cầu bắc nối đuôi nhau. Trong dáng điệu của ông cụ già có một vẻ gì cao quý và từng trải. Ông ta ngồi thật thẳng, hai bàn tay chắp trên chiếc gậy.

Lúc tôi bước vào ông ta quay đầu chăm chăm về phía tôi, nói với một giọng không ngờ:

— Chào thầy! Mắt tôi kém nên không trông được rõ lắm. Thầy con tôi đang học với thầy. Antochka là nó...

Ông ta không phải nói thêm... Tôi rất muốn giúp ông ta nhưng tôi đã biết trước và đã từ chối trước, những câu vô ích, mà ông sắp nói. Antochka là một đứa học trò đến trường với mục đích nghỉ ngơi, nó ngồi vào bàn rồi trơ ra đó với một nụ cười lười biếng trên mép. Nó không học hành gì cả, nhưng trường chúng tôi, vì muốn giữ mãi cái tiếng có nhiều học trò học giỏi, đã cho nó lên lớp mỗi năm. Thành thử tuy mang tiếng ngồi lớp nhứt nó vẫn chưa biết phân số là gì, và sẽ lúng

túng vô cùng nếu có ai bảo nó phân biệt các loại hình tam giác. Với tôi, trong hai tam cá nguyệt đầu năm, nó khư khư giữ số điểm 2 và tôi tin chắc cho đến tam cá nguyệt thứ ba nó cũng sẽ tiếp tục giữ con số ấy.

Đang câu chuyện tôi bỗng nhớ lâu rồi, có một lần Matriona, không hiểu vì duyên cớ nào, đã xin tôi rộng lượng đối với Antochka Grigoriev. Lần đó tôi đã chối từ. Bây giờ đây thì Matriona đứng trong khung cửa nhà bếp, lặng im không nói câu gì, trong mắt chỉ có vẻ như muốn cầu xin. Đợi ông cụ Thaddée ra về rồi, tôi hỏi:

— Tôi không hiểu đầu đuôi gì cả. Thầy Antochka bà quen biết nó thế nào?

— Nó là cháu gọi tôi bằng thím ruột.

Rồi bà bỏ ra ngoài, đi vắt sữa dê.

Chừng đó tôi mới vỡ lẽ ông cụ già đen đui kia là anh chồng của bà chủ trọ. Cho đến lúc sẩm tối Matriona không nhắc gì đến câu chuyện ấy. Đêm mỗi lúc một khuya, tôi không nghĩ đến ông cụ già Thaddée nữa, ngồi làm việc trong bầu không khí yên lặng hơi bị xáo trộn bởi tiếng rì rào của bọn dán và tiếng tíc-tắc của chiếc đồng hồ. Bỗng Matriona nói với tôi, đột ngột:

— Hồi xưa, Ignatitch, ông ấy và tôi thiếu chút nữa đã thành vợ chồng rồi.

Tôi quên hẳn sự có mặt của Matriona trong gian nhà gỗ — bà sống lặng lẽ làm sao. Nhưng đêm nay, khi nói lên mấy tiếng vừa rồi trong bóng

tôi, bà đã để lộ vẻ xúc cảm của lòng bà, khiến tôi tưởng như lúc sáng ngày ông cụ Thaddée đã ngỏ lời cầu hôn bà lần nữa.

Bà đứng lên, bước lại phía tôi, làm như bà đi theo những tiếng bà vừa thốt. Tôi ngồi nhòm dậy, lần đầu tiên, tôi nhìn Matriona bằng một con mắt khác.

— Ông ấy hỏi cưới tôi trước nhứt... trước Efime... ông ấy là anh cả... Hồi ấy tôi mới mười chín tuổi, Thaddée hai mươi ba. Mùa hè đó... Thaddée và tôi ngồi trong một khu rừng nhỏ... chỗ chuồng ngựa bây giờ... Nhưng rồi giặc giã nổi lên và Thaddée bị gọi...

Bà buông thông mấy tiếng sau cùng, và tôi thấy tung tóe trước mắt tôi màu xanh, màu trắng, màu vàng, thảng bầy một ngàn chín trăm mười bốn: một bầu trời êm ả, những cụm mây vô tư lự và đám người làm lụng luôn tay trong đám rạ chín vàng. Tôi tưởng tượng cảnh chàng Thaddée và nàng Matriona ngồi sát bên nhau: chàng, một thanh niên đồ sộ đen như than cháy vác cái hái trên vai, nàng, khuôn mặt hồng hồng, ôm trong tay bó lúa vừa mới cắt; và một bài ca, một bài ca dưới vòm trời rộng, loại bài ca mà ngày nay, ở thời máy móc, người ta không hát nữa.

— Thaddée ra đi; lúc xong giặc vẫn chưa thấy Thaddée về... Tôi chờ suốt ba năm.

Phải, phải rồi... tôi hiểu... Lá vàng bay, tuyết đổ, rồi tuyết tan.

Những vụ cày bừa, những vụ gieo, những vụ gặt. Và lá vàng lại bay, và tuyết lại đổ. Và một cuộc cách mạng. Và một cuộc cách mạng thứ hai. Và cuộc đời đảo lộn.

— Sau lúc bà mẹ chết Efime đến hỏi cưới tôi, Efime nhỏ hơn tôi một tuổi. Vùng quê tôi vẫn có câu: « gái khôn lấy chồng tháng sáu ». Vì vậy tôi nhận lời. Efime và tôi lấy nhau, cưới tháng năm, qua tháng mười một thì Thaddée trở về.

Matriona nhắm nghiền hai mắt.

Tôi lặng im không nói gì.

Bà quay lại phía cửa như quay lại phía một người nào đó:

— Thaddée đứng dừng trên bậc cửa. Tôi thét lên, toan sụp xuống... Thaddée nói: « Nếu không phải là em ta thì có lẽ ta đã giết hết hai người.

Tôi rùng mình. Nhưng giọng nói của Matriona vẫn đều đều, trầm bổng:

— Trong làng không thiếu gì gái trẻ, nhưng Thaddée không ưng ai cả... chỉ nói: « Tôi sẽ tìm một người có cái tên giống thế, cũng Matriona »... Vợ của Thaddée bây giờ mà cậu vẫn gặp hàng ngày...

Thì ra thế! Bà Matriona thứ hai thường đến nhà bà Matriona thứ nhứt để than thở, khóc lóc về chuyện chồng con. Thaddée vẫn tiếc mỗi tình đầu.

Rồi ngày tháng qua mau như nước chảy. Năm 41, Thaddée không bị ra lính vì mắt đã mờ nhưng Efime thì lại bị gọi đi, rồi mất tích. Gian nhà, ngày xưa vui vẻ là thế bây giờ hóa

GIAN NHÀ CỦA MATRIONA

ra hoang vắng, già cỗi, điêu tàn, không khác gì bà Matriona cô độc.

Chính bà đã mở lời xin bà Matriona thứ hai cho phép bà nuôi đứa con gái út của Thaddée là Kira làm con.

Bà nuôi Kira suốt mười năm, thương yêu Kira như con đẻ. Không lâu lắm trước hồi tôi đến trọ, bà gả Kira cho một chàng thợ máy ở Tchérousti. Kira vẫn nhớ ơn, thỉnh thoảng vẫn châu cặp bà từ đó : khi thì một ít đường, khi thì một ít mỡ.

Sau này vì đau ốm luôn nên Matriona đã nghĩ đến chuyện làm tờ di chúc miệng : gian phòng riêng biệt đứng lẻ giữa gian nhà mà bà vẫn ở sẽ để lại cho Kira. Về phần gian nhà chính thì bà không nói đến. Bà có ba người em gái thường găm ghé, mong được làm chủ gian nhà.

Trọn buổi tối, có bao nhiêu chuyện riêng Matriona đều đem ra nói hết với tôi. Và như mọi người thường thấy, những sự việc đó của cuộc đời Matriona đã đợi đúng cái lúc tôi vừa biết đến chúng để lập tức cử động, chuyển mình. Mấy hôm sau, Kira từ Tchérousti đến, đem lại cho ông cụ Thaddée một đầu mối lo âu : ở Tchérousti các chủ đất nếu không muốn bị truất quyền sở hữu, phải cất ngay trên đất mình một ngôi nhà. Muốn vậy cần phải xin ngay Matriona gian phòng mà Matriona vẫn nói. Dạo này gỗ là thứ rất khó tìm, muốn giữ miếng đất ngoài cách ấy ra không còn cách nào hơn nữa. Ông cụ Thaddée bồn chồn như ngồi trên lửa nóng.

Ông đến nhà Matriona mỗi ngày, xin Matriona ưng thuận nhường ngay từ bây giờ gian phòng đã hứa. Gặp ông mấy lần sau này tôi không còn thấy ở ông cái vẻ cao quý mà tôi vẫn phục thắm.

Suốt hai đêm, Matriona không ngủ. Không phải bà tiếc gian phòng : bà đã chẳng hứa để nó lại cho Kira đó sao ? Bà chỉ đau xót phải chứng kiến những phút cuối cùng của gian nhà thân yêu, gian nhà mà bà đã sống bốn mươi năm trong đó. Không riêng gì bà, cả tôi nữa, tôi một kẻ ở trọ ăn nhờ, cũng thấy thế nào trong dạ.

Một buổi sáng tháng hai, ông cụ Thaddée dắt bảy con trai và con rể đến. Tiếng chặt cây của năm lưỡi búa vang lên. Đôi mắt ông cụ Thaddée ngời sáng. Ông đi đi lại lại, hò hét, sai bảo luôn mồm.

Bọn đàn bà cũng tíu tít luôn tay, họ lo việc nấu rượu để sửa soạn buổi lễ dọn nhà sắp tới. Kia đi Moscou mua một « poud » đường (1) rồi thừa đêm tối Matriona đem sô đường ấy giao cho lão chủ lò rượu lậu.

Sô gỗ đã dỡ ra được đem chất thành đồng trước nhà. Chồng của Kira, vốn là thợ máy, liền đi Tchérousti tìm một chiếc trục-tơ.

Nhưng trong ngày đó một cơn bão tuyết bỗng nổi lên, và không đầy hai ngày sau tất cả đường sá đều trắng xóa. Phải chờ mất hai tuần lễ ! Hai tuần lễ Matriona bị khốn khổ nhứt đời

(1) Tức 32 kilo

Ba người em gái bà xúm nhau riềc móc, bảo bà là con mụ đại, hăm sẽ không bao giờ thêm nhìn đèn mặt bà.

Và cũng chính trong khoảng thời gian đó con mèo què bỗng đứng bỏ nhà, đi mất. Bao nhiêu tai vạ dồn dập đã đánh quì bà cụ Matriona.

Rồi một buổi chiều, lúc ở trường về trước hoàng hôn, tôi bắt gặp quanh nhà có tiếng ồn ào, hè hụi. Một cái gỗ đã móc sẵn sàng sau một chiếc trắc-tơ. Bảy con trai của ông cụ Thaddée và mấy người được mời phụ việc đang hồi hả đóng thêm một cái bè kéo gỗ thứ hai để chắt luôn mớ gỗ còn dư. Cả bọn làm hùng hục như điên, cãi nhau, hét nhau không ngớt.

Matriona cũng chạy tới lui, giúp mọi người chắt gỗ lên bè.

Một loáng sau mọi việc đều xong xuôi đâu đó. Cả bọn gồm khoảng mười người đàn ông, kéo nhau vào nhà bếp. Tiếng chai lọ, ly cốc chạm nhau và tiếng cười nói vang lên tận chỗ tôi ngồi. Nhưng họ không uồng lâu, họ còn phải đi gấp vì trời đã bắt đầu sập tối. Phía sau cánh cửa sổ, chiếc trắc-tơ đã mở máy, rú rầm rầm.

Matriona, chậm hơn ai hết, từ trong nhà bếp chạy ra Bà lắc đầu có vẻ lo lắng, rồi nhìn theo bọn người đang kéo nhau đi. Bỗng bà vớ chiếc áo lông, choàng vội khăn, nói :

— Sao họ lại không chịu đem hai chiếc ? Để giúp nhau nếu có một chiếc bị hư. Tôi phải đi theo, xem sao mới được.

Gian nhà bây giờ hóa ra hoang vắng, lạnh lùng. Ngoài khung cửa sổ trời đã tối đen. Tôi cũng mặc vội cái áo lông rồi ngồi xuống sửa bài. Tiếng rú của chiếc trắc-tơ đã tắt hẳn đằng xa.

Một giờ qua, rồi hai giờ, rồi ba giờ. Matriona vẫn chưa quay trở lại.

Rồi một giờ nữa, rồi hai giờ nữa. Ngoài bóng tối ra, một sự im lặng hoàn toàn, kỳ lạ đang phủ trên mọi vật. Đã một giờ sáng mà Matriona vẫn chưa về.

Bỗng có tiếng đẩy cửa phía ngoài. Tôi vội chạy ra thêm :

— Matriona ?

Nhưng không phải Matriona. Người đang bước vào là bà Macha, Bà giờ tay, lão đảo ;

— Matriona... ới ! Matriona... Ignatitch...

Tôi đỡ bà Macha ngồi xuống. Bà nức nở thuật lại đầu đuôi, chỗ con đường xe lửa có một cái giốc cao. Không có người gác cổng. Chiếc trắc-tơ đã kéo được chiếc bè thứ nhứt đi qua, nhưng đúng lúc đó thì đoạn dây buộc chiếc bè thứ hai bỗng đứt. Chiếc bè nằm lọt giữa con đường sắt. Ba người đã xúm vào toan đẩy : anh thợ máy trắc-tơ, một đứa con trai của Thaddée, và bà cụ Matriona. Họ không nhìn thấy hai chiếc đầu tàu không đèn đang chạy lùi về phía họ...

— Không ai nghe tiếng xe lửa đang lại gần à ?

GIAN NHÀ CỦA MATRIONA

— Nghe làm sao được ? Lúc đó tiếng máy trục-tơ đang nổ rầm rầm điếc óc.

— Còn mấy người chết ? Có ai tính thể nào chưa ?

— Người ta còn để nằm tại chỗ. Không ai được động đến ... Ồi ! Matriona !

Matriona không còn nữa. Một người thân yêu đã mất. Bà Macha còn ngồi khóc một hồi. Lúc đứng lên toan ra về bà nói :

— Ignatitch ! Cậu còn nhớ ... Matriona có một chiếc áo len màu xám... Chị hứa để lại cho con Tania. Cậu còn nhớ ?

Trong bóng tối bà Macha nhìn tôi, chứa chan hy vọng. Tôi gật đầu :

— Phải, tôi còn nhớ.

— Nếu thế, cậu cho phép tôi lấy chiếc áo ấy bây giờ. Đèn sáng mai sợ trễ mất.

— Phải... bà... bà cứ lấy...

Đèn hừng sáng, xác Matriona được chở về nhà. Hai chân, một nửa thân mình và cánh tay trái của Matriona chỉ còn là một đồng thịt lầy nhầy, đỏ lôm nhừng máu.

Ba người em gái của Matriona chạy bỏ đền như ba con chim dữ. Việc làm trước nhất của họ là dắt con dê, bưng cái lò, khóa cứng chiếc rương, tháo lần chiếc áo măng-tô của Matriona để lấy hai trăm rúp : xong xuôi họ mới đến khóc trước quan tài. Nhưng lời

khóc của họ lại là một ngọn đèn tàn công địch thủ,

— A ! ni-a-ka-ni-an-ka ! A li-ôn-ka-li-ôn-ka ! Sao chị lại chết đi ! Cũng tại chị quá nghe lời họ. Bên phía ông cụ Thaddée cũng không vừa, mấy người chị, em chồng của Matriona và mấy đứa cháu gái khóc trả lời ngay :

— A ! ti-ô-tan-ka, ti-ô-tan-ka ! Cái số chị mà vẫn vôi ! Bây giờ có đứa nó muốn gây sự với chúng tôi.

Bà Matriona thứ hai cũng khóc, nhưng bà khóc thành thật hơn.

— Chị ơi, chị ơi ! Ô ma-a !

Đám táng cử hành đúng vào một ngày chủ nhật. Hai chiếc quan tài được khiêng ra giữa làng, tang quyền xúm lại cái để xem chiếc nào được quyền đi trước. Cuối cùng mọi người đồng ý để bà thím và đứa cháu đi cạnh nhau chung trên một chiếc bè kéo. Bầu trời tháng hai xám xịt. Nghĩa địa ở cách đó hai làng, gió rét căm căm, vị linh mục và người phụ việc thay vì đi Talnovo đón hai người chết, lại ngồi chờ trong nhà thờ.

Dân làng đưa tới bìa làng, vừa đi vừa hát, Thaddée không có mặt trong đám táng. Nhưng mấy hôm sau ông đến nhà Matriona hai lần để bàn cãi với ba người em gái Matriona vấn đề phân chia những món Matriona để lại.

Thứ nhất là gian nhà : gian nhà sẽ thuộc về ai, về ba người em gái hay về cô con nuôi ? Nếu không sợ toà án tịch thu gian nhà để giao cho ủy

ban làng xã thì có lẽ họ đã đưa nhau đi kiện từ lâu.

Gian nhà gỗ của Matriona bị đóng cửa cho đến mùa xuân, tôi dòi qua nhà một bà em chồng của Matriona, ở không xa đó. Bà em chồng này đã cho tôi biết thêm nhiều câu chuyện về người đã khuất :

— Efime không thích chị ta. Vì chị ta lúc nào cũng ăn mặc lôi thôi, luộm thuộm. Có lần Efime ra Moscou lãnh lương rồi ở lì tại đó với một người tình.

Bà em chồng chê Matriona nào là ăn ở không sạch sẽ, nào là ngu dại để bị kẻ khác lường công.

Chính qua những lời chê ấy mà tôi tìm được hình ảnh thật sự của Matriona.

Trong làng, nhà nào cũng nuôi được ít nhứt một con heo. Matriona không nuôi được con heo nào cả. Còn gì dễ bằng việc đó, việc nuôi một con heo chỉ biết cúi đầu ăn ba bữa mỗi ngày.

Khi heo lớn, Matriona chỉ cần đem ra giết thịt, lấy mỡ, là xong.

Thế mà Matriona không nuôi được...

Matriona không mua sắm gì cho chính thân mình. Bà không lưu tâm đến thứ áo quần làm cho người xấu nhứt, dơ dáy nhứt cũng hóa được thành người đẹp.

Không ai chịu hiểu bà : cả chồng bà, cả mấy người em gái bà, cả những người thân thuộc. Chết đi bà để lại gì ? Một con dê lem luốc, một con mèo què, mấy cây kiềng lá dấy... có thể...

Chúng ta đều là những người đã sống cạnh Matriona mà không hiểu được rằng Matriona đã thuộc vào lớp người trung thực cần thiết cho sự sống của mỗi làng.

Của mỗi thành phố.

Của trọn cõi đời này.

ALEXANDRE SOLJENITSYNE
NGUYỄN-MINH-HOÀNG trích dịch
theo bản Pháp văn của Claude Ligny

ĐÃ PHÁT HÀNH

Buôn ga nhỏ

của THANH-NAM



BÌA TRANG NHÃ — GIÁ PHỔ THÔNG

DO **PHÙ-SA** XUẤT BẢN

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TẠI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TẠI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẠI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP A

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000 000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Hàm (bên cầu (baignoire))

Giấy số : 71.253 — 33.9/3

nguyễn-ngu-í
phụ trách

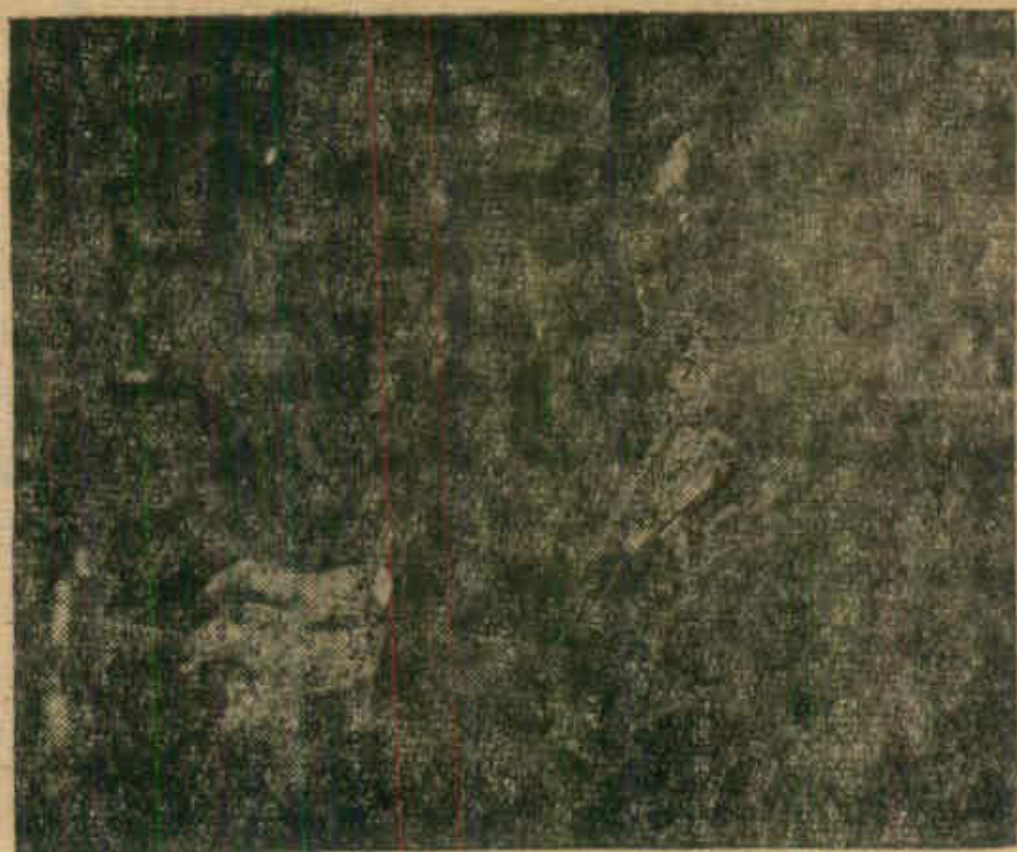
Bách-Khoa

phòng văn giới nhạc sĩ

V

● NGHIÊM-PHÚ-PHI.

Sinh năm 1930 tại Sài-Gòn



● Từ hồi những bài ca được gọi là « cải cách » đầu tiên ra đời đến hiện giờ, ta không thể phủ nhận trình độ nghe những bài ca tân nhạc của đại chúng đã lên khá cao.

● Hiện giờ bài ca tân nhạc đang được đại chúng thích, nên khuyến khích các nhà soạn bài ca tân nhạc soạn theo ý nhạc cổ truyền và dân ca, hướng dẫn những người đang thích nghe bài ca tân nhạc đi đến việc thích nghe nhạc bán thuần túy và dần dần thích nhạc thuần túy.

Không chuyên hẳn về loại nào, tôi tìm hiểu và chơi những loại nhạc :

— những bài hát được gọi là « cải cách » hoặc « tân-nhạc »

— những bài nhạc Âu-Mỹ dùng để khiêu-vũ : tango, rumba, mambo, pasodoble, valse v. v...

— nhạc Tzigane,

— nhạc Jazz,

— nhạc dân-ca, nhạc cổ-truyền Việt-Nam,

— nhạc đệm ngâm thơ, đệm kịch sân-khấu, kịch phát-thanh, đệm phim.

— Tôi đã học-tập và nghiên-cứu nhạc cổ-diễn Tây-phương, từ phái cổ-diễn ví-dụ như : Bach, Mozart, Beethoven, phái lãng-mạn ví dụ như : Schubert, Schumann, Liszt, Chopin, phái cận-kim và hiện-đại ví-dụ như : Debussy, Ravel, Schonberg, cho đến phái âm-nhạc cụ-thể (musique concrète) là phái không dùng nhạc-khí cổ-diễn mà chỉ dùng những vật cụ-thể hay những tiếng động thông-thường như : tiếng còi tàu hỏa, tàu thủy, búa, máy đánh chữ, nhà máy đang chạy, v.v... để diễn-tả ý nhạc.

Sanh năm 1930 tại Sài-gòn, hồi 13 tuổi tôi được may-mắn có người dượng dạy cho biết ký-âm-pháp ; về sau tình cờ tôi được dịp tự học dương-cầm, từ 15 tuổi, ban ngày đi học chữ, ban đêm đi đồn dương-cầm tại các vũ-trường cùng với nhạc-sĩ Trần-Anh-Tuấn, nhờ vậy mới có tiền mà học dương-cầm với ông Võ-Đức-Thu đồng thời tôi được nhóm « Xuân-Thu Nhạc Kịch » (do Lê-Thương và các bạn thành-lập) mời đệm dương-cầm trong nhiều buổi trình-diễn, cũng vào lúc

bấy giờ, tôi đệm dương-cầm cho tất cả những buổi trình diễn của Trần-Văn-Trạch.

Nhờ làm việc như vậy, dành-dụm được một số tiền, nên đến 19 tuổi tôi sang Paris, cầu học nhạc cổ-diễn Tây-phương. Đến Paris may-mắn được thi đỗ vào lớp dương cầm và lớp hoà-âm của Conservatoire National de Musique de Paris, rồi tôi được tốt-nghiệp về 2 môn này. Ngoài ra tôi có dự thi trong các cuộc tuyển chọn quốc-tế tại Paris và đã được : giải-thưởng hạng nhứt của nhạc-viện « Musica », giải thưởng danh-dự của hội âm-nhạc U.F.A.M., giải thưởng ưu-hạng của hội « Scène Française », sau đó không bao lâu, tôi được mời làm giám-khảo của hội-âm-nhạc « Léopold Bellan ».

Trong lúc học nhạc tại Paris, tôi vẫn làm tại các tửu quán, vũ-trường, cộng tác với đài phát-thanh Paris trong 3 năm, và cộng-tác với các hãng phim, hãng đĩa hát, dạy dương-cầm, trình-diễn dương-cầm tại Paris, tại các tỉnh nước Pháp, tại Bỉ.

25 tuổi về nước, tôi có độc-tấu dương cầm trong Festival Mozart tổ chức tại Sài-Gòn, đã trình diễn tại Thái-Lan, Phi-Luật-Tân, và từ 1956 đến giờ tôi dạy dương cầm và hòa âm tại Trường quốc-gia Âm-Nhạc và Kịch Nghệ do ông Nguyễn-Phụng làm giám-đốc. Tôi đã phụ trách trong 2 năm buổi phát thanh « Âm-nhạc Cổ điển Tây-phương dẫn-giải » với sự cộng tác của ông bà Nguyễn-Văn-Huấn và ông Nguyễn-Phụng. Tôi có tổ chức nhiều buổi trình-diễn dương-cầm tại Sài-Gòn, đã sáng-tác nhạc phim, những bài nhạc cho dương-cầm, và gần đây có sáng tác một « divertissement » cho Đàn Bầu, Đàn Tranh,

Dương-Cầm và Giàn-nhạc Đại-Hòa-Tấu, bài này đã được Hoàng-Thị-Thơ đem vào Chương-trình ra mắt của đoàn « Văn-Nghệ Việt-Nam », và đã được giàn nhạc Đại-Hòa-Tấu của « Việt-Nam Nhạc-Hội », do nhạc trưởng Đức Otto Soellner điều khiển, trình bày tại rạp Hưng-Đạo và Đại-Nam (1)

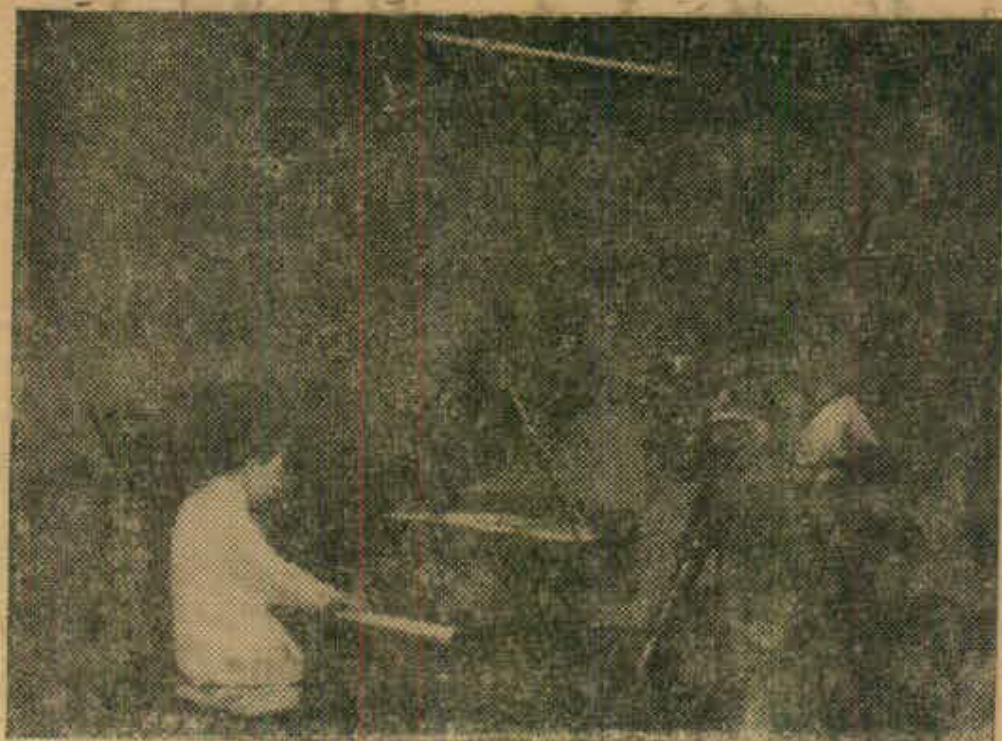
Bài « Divertissement » soạn riêng cho Đàn Bầu, Đàn Tranh, Dương-Cầm và giàn nhạc Đại hòa-Tấu chỉ là một thí nghiệm nhỏ, chúng ta còn có thể thực-hiện những dự-án văn-nghệ vĩ-đại, với giá trị nghệ-thuật khá cao, dựng lên với một kỹ thuật vững-chắc, một cách công-phu, tỉ-mỉ, mà vẫn giữ được tinh-thần Việt Nam, có thể làm cho phong-phú nền văn hóa Việt Nam mà hiện nay ta chỉ hãnh-diện với quốc-tế về ngành Văn-chương hoặc ngành Hội-họa, còn ngành Nhạc thì kể như chưa có gì ! Chúng ta chỉ còn chờ những nhà Mạnh-Thường-Quân giúp phương tiện.

Ngoài việc hoạt-động cho nền nhạc thuần túy Việt-Nam, tôi cũng vẫn tìm cách nâng cao trình độ nghe nhạc của quần-chúng, khởi sự từ những loại nhạc đang được quần chúng thích nghe, tức là những bài ca tân nhạc. Thay vì trình bày những

(1) Nhạc-trưởng Otto Soellner đã viết phê-bình về bài này : « Xin khen-tặng bản kiệt-tác của nhạc sư Nghiêm-Phú-Phi mà nội-dung sáng-sủa, tân-tiến, lại rất điển-hình Việt-Nam. Cả Sài-Gòn chờ đợi ông rất nhiều ».

Còn nhà phê-bình Pháp Michel Piclin cũng đề lời phê-bình bài ấy : « Đó là một tác-phẩm nồng-nhiệt, màu sắc và rất hay. Một tác phẩm rất thành công ».

(Nguyễn-Ngu-Í chú thích)



Nhạc sĩ Nghiêm-Phú-Phi tại đài Vô tuyến truyền hình Phi-Luật-Tân

bài này một cách thô-sơ, ta viết thêm vào nhiều giọng hát khác để hợp-ca, viết cho mỗi nhạc-khí trong ban nhạc một phần đặc biệt, tất cả các phần của những giọng hát, những nhạc khí hợp thành một khối, không gượng ép, khi trình bày gây cho thính-giả một niềm thích thú, như thế tạm gọi là phụ-soạn hòa-âm.

Tôi đã viết phụ soạn hòa-âm cho nhiều bài ca tân nhạc và nhiều bản trường-ca. Tôi thiết nghĩ hiện giờ chỉ có loại nhạc này đang đi sâu rộng vào đại-chúng Việt-Nam, vậy với sự phụ-soạn hòa-âm phong-phú, với sự trình-bày điêu luyện, chúng ta có thể dùng nó để đại-chúng bắc cầu qua loại nhạc thuần-túy, (một loại nhạc khó hiểu hơn).

Từ hồi những bài ca được gọi là « cải-cách » đầu tiên ra đời đến hiện giờ, ta không thể phủ nhận trình-độ nghe những bài ca tân-nhạc của đại-chúng đã lên khá cao, bằng-chứng là ở những buổi phát-thanh, bài ca tân-nhạc nào

được trình-bày với phần phụ-soạn hòa âm đứng-đầu, vẫn được thính-giả thưởng thức hơn là khi trình-bày nó một cách thô-sơ. Tại các hãng đĩa tân-nhạc, người ta phải chịu tốn thêm tiền sở-phí tìm những nhạc-sĩ có uy-tín nhờ viết phụ-soạn hòa-âm cho những bản họ sắp phát-hành, như vậy đĩa hát của họ mới bán chạy hơn.

Với trình-độ thưởng thức này, chúng ta có thể bắt đầu dẫn đại-chúng đi đến sự hiểu-biết loại nhạc bán-thuần-túy, và dần-dần đến nhạc thuần-túy Việt-Nam và quốc-tế.

Để giúp đại-chúng nhập-môn vào nghệ-thuật nghe nhạc thuần túy, chúng ta có thể phổ biến loại nhạc này với sự dẫn-

giải rõ-ràng, dễ hiểu và dưới một hình thức nào thật hấp dẫn để thính-giả nghe không chán, như thế sẽ gây được phong trào thích nghe nhạc thuần-túy, đồng-thời cũng nên gây phong-trào thích chơi nhạc thuần-túy bằng cách vừa giới-thiệu những giàn-nhạc hoặc những ca nhạc sĩ độc-diễn lừng danh thế giới, vừa giới-thiệu những nhạc sĩ nước nhà và nhứt là giới-thiệu những nhạc-sĩ mầm non.

Ngoài ra nên thường xuyên tổ-chức những buổi nói chuyện về nhạc thuần-túy có thêm phần trình-diễn, và những buổi hòa nhạc vào cửa không tiền.

Đành rằng hướng-dẫn quần-chúng hiểu và thích nhạc thuần-túy không phải là chuyện dễ, nhưng không phải không làm được,

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) *Bạn chuyên về nhạc gì? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.*

2) *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc...)*

3) *Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt?*

4) *Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.*

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) *Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì?*

6) *Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.*

tại Á-Đông đã có nhiều nước mà trình-độ âm-nhạc lên rất cao.

Tóm lại, đối với quốc-tế, vì tinh-thần tự-trọng quốc-gia, ta nên có những hoạt-động về đại-nhạc (grande musique) để có thể dự vào những đại-hội âm nhạc thuần-túy quốc-tế, hoặc để tiếp-rước một thượng khách đến viếng nước ta, ta cũng có cái gì để phô-trưng sự tiến-triển của nền văn hóa ta về ngành nhạc. Ở các nước khác, khi tiếp-rước một thượng-khách, người ta thường mời dự một vở opéra, hoặc một buổi ballet, hoặc một buổi trình-diễn của ban nhạc đại-hòa-tấu, trong những dịp như thế, hiện giờ nước ta chỉ có thể đưa ra một buổi trình-diễn ca-nhạc cổ-truyền, chúng tôi chủ-trương bảo-tồn nhạc cổ-truyền, nhưng riêng trong trường hợp này, tôi thiết-nghĩ người ngoại-quốc chỉ nghe nhạc cổ-truyền với tánh-cách tò-mò, chớ không thể nhìn sự tiến-triển của nền văn-hóa ta qua nhạc cổ-truyền.

Còn đối với trong nước, nên bảo-tồn nhạc cổ-truyền, sưu-tầm và ghi-chép

thật nhiều điệu dân-ca ; hiện giờ bài ca tân-nhạc đang được đại chúng thích, nên khuyến-khích các nhà soạn bài ca tân-nhạc soạn theo ý nhạc cổ-truyền và dân-ca, hướng-dẫn những người đang thích nghe bài ca tân nhạc đi đến việc thích nghe nhạc bán thuần-túy và dần dần thích nhạc thuần-túy ; khuyến-khích, nâng-dỡ những người có thiên tư cho họ học những kỹ-thuật sáng tác tinh-vi của quốc-tế để họ có thể sáng tác loại nhạc thuần-túy với kỹ-thuật quốc-tế và với tinh thần Việt-Nam rút từ nhạc cổ truyền và dân-ca ; ngoài ra còn nên tìm cách bảo đảm đời sống, quyền lợi của giới ca nhạc sĩ và còn rất nhiều việc nên làm mà các vị đàn anh của tôi đã nêu ra trong cuộc phỏng-vấn này.

Tuy học âm-nhạc ngoại-quốc, song tôi vẫn là người Việt, nên bao giờ tôi cũng chuyên tâm đem phương-pháp âm-nhạc Âu-Tây áp-dụng vào âm nhạc Việt, cốt nâng cao trình-độ âm-nhạc của chúng ta để gia tăng và phát triển những ưu-điểm cố-hữu.

NGHIÊM-PHÚ-PHI



● TÔN-THẤT-TIỆT

— Sinh vào cuối năm 1933 tại Quảng-Nam (Trung-Việt) Bắt đầu học vĩ-cầm năm 1946

1954.— Nhập ngũ (gián đoạn việc học nhạc).

1956.— Giải ngũ.

1956-1958.— Giáo-sư âm-nhạc tại trường Trung-học Nguyễn-Tri Phương và Quốc-học Huế (Khải-Định cũ).

1958.— Xuất dương. Học hòa âm với giáo sư Georges Dandelot và đối âm (contrepoint) với bà Honegger tại École Normale de Musique de Paris.

BÁCH-KHOA PHÒNG VĂN GIỚI NHẠC SĨ

1960.— *Đỗ cử-nhân hòa-âm* (tốt nghiệp E.N.M.P.) và *đệ-nhị chứng-chỉ đối âm* (*Diplôme de Contrepoint*).

— *Đỗ vào Âm nhạc viện quốc-gia Ba-Lê* lớp *đối-âm* với giáo sư Noël Gallon và *tấu pháp* (*Fugue*) với bà Yvonne Desportes.

1961.— *Giải nhì tấu pháp* (2^e : *prix de Fugue*).

— *Đệ nhất phụ thường đối âm* (1^{er} *accessit de Contrepoint*) tại *Âm nhạc viện Quốc-gia Ba-Lê*.

1962.— *Đỗ vào lớp Sáng tác* (*Composition*) tại *Âm nhạc viện quốc-gia*, theo học với nhạc sư Jean Rivier (lớp này do 2 nhạc sư Darius Milhaud và Jean Rivier hướng dẫn, hiện nay nhạc sư Darius Milhaud về hưu nên chỉ còn lại Jean Rivier)

Tác-phẩm : *Sonatine* (*dương-cầm và vĩ-cầm*) viết vào mùa hè 1961

Niềm vui (<i>dương cầm</i>) viết vào ngày 2-3-1952	{	1) <i>Người và vũ-trụ.</i>
		2) <i>Thiếu-nữ bên hồ Lemau.</i>
		3) <i>Tiền biệt.</i>
		4) <i>Niềm vui trong tình bạn vô biên.</i>

— *Sonatine* (*dương cầm*) viết vào mùa xuân 1962.

— *Hoài cổ* (*dương cầm và vĩ cầm*) thu 1962.

— *Ca khúc* (viết theo thơ của Guillaume Apollinaire), thu 1962.

— *Tứ cầm khúc* (*quatuor à cordes*), thu 1962 (hai tác phẩm sau này viết để dự thi vào lớp *Sáng tác*).

— *Sonato* (*vĩ-cầm và dương cầm*) viết vào ngày 3-4-1963. (nhạc phẩm sẽ dự thi *Sáng tác* vào tháng 6-1963).

● Sáng tác gia có thể lấy nhạc ý (thème) trong dân ca hay cổ nhạc để viết ra một « symphonie » hay một « concerto », nhưng không nên chấp nối bản này sau bản khác (nhạc cổ hay dân ca) theo kỹ thuật hòa âm Tây phương để làm thành một tác phẩm của mình.

● Ngoài dân ca (dĩ nhiên đã có địa vị trong nhạc Việt), nhạc cải cách (có thể ví với loại nhạc giải trí Tây phương) nên được giữ lại cũng như ở bên Tây phương này chẳng ai bài xích loại variété.

Paris, 14-5-1963

Anh Ngu-Í.

Xin gửi về Bách-Khoa bài tôi trả lời cuộc phỏng vấn về nhạc do anh phụ trách để góp chút « viên ý » với anh chị em ở quê nhà. Câu hỏi thứ 5 và thứ 6, tôi không đáp, anh cũng hiểu vì sao : xa quê hương đã sáu năm trời, tôi khó mà trả lời chính xác được.

I. — Tôi chuyên về sáng tác.

Từ lâu tôi được huấn luyện về nhạc Tây-phương, nhưng không vì thế mà thờ ơ với nền nhạc cổ truyền Việt-Nam.

Nhạc Tây-phương gồm có hai loại :

- 1) Nhạc giải trí (variété)
- 2) Đại nhạc (Grande musique ou musique cérébrale)

Tôi xin nói về hai loại nhạc ấy và nhất là loại sau.

1) *Nhạc giải-trí* gồm những ca khúc ngắn hoặc những nhạc khúc chú trọng nhiều về những tiết-diệu sẵn có. Loại nhạc này rất thông dụng trong các tiệm khiêu vũ hay hí trường. Sáng tác loại này không cần phải có kỹ-thuật « cao-siêu » và không đòi hỏi một căn bản nhạc vững chắc.

2) *Đại-nhạc* (tôi tạm dịch như vậy). Loại nhạc này, như tất cả mọi người đều biết, bắt nguồn từ thánh ca và dân ca thời thượng cổ diễn tiến theo dòng lịch sử văn hóa. Từ cuối thế kỷ XIX, loại nhạc này đã vượt biên giới Âu-châu để tiến sang Đông phương và Nam phương, hiện nay nó đã lan tràn khắp thế giới.

Âm-nhạc Đông-phương gồm nhạc Trung-Hoa, Ấn-Độ, Nhật Bản, Việt-Nam v. v... đã dừng lại từ lâu (gần 20 thế kỷ, như Trung-Hoa) về phương-diện sáng-tác. Nhạc-sĩ chú trọng về tấu nhạc hơn là sáng tác nhạc. Vào cuối thế kỷ XIX, bờ-ngõ trước nền văn minh Tây-phương và riêng về nhạc, các nhạc sĩ Trung-Hoa Nhật-Bản... bắt đầu chú trọng về ngành sáng-tác, dựa theo kỹ thuật Tây phương. Hiện nay những nước ấy, nhất là Nhật-Bản và Trung-Hoa (như tôi đã được biết) có nhiều soạn nhạc gia sáng-tác theo kỹ-thuật Tây-phương nhưng vẫn giữ được màu sắc dân tộc. Sở dĩ tôi nói nhiều về điểm này vì đây là con đường tôi đã chọn.

Trong phạm vi nhỏ hẹp của một bài trả lời cuộc phỏng vấn, tôi không thể nói nhiều về chi tiết loại « đại nhạc », tôi chỉ nêu ra đây vài điểm chính.

Cũng như văn chương, nhạc-sĩ dùng nhạc để nói lên một cái gì, hơn nữa, âm nhạc truyền cảm rất mạnh so với các bộ-môn khác như văn-chương hay hội họa.. (như văn-sĩ Faulkner đã nói) vì nó gồm nhiều cảm giác hơn tri năng (ví-dụ nhạc lãng-mạn với Berlioz, Liszt..) Nhưng đến đầu thế-kỷ XX này, âm nhạc lại nhuộm thêm màu sắc tri năng. Kỹ-thuật soạn nhạc bị xáo trộn, Schoenberg lập ra phái nhạc thập nhị âm hay vô định cung thể (musique dodécaphonique, sérielle hay atonale), Stravinsky, Bartok xáo lộn nền hòa-âm ; một số nhạc-sĩ khác viết nhạc « cụ thể » (musique concrète)...

Con người và xã hội biến-chuyển, dĩ-nhiên văn nghệ cũng thay đổi theo.

Mỗi nền văn minh của mỗi nước thường diễn tiến theo nhịp riêng biệt, nhưng

nhìn chung lại thì sự tiến triển của văn minh loài người đều là một. Vì vậy, ngoài loại nhạc cổ truyền Việt-Nam cần phải bồi dưỡng, loại đại nhạc trên cần được phát triển sáng tác để chúng ta có thể góp mặt với thế-giới. Về loại này hiện nay chúng ta chưa có gì đáng kể, nhưng tôi hi vọng trong một thời gian gần đây, loại đại nhạc Việt-Nam sẽ được nhắc nhở đến trên khắp các nước (Trung-Hoa và nhất là Nhật-Bản hiện nay tiến rất cao về loại này).

II. — Theo học nhạc đối với tôi là một chuyện ngẫu nhiên vì trong gia-đình tôi chẳng ai nghĩ đến. Tôi được người anh đầu khuyến khích và hứa thưởng cho một cây vĩ-cầm sau khi đỗ vào trường Trung-học Khải-Định. Nhưng chiến tranh bùng nổ, anh tôi gia nhập phong trào kháng-chiến chống Pháp và tử trận vào đầu năm 1947. Từ đấy tôi tiếp tục học vĩ-cầm với người anh họ là anh Võ-Tô nhưng thiếu mất sự khuyến-khích của người anh mà tôi quý mến nhất trong gia đình.

Đến năm 1951, tôi có nhờ ông Nguyễn Định-Chiếu chỉ qua về hòa-âm. Lúc ấy tôi bắt đầu có ý chuyên về ngành sáng-tác. Mãi đến năm 1958, tôi mới được sang Pháp và bắt đầu học kỹ về hòa âm, đối âm (contrepont), tấu pháp (Fugue) và khoa sáng-tác nhạc ở École Normale de musique de Paris (về hòa âm) và Âm nhạc viện quốc gia Ba-Lê về những khoa sau.

Nhạc sĩ là một trong những sứ-giả hòa bình, vì nhạc thuần túy luôn luôn làm dịu lòng người và hướng nhân loại trở về với cái Thiện Mỹ của tâm hồn. Khổng-Tử đã nói nhiều về nhạc, «nhạc là cái vui

của thánh nhân, mà có thể khiến cho lòng dân trở nên tốt lành, có thể cảm lòng người rất sâu và di phong dịch tục được, cho nên tiên vương mới đặt ra dạy nhạc». (Nhạc-ký) (theo bản dịch của Trần-Trọng-Kim). Dựa theo nguyên tắc ấy, tôi luôn luôn cố-gắng để nói lên một cái gì.

III. — Văn chương, hội-họa, điêu-khắc, cùng những bộ-môn khác của nền văn-minh Tây-phương đều được phổ biến ở Việt-Nam, tại sao chúng ta không quan-tâm đến âm nhạc của nền văn-minh ấy ? Vì vậy, đối với tôi, sự phổ biến nhạc Tây-phương là lẽ dĩ nhiên, nhưng không thể mà bỏ quên nhạc cổ truyền Việt-Nam.

Việc phổ-biến nhạc Tây phương nhằm mục đích nâng cao trình độ hiểu biết của con người, hơn nữa nó sẽ giúp cho quần chúng khỏi phải bỡ ngỡ trước những nhạc phẩm Việt-Nam viết theo nhạc thể mới.

Vào tháng 10 năm 1960, tôi được nghe một buổi hòa nhạc do ban nhạc đại hòa tấu TOKYO trình diễn tại Ba-Lê : trong chương-trình có một nhạc phẩm cổ truyền Nhật-Bản soạn lại theo kỹ-thuật hòa tấu Tây-phương, nhạc phẩm này được công chúng Ba-Lê hoan-ngheh nhiệt liệt và phải trình bày 2 lần trong đêm ấy. Tôi nêu ra thí dụ này để nhấn mạnh thêm ý-kiến của bà Phạm-Thị-Lạc-Nhân trong một số Bách-Khoa gần đây (1). Nhưng ta nên nhớ rằng dù có soạn lại đi nữa, nó vẫn là một nhạc cổ truyền chứ không phải là nhạc của chính mình viết ra. Sáng tác giả có thể lấy nhạc ý (thème) trong dân ca hay cổ nhạc để viết ra một « sym-

(1) Số 152, ngày 1-5-1963.

phonic» hay «concerto» (2) (tôi xin nói tiếng Pháp vì tôi không muốn dịch ra tiếng Việt những danh từ này) nhưng không nên chấp nối bản này sau bản này sau bản khác (nhạc cổ hay dân ca) theo kỹ-thuật hòa-âm Tây-phương để làm thành một tác phẩm của mình.

Vấn đề lấy nhạc ý trong dân ca để sáng tác không phải mới mẻ gì vì những nhạc sư như Béla Bartok hay Stravinsky đã từng làm. Gần tôi hơn hết là nhạc sư Darius Milhaud, ông dùng một điệu dân ca miền biển để viết ra một bi nhạc kịch (không phải opéra): « Le matelot ».

IV. A. *Phổ biến nhạc.* Về việc phổ biến nhạc Tây phương, tôi chỉ xin đưa ra vài ý kiến nhỏ. Hiện nay tôi không được rõ trình độ của quần chúng bên nhà đã đi đến trình độ nào.

1) Ở các nước Tây phương, Chính-phủ chú trọng về việc phổ biến nhạc (dĩ nhiên là hiện đại, vì dù sao đa số quần chúng cũng đã hiểu về nhạc lãng-mạn hay cổ điển). Ở Ba-Lê, hằng tuần có 3 hay 5 buổi hòa nhạc do « orchestre national », ban nhạc « philharmonique » của đài phát thanh, hay ban nhạc thính-phòng (orchestre de chambre) của đài phát thanh trình bày. Dân chúng đi nghe gần như không mất tiền (chỉ trả 0,50 F.) Những buổi hòa tấu này do Chính-phủ tổ chức. Ngoài ra còn có TNP (Théâtre nationale populaire) cũng do chính phủ tổ chức, nhằm mục đích nâng cao trình-độ hiểu biết của quần chúng. Vì vậy tôi thấy ở Việt-Nam nếu có phương tiện, Chính phủ cũng nên chú trọng về vấn đề này.

2) Tổ chức những buổi thuyết-trình về nhạc, nói về các nhạc phái cổ kim hay từng nhạc sĩ. Tôi nhận thấy mỗi khi hiểu rõ nhạc người ta sẽ thích nghe hơn.

3) Mở viện đĩa hát (discothèque) và một phòng nghe dành cho quần chúng.

Phát thanh cũng là một trong những phương-pháp phổ biến nhạc nhưng chương-trình phải được nghiên cứu kỹ. Ví-dụ trình độ am hiểu nhạc Tây-phương của quần chúng còn ở loại nhạc cổ-diễn (thế-kỷ XVIII) thì từ từ chương-trình tiến dần đến nhạc lãng mạn (thế kỷ XIX) và đưa đến nhạc ấn-tượng (cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX) v. v... Không nên quá chiều theo thị hiếu của quần-chúng vì sự tiến triển của một người hay một nhóm người bao giờ cũng dễ và nhanh hơn là của toàn thể dân chúng. Ví dụ Wagner trong sinh thời luôn luôn bị thất bại vì nhạc ông khó hiểu, quá mới và chú trọng nhiều về triết lý, mãi đến nay người ta mới bắt đầu hiểu Wagner. Nếu Wagner thuở ấy không dám viết quá cao thì hôm nay chúng ta không được niềm vui tìm hiểu một loại nhạc thâm-thúy như vậy (tôi rất tiếc không được phép nói nhiều thêm về Wagner ở đây, nhưng những ai đã đọc triết lý của Schopenhauer thì không thể không biết qua Wagner).

B. — *Huấn luyện nhạc-sĩ.* Vấn đề này do trường quốc-gia Âm-nhạc đảm-nhiệm

(2) Symphonie : hòa tấu khúc, concerto : hợp tấu khúc, (theo « Danh từ âm nhạc » của Lê-Thương).

Tất cả chú thích trong bài này đều là Nguyễn-Ngu-Í.

tôi chỉ xin góp ý-kiến là nên cho xuất-dương thêm sinh viên theo học ngành-nhạc. Thực ra nhạc không có ích-lợi thực-tiến, nhưng địa vị âm-nhạc trong một nền văn-minh, hiện nay chẳng ai phủ-nhận.

Trong việc cho xuất-dương theo học ngành nhạc, cần chú trọng những môn nào ở Việt-Nam quá thiếu sót. Tôi có nhiều người bạn Nhật, Triều-Tiên v.v... học về nhạc-kịch (hát và đóng tuồng), tôi tự hỏi nếu mình viết ra một nhạc kịch thì ai sẽ trình bày? Vì Việt-Nam ta hiện nay chưa có ai theo học ngành này.

Tóm lại, trong bài này tôi chú trọng nhiều về loại « đại-nhạc » hay « nhạc cân nã » (danh-từ hơi kỳ ! nhưng dịch làm sao danh từ « grande musique hay musique cérébrale »)

Tôi không nhắc đến nhiều về dân-ca hay nhạc cải-cách vì tôi thấy có lắm người

chú trọng về loại này. Đối với tôi, ngoài dân-ca (dĩ nhiên đã có địa-vị trong nhạc Việt) nhạc cải-cách (có thể ví với loại nhạc giải-trí Tây-phương) nên được giữ lại cũng như ở bên Tây-phương này chẳng ai bài xích loại « variété ». Một ví dụ dễ hiểu, trong lúc đi cắm trại hay trong buổi họp mặt của các bạn trẻ, họ sẽ hát gì? không lẽ đem Mozart hay Verdi ra hát? Nhưng điều cần nhất là nên chú trọng về phía lành-mạnh. Nhạc rền rĩ quá làm nhụt lòng người (như tôi đã thấy trong loại cải cách trước đây).

Công việc hiện nay là nên cố gắng xây-dựng, mỗi người đều tự-do trong ngành mình chọn vì trực tiếp hay gián tiếp, tất cả các ngành đều có ích cho một nền văn minh.

TÔN-THẮT-TIỆT

ĐÍNH CHỈNH

Bách-Khoa số 153, mục « Phòng văn giới nhạc-sĩ » :

- trang 87, cột 2 dòng 6 d : « nôi cao », xin sửa : « nôi con ».
- trang 88, cột 1, dòng 11 : « NAM », xin đọc : « TAM ».
- trang 92, cột 1, dòng chót : « ... Việt-Nam », xin đọc : « ... Việt-Nam (1960). Dân ca Việt-Nam (do bộ...) »
- trang 92, cột 2 xốt những dòng này, sau dòng 1 : (tập I) : bài đàn Tranh, bài đàn Nguyệt, bài đàn Nhị, bài đàn Độc-huyền, bài đàn Tì-bà, Phương pháp học đàn Tranh (tập I).
- trang 92, cột 2, dư 3 dòng : 3, 4, 5.
- trang 94, cột 2, dòng 6 d : « mộc, thạch, kim, trúc », xin đọc : « mộc, thạch, kim, ti, trúc ».
- trang 95, cột 1, dưới dòng 6 d. sót câu : « Như thế, mới tránh khỏi cái nạn « bảo tồn cổ hủ » hay « tiến bộ vong bản ».

SINH - HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Đứng trước thời đại đang muốn lần át con người, trên nguyên tắc con người có thể có hai phản ứng: hoặc phản đối, hoặc chấp nhận.

Trong thực tế, phản đối và chấp nhận là hai khuynh hướng liên tục nuôi dưỡng và hủy diệt lẫn nhau, tạo thành một khoảng trống, khoảng trống tồn sinh của con người hôm nay. Như thế *Cũng Đành* không phải là một trạng thái hay một lập trường, mà là một khoảng *giao thoa*. Tuyển tập truyện ngắn *Cũng Đành* của Dương-Nghiễm-Mậu có thể xem như là một *chuyển động xoay chiều* hiểu theo nghĩa toán học của danh từ. Người đọc có thể chia *Cũng Đành* ra làm hai giai đoạn cân nhau, mỗi giai đoạn gồm có ba chuyện ngắn: ba chuyện đầu chối từ, ba chuyện sau chịu đựng.

Con người từ chối hiện tại trong niềm Đau Nhức của Khoảng Trống.

Hạnh là một thanh niên mang cái bướu lớn trên cổ, nhưng coi

CŨNG ĐÀNH:

vị trí con người dưới mắt

Dương-Nghiễm-Mậu

ĐẶNG-TIẾN

thường không để ý, cho đến một buổi tối hẹn đi dạ hội với người yêu Hạnh bị từ chối: « *Anh ạ, em không tới với anh được đâu, sao cái bướu của anh lại lớn quá thế* » (trang 9) Từ đó Hạnh bị cái bướu ám ảnh, Hạnh kinh hoàng trước cái nhìn của đám đông. Chàng cô sống đông đưa giữa hy vọng, an ủi và tuyệt vọng: khoa học cứu được khuôn mặt quái gở chăng? Chàng bị bướu từ hồi nào, cha mẹ Hạnh ở đâu? Cuối cùng, chàng định tự sát bằng cách kê cò xuống đường sắt cho bánh xe lửa nghiền cái *chứng tích của đời sống* (trang 31) nhưng lại run sợ. Cuối cùng Hạnh quyết định tự cắt bướu, bị đưa vào nhà thương và biết rằng mình bị ung thư. Hạnh nằm chờ chết.

« Cái mặt mày kỳ cục và quái gở như thời đại này » (trang 17) theo lời một đứa bạn. Hạnh tự tay cắt bướu, Hạnh muốn từ chối cái hiện tại không ra gì của đời chàng. Cục bướu là một ý thức, là một suy nghĩ :

Nó không phải là sự tình cờ bỗng nhiên hiện diện. Nó là một sự thật theo đuổi anh lâu dài và lớn lên cho đến một lúc chúng ta nhìn nhận.

... Bao nhiêu năm cô đơn của tuổi trẻ anh đã mang theo — tuổi trẻ của một đứa bé mồ côi lang thang không biết la hét với ai, chỉ biết la hét với những chuyến xe lửa chạy qua mỗi ngày hú còi và phun khói.

... Anh đã cắt bỏ cái bướu để tìm về cõi sống, về đám đông bình thường, nhưng không được. Hành động quyết định mang anh vào ranh giới của sự chết im lặng căm điếc chờ mỗi chúng ta.

... Thân thể anh còn đây, cái bướu đã mất, anh khước từ sự hiện diện vô ích của nó nên anh đã trở thành một sự không thực.

... Anh là một quá khứ, một chứng tích của đời sống. Một hải đảo cô đơn ngàn đời bởi nó công nhận niềm đau buốt của khoảng trống, từ khước đám đông, thức giấc niềm đòi kháng với một bộ mặt vô hình nhìn xuống đời sống... (trang 29-30-31).

Cái bướu của Hạnh làm bằng một dĩ vãng mồ côi, một hiện tại góa bụa. Muốn cắt bỏ cái hiện tại tàn nhẫn đang đeo đẳng vào sỏ phận, Hạnh đã chết.

Mỗi chúng ta đều mang một cái bướu lớn trên khuôn mặt, nhưng chưa chết vì cục bướu chưa thành ung thư của cuộc sống.

Con người từ chối dĩ vãng : Người Ngồi Đợi Mũ.

Ở đây, tác giả không còn là nhân vật chính mà ngắm nhìn nhân vật chính sinh hoạt. Lão Giăng 72 tuổi gốc gác là Pháp Kiều, sang Việt - Nam dưới thời Pháp thuộc, làm chủ đồn điền, nhưng bị phá sản, về già nghiện ngập phải sống trong một ngõ hẻm tăm tối nhờ đồng tiền một đứa con gái làm đi, đứa « con hờ » vì lão không biết có phải là con của chính lão hay không. Thực tại dơ bẩn như vậy, mà lão vẫn không muốn thừa nhận, không muốn biết con mình làm đi. Lão luôn luôn đợi mũ, cái mũ oai hùng của thuở còn «Rượu ngon, gái đẹp, tôi tớ biết bao nhiêu. Vận mệnh hàng ngàn công nhân dưới tay sinh sát... cái mũ này... cậu phải hiểu » (trang 37) cái mũ còn tượng trưng cho một chế độ trong quá khứ : « Tổ quốc mình ngu thật, phải cai trị xứ mọi rợ này chứ ? Chả gì mình cũng là kẻ khai sáng cho chúng nó... chúng nó quên công ơn quá khứ của mình rồi » (trang 42). Trong lúc đó, chàng thanh niên — có lẽ là tác giả — nhìn vào dĩ vãng bằng một cách khác, không phải chụp mũ mà cời mũ : « Thấy tôi cho vào bao bố đánh chết trôi sông, mẹ tôi lấy chồng khác tôi lang bạc vô gia cư vô định sở » (trang 44).

Lão Giăng chỉ là một cây tầm gửi, hút nhựa sống từ sỏ phận một con đi,

nhưng muốn có cái ảo tưởng trong sạch nên khách tìm hoa đều phải « đi ngả sau » Dương - Nghiêm - Mậu đã phản đối :

Làm sao anh thoát ra khỏi căn nhà này, không phải cổng sau mà cũng không phải cổng trước, làm sao để anh thoát khỏi cái lễ thói luân lý giả tạo, những che đậy nhất thời, những sự thực bẩn thỉu vây quanh đây, anh sẽ phá tường mở một cổng khác ư ? hay anh phải đốt phá căn nhà này cho em, cho anh, cho cái quá khứ nô lệ, cái thực tại giả dối này bốc cháy ? (trang 40)

Cuối cùng, chàng thanh niên tưởng tượng : Anh cầm con dao phay ở tay phải, anh quật ngã ngựa trắng già, tay trái đè lấy, cổ ngồi lên háng rồi anh cầm dao rạch một đường từ ngực xuống rốn hấn chết cứng không kịp rẫy... (trang 48).

Ở đây, chàng không giết lão Giảng, chàng chỉ hủy diệt cái « vang bóng của một dĩ vãng sâu nặng » (trang 47) cái dĩ vãng le lói đang trùm lên trên một thực tại đang rữa thối. Chàng chỉ « để mũi xuống bàn và cầm con dao ăn ở đó đâm một mũi suốt chòm mũi rồi bỏ đi » (trang 49)

Thật ra, trên đầu mỗi chúng ta đều có cái mũi móc thếch của dĩ vãng chụp kín trên hiện tại, cái mũi của ảo tưởng chụp lên trên thực tế.

**Con người từ chối tương lai :
Cũng Đành.**

Kha là một thanh niên bỏ kháng chiến về thành để chữa bệnh sốt rét. Trên đường về, chàng phải đói khát,

ăn cơm lẫn với rau tàu bay luộc chấm muối, và nuột đun đất sông để hạ cơn sốt ; về đến Hà - Nội, lại phải sống giữa rác rưởi, may tìm ra được một chỗ làm trong hăng thổi ve chai, nhưng lại bị đuổi vì uống quá nhiều ký ninh thành ừ tai. Thất nghiệp, phải đi móc bó ri rác rưởi để nhặt mảnh chai, kính vỡ, vụn sắt đem về bán : ở nhờ nhà một ả giang hồ lại bị đuổi đi khi ả lấy chồng. Lây lắt đầu đường xó chợ để cuối cùng bị lính bắt vì không có giấy tờ. Định mệnh đau thương đến hồi kết :

Viên cô đạo làm đầu nhìn chúng tôi bị đánh đập. Nhưng tôi còn đủ sức chửi bới và văng tục. Tụi lính lại tra khảo tôi mà không chịu buông tha :

— Mày tên gì ?

— Con khi.

— Ở đâu ?

— Con khi... cời chuồng...

— Cha mẹ mày tên gì ?

— Ai

— Cha mẹ mày ?

Khi nghe rõ đến hai tiếng cha mẹ thì tôi khóc òng lên. Chúng tiếp tục đánh đập tôi nữa :

— Mày tên gì ?

— Thệt thối.

— Ở đâu ?

— Viên cô đạo.

— Cha mẹ mày tên gì ?

— A ha !... a ha !

Đến một đêm tối lữ linh dẫn tôi lên một chiếc xe bọc kín mang tới một cánh đồng cùng mây đưa nữa. Chúng bắt đầu hồ. Tôi biết là sắp được tự chôn mình. Tôi nghe tiếng lên đạn lách cách, xong chúng bắt quay mặt vào hồ. Tôi nhớ đến câu hỏi và tự nhắc :

— Cha mẹ mày tên gì ? (trang 65).

Tôi nói : Kha từ chối tương lai, vì Kha hài lòng với cái chết khi cuộc sống dù bị thăm đến đâu, vẫn còn xoay xở được, trường hợp Hạnh lại khác : cái bấu là cái bấu, cắt nó đi, trước khi Hạnh là không còn Hạnh. Hạnh vẫn còn niềm tin. Đối với Kha, cái chết không có một ý nghĩa nào cả. Nói như một nhà văn Tây phương : lý do để sống cũng là lý do để chết ; đời Kha tự thấy vô nghĩa, và nhiều lần chàng đã mơ ước được chết. Kha không tự tử trực tiếp, vì tự tử là một dự tính, một quyết định. Kha trái lại, không có dự tính, không thêm quyết định vì chàng, trong tiềm thức, khẳng khái từ bỏ ngày mai.

Hồi kết truyện Cũng Đành nhắc đến hồi kết tiểu thuyết *Le Procès* của Kafka nhưng bi thảm hơn. Thảm kịch trong *Le Procès* là một thảm kịch siêu hình, trái lại, trong *Cũng Đành*, là một thảm kịch thời đại. Khi nhân vật *K* của Kafka, trước cái chết thốt lên : « như mọi con chó... » (1) thì cái chết dừng lại ở cõi chết, khi nhân vật *Kha* của Dương-Nghiêm-Mậu thốt « cha mẹ mày tên gì » cái chết lật ngược cuộc sống, cái chết không kết cuộc nổi cuộc sống quá đau thương.

Ở đây, người chết không tiếc mối tương lai bị mất, vì đã tự ý chỗi bỏ, nhưng tiếc cho một dĩ vãng không xứng đáng : « con người khóc vì sự việc đã không như ý muốn » (2).

Con người chỗi bỏ tương lai dễ hơn dĩ vãng, vì dĩ vãng là những gì mất đi, và người ta không thể phủ nhận những sự đã mất : ngược lại, con người dễ có ảo tưởng về tương lai hơn là có huyền mộng về dĩ vãng.

Phần nhì của tuyển tập bắt đầu bằng một cố gắng tái tạo những giấc mơ dĩ vãng.

*
* *

Tim về dĩ vãng: Bồn Cát Tuổi Thơ

Ở đây chúng ta chứng kiến sự chuyển động xoay chiều trong tác phẩm Dương Nghiễm-Mậu. Thật ra, trong thái độ từ chối kể trên đã có một cơ thể âm thầm chịu đựng. *Mỗi phủ định bao hàm rất nhiều xác định.* (Toute négation contient une floraison de oui) theo lời Camus (3), nhưng ở nửa phần sau, ngôn ngữ của Dương-Nghiễm-Mậu như lắng xuống, thái độ « cũng đành » được sống một cách thần nhiên hơn.

Tác giả kể lại tuổi thanh niên nghèo túng, phải đi kèm trẻ em cho gia đình một người đàn bà góa Ân - Độ ; còn một người chị bệnh hoạn, đưa em bỏ

(1) *Le Procès*, Gallimard, trang 297

(2) *L'Etranger*, Albert Camus, Gallimard tr. 125

(3) *Noces*, Gallimard, tr 118.

vào viện tể bản thỉnh thoảng chàng đến thăm. Buổi sáng ra công viên chàng chơi với một đứa bé đào cát để làm nhà.

— Để tôi cùng đào sông với em.

— Tôi không đào sông đào núi gì đâu. Tôi làm cái trại như ba tôi hồi xưa. Trước kia nhà tôi như thế đấy.

. . . Hay là ông làm nhà của ông cho tôi xem với nào?

Tôi lúng túng, tôi nào có biết nhà mình ở quê ra làm sao. . . Tôi lớn lên như thế và mất đi những ràng buộc cuộc đời, mất đi những giọt cát ướt chảy khỏi những kẽ tay mỗi lần vớt lên khỏi biển tr. (74).

Nhưng Dương-Nghiêm-Mậu đã nép dưới bóng mát những giấc mơ của đứa bé để vẽ lên trên mặt đất một ít hình thù thơ mộng của dĩ vãng:

Đứa nhỏ đắp lại nhà. Tôi giúp nó trồng thêm một giàn hoa tím, và xây một con đường bằng đá trắng để khi tôi về thăm được sạch sẽ, mùa mưa không sợ lầy lội. Tôi định đào thêm một cái giếng và đứa nhỏ muốn dựng một cái quán nước (tr 75).

Ở đời không gì phù phiếm cho bằng những giấc mơ, nhất là những giấc mơ cây lên giấc mơ của kẻ khác. Dương Nghiêm-Mậu muốn gieo những giấc mơ lên trên mảnh đất khô cằn của thực tại và đã lãnh đứa em ở trại tể bản về sống chung.

Tôi cầm chặt lấy tay nó:

— Anh phải sống với em.

Em tôi rơm rớm nước mắt, giữ chặt lấy lấy tôi.

— Em không muốn vào nhà tể bản nữa đâu.

Đêm hôm ấy hai anh em lồi om nhau mà ngủ, mưa bão bên ngoài.

. . . Lại đến mùa mưa rồi, bao giờ thì vào xuân? Tôi bảo đứa em.

— Mẹ chết mười năm rồi.

Nước mắt chạy quanh, chúng tôi nhìn nhau (tr. 80)

Không còn gì ấm cho bằng nước mắt giữa mưa xuân; dù là nước mắt mồ côi cũng biết sưởi hơi nóng của tình người.

Bao giờ thì vào xuân? Tôi tưởng tượng Dương-Nghiêm Mậu đang nhìn về phía trước bằng đôi mắt thơ ngây để mỉm cười héo hắt. Ôi nụ cười, biết nụ cười cũng thơ ngây hay đã già nua, cằn cỗi?

Con người dừng chân trong h ện tại: Tiếng động trên Đa thú.

Đời sống ở đây là thảm kịch hai đứa trẻ mồ côi. Đứa con trai ở Cô-Nhi-Viện ra. Trong Thi Thiên có câu này: Tóc trên đầu chúng con đã được đếm hết. Tôi bỏ trốn Cô nhi viện ra ngoài sống đủ nghề: đánh giày, bán kem, đi ở... Tôi làm đủ chuyện khôn kiếp: ăn cắp, ăn trộm, đánh thuê... và lồi nghĩ: lồi trên đầu chúng ta chưa được đếm hết: Tôi đã chứng kiến người ta giết nhau bằng những cách chắc chắn và mau lẹ nhất... thân xác tội lỗi của con người mang thêm nhiều chứng tích, nhiều dấu chàm trên mặt, trên thân... (tr 93-94)

Đứa con trai sống lây lất, đêm ngủ ngoài hè phò và gặp đứa con gái mãi dâm nhỏ xiu :

Tao bỏ nhà vì bỏ chết sớm mẹ lấy chồng. Tao về ở với đượng. Mày có biết hần làm sao không? Hần có một chân, đêm cời quần áo mò vào giường tao may tao chạy thoát (tr. 90)

Định mệnh đẩy đưa cô gái vào con đường cùng của tội lỗi :

Làm một đêm, thì đủ ăn một ngày. Có khi vài ngày tùy khách. Có khi chỉ được một điều thuốc hay mẩu bánh mì — nhiều là bốn năm chục. Có khi còn hành hạ đủ thứ mà không được gì, chỉ ôm xác. Nhiều kẻ khôn kiếp lắm Giá tao đẹp thì kiếm được nhiều tiền. Chứ xấu thế này, khôn nạn thật. Nhiều lần tao gặp cả những đứa trạc tuổi mày nữa. Tụi trẻ súc vật hơn hết . . . (tr. 88)

Trước thân phận nháy nhụa ghê tởn của đứa con gái, đứa con trai giật mình ý thức về hiện tại của mình :
« Hường đến đánh thức những kẻ bào còn sót lại, bắt tôi đối diện với một khuôn mặt, mang đời sống giáp mặt thân phận » (tr 91)

Hai đứa bé đã **yêu nhau**, tôi dùng động từ ấy trong cái nghĩa bao la nhất, thiêng liêng nhất, cao quý nhất. Và tôi xem tình yêu đó như là *thái độ dừng lại* của Dương - Nghiễm - Mậu trong một thực tại thâm khốc. Cái ám ảnh của Dương - Nghiễm - Mậu là mang số kiếp của *người không tên*, y hết như súc vật. Trong giấc mơ, chàng thấy một người đàn ông :

« người đó nói với tôi rất nhiều, giọng nói nhỏ nhẹ chỉ gây lên một chuỗi âm thanh trầm trầm nhưng sau rồi, tôi nghe rõ ràng người ấy hỏi tên tôi là gì » (tr. 83).

Con người chỉ có danh tánh khi có liên hệ xã hội. Con người dưới mắt Dương-Nghiễm-Mậu không có liên hệ. Phải đợi khi soi mình vào một thân phận đau thương hơn, con người mới tìm được chỗ đứng :

Từ quá khứ nháy nhụa đó, cái quá khứ mà tôi nghĩ là không có — tôi đến một thực tại là tôi đang ngồi ở cửa giáo đường là bây giờ (tr. 94).

Hành động ngồi lại mang một trọng lượng siêu hình, dù chỉ trong chốc lát. Người con gái nhiễm bệnh và chết trên tay người con trai : chúng đã thành *Người*, hiểu theo cái nghĩa đau thương phi lý nhất :

Hường ơi ! Người ta đã đem hết những sợi tóc trên đầu chúng ta chưa ? Mắt em còn mở lớn cho anh thấy mặt anh và khuôn mặt đó vừa gây vụn (tr. 96)

Tôi mừng tượng đài sau câu chuyện, người con trai lại thất thểu ra đi . . .

**Con người lần về phía trước :
 Làm thân con Gái.**

Tác phẩm của Dương-Nghiễm-Mậu kết luận bằng hình ảnh một người đàn bà dò dẫm đi về phía trước : Nhưng, lần này, Dương-Nghiễm-Mậu đợi lốt một người con gái bỏ nhà theo trai và theo một chàng trai vừa xấu xí, vừa ngu dốt vì : *« tôi thấy đứa nào cũng*

bản cả, mỗi đĩa bán một cách. Hay tôi chỉ gặp quân đó thôi ?

. . . Tôi cho rằng những đĩa bằng cấp, giàu có, đẹp trai ấy sẽ bán hơn những đĩa kém cỏi, nghèo khó, xấu xí. Tôi nhục mạ chúng bằng cách đi theo nó... (tr. 100-101).

Người đàn bà, mỗi lần đi lấy chồng là một lần xác nhận quan niệm sống. Ở đây chỉ là một thái độ phản - lệ, nhưng không thể nhầm lẫn với tình yêu. Chính Nhung cũng không nhầm lẫn, và nàng quyết định trở về với gia đình. Nhưng chịu đựng không được sự khinh bỉ của quyền thuộc và nhất là lời đay nghiến của người dì ghẻ, Nhung lại hẹn gặp lại Trình, người nàng đã lấy và đã bỏ :

Tôi thấy mọi người đáng khinh. Tôi phải sống để khinh họ . . . Luân lý, tập quán, thói lễ hay gì gì nữa bất lực với tôi. Cuối thư tôi viết cho nó «Anh Trình, bây giờ em mới thấy rõ là em yêu anh thật» Tôi đánh lừa tôi thêm một lần nữa. Sự kiêu ngạo bắt tôi chung thủy để khinh những kẻ đã khinh tôi (tr. 116).

Nhung bằng lòng sống trong một bị kịch mà nàng đã được tự do chọn một vai. Dưới khối nặng tàn nhẫn của số mệnh nàng mơ hồ có cảm giác là đã được một lần lựa chọn. Hành động bước tới trước, dù vô lý, dù mù quáng, cũng mang một ý nghĩa dẫn thân.

Câu chuyện người đàn bà tầm thường, nhạt nhẽo nữa là khác. Nhưng

thái độ dẫn thân của Nhung đặt một ý nghĩa cho tác phẩm.

Con người đã gục ngã, đã mù lòa, vẫn đứng dậy gắng gượng đi tới. Nhung từ chối gia đình thì phải chấp nhận theo trai, mỗi từ chối đều là một chọn lựa, mỗi chọn lựa đều là một chấp nhận. Đi tới, dù phải nhắm mắt, cắn răng, phải chăng là kết luận của Dương-Nghiêm-Mậu? Một kết luận bi thiết nhưng kiêu hãnh. Tia sáng kiêu hãnh cuối cùng rọi lên những thân phận đen tối. Con người dẫn thân về phía trước phải chăng có mang theo hình ảnh một nhân loại sẽ hồi sinh bên kia bờ tuyệt vọng theo lời Sartre ?

*
* *

Dù vũ trụ có đè bẹp con người, con người vẫn lớn hơn những gì hủy diệt nó, một câu nói của Pascal ngày nay vẫn còn mới. Sức mạnh của con người là một ý thức sáng suốt, và ý thức ấy tạo nên sức mạnh của vũ trụ. Thảm kịch thời đại không làm mờ được ý thức, không lẫn át được nhân tính, đó là điều nhận xét của người đọc sau khi gặp tuyển tập Cũng Đành của Dương-Nghiêm-Mậu.

Tất cả nhân vật của Dương-Nghiêm-Mậu đều mồ côi, từ nhân vật chính đến nhân vật phụ, từ truyện đầu đến truyện cuối. Những kẻ không còn cha mẹ chưa chắc đã mồ côi : mồ côi ở đây vừa không có cha mẹ, vừa không có một bàn tay nào vuốt mắt nếu mình chết đi, không

TOÁT YẾU CÁC MÔN HỌC LỚP NHÌ

của ông TRẦN - VĂN - THUẬN
hiện trường trường Bình - Thời
Phủ - Thọ

Do SỞNG MỚI XUẤT BẢN
GIÁ : 32\$

một cái nhìn nào dừng lại khi mình vấp ngã. Tôi không rõ chính Dương-Nghiêm-Mậu có mỗ côi hay không, nhưng qua cái ám ảnh của ông, chúng ta bắt gặp một *thời đại mỗ côi*.

Tất cả các nhân vật của Dương-Nghiêm-Mậu đều nghèo túng. Xã hội của Dương-Nghiêm-Mậu là một xã hội bị chiến tranh tàn phá, ở đâu cũng còn vết tích của rạn vỡ : trong thành phố, trên cơ thể, trong tâm hồn. Một xã hội con lạc cha, vợ lạc chồng, anh em hăm hè nhau như hổ đói, người với người xem nhau như súc vật.

Nhưng truyện của Dương-Nghiêm-Mậu không phải là truyện xã hội. Xã hội còn nhiều cái ghê tởm hơn, nhưng những chi tiết Dương - Nghiêm - Mậu

đưa ra mở nắp những câu hỏi. Vấn đề ở đây là một vấn đề siêu hình, thuộc về định mệnh. Dương-Nghiêm-Mậu muốn gặp lại con người bất cứ ở đâu khi tìm thấy những gì đề bẹp lên nó (4) theo lời André Malraux ; cũng theo Malraux *tiểu thuyết là hình thức văn nghệ đặc biệt thích ứng với hân phận bi thảm của nhân loại* (5). Tiểu thuyết Dương-Nghiêm-Mậu qua từng câu, từng chữ, từng chầm, từng phết, như quất vào người đọc một lời hành văn nặng nề, u ám tựa hồ như một *trọng lực ý thức đang kéo đề lên mình cả trọng lượng của thời đại*.

Vấn đề đặt ra mỗi chuyện là vấn đề duy nhất : thân phận con người. Do đó, tuy là tuyển tập truyện ngắn, « *Cũng Đành* » là một tác phẩm văn nghệ nhất trí (Tôi đã cố gắng hiểu cả sáu chuyện như một luồng tư tưởng duy nhất, và trong bài này, trước mỗi truyện, tôi tự đặt ra một đề, kèm theo đề của tác giả. Dĩ nhiên đây là một nhận định của riêng tôi, chưa chắc đã là ý tác giả và mỗi người đọc có thể hiểu một cách khác). Truyện dài bi thảm của Sartre như bộ *Les chemins de la liberté*

(4) Les voix du Silence, Gallimard, trang cuối.

(5) Gaitan Picon, Malraux par lui-même, Seuil tr. 126.

✱ Con người không ham mê là con người không giá trị.

Lacordaire

✱ Biết sự thật mà thôi, chưa đủ ; phải bình vực nó nữa.

Weygard

còn ít bị thâm hơn, vì con người còn ít bị đời sống tra tấn. Những *Malhieu, Brunet, Boris, Marcelle, Lola, Sarah* khổ sở đến đâu cũng không hề nuột run dật dể trừ sốt rét hay làm đi mỗi lần chỉ được một điều thuốc lá hay một mẩu bánh mì, cũng chưa hề cảm móc để đi bơi rác tìm cuộc sống. Đây là những chi tiết buộc ta phải suy ngẫm về đời sống chung của một dân tộc nạn nhân, thảm kịch xã hội đã bị vượt qua, trở thành thảm kịch ý thức. « *Mất cuộc sống cũng không đáng kể, tôi sẽ đủ can đảm khi cần thiết. Nhưng nhìn ý nghĩa cuộc đời tan mờ, nhìn lý do tồn tại biến mất, đó mới là điều không chịu nổi* » (6).

Vấn đề đặt ra ở đây, không phải là làm thế nào mang lại cơm áo cho

những người đói rách (như thế, *Cũng Đành* sẽ trở thành một tác phẩm xã hội), nhưng vấn đề là tạo ra trong mỗi người đang đói rách, một ý thức về những giá trị siêu việt rầm rịch trong tâm hồn họ.

Cũng Đành là một tập truyện ngắn nghiêm trang, một tác phẩm nhất trí, một việc làm đứng đắn. *Cũng Đành* là một xuất hiện gây được tin cậy trong người đọc và ghi nhận sự hiện diện của người thanh niên trong ý thức xã hội hôm nay, một xã hội đang đợi chờ may mắn hồi sinh bên kia bờ Tuyệt vọng...

ĐẶNG TIẾN

(6) Albert Camus, *Caligula*, Gallimard, tr. 135.

Tâm hồn đàn bà qua thi ca (1)

Nguyễn-Ngu-Í thuật

Thi ca đây không phải là những áng thơ còn lưu truyền trong dân chúng hay được ngâm nga ở chốn học đường (2). Mà là thi ca của một nhóm người, đúng hơn là của một thi xã, gồm độ mười lăm nữ sĩ, tóc bạc cước, vừa nửa chừng

(1) Do Trung tâm Văn-Bút Việt-Nam tổ chức, tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch nghệ, sáng ngày chủ nhật 5-5-1963.

(2) Diễn giả thật ra cũng có nhắc đôi đoạn ca dao vài câu nữ tác, lúc mở đầu câu chuyện, nhưng chúng tôi cho đó là đề đưa duyên, có thể xem như là không có.



Bà Quý-Hương
trong buổi nói chuyện

xuân có, một thi xã mà theo lời giới thiệu của ông Nhật-Tiến, Thư kí hội Bút-Việt, « chưa từng ra mắt đồng bào »; đó là Quỳnh-Dao thi xã.

Và người ta cho biết tâm hồn phụ nữ qua thi ca của thi xã Quỳnh-Dao là bà Quỳ-Hương, một nhân viên của thi xã, và một hội viên của Bút-Việt.

Trong vòng ba chục năm nay, lớp người phụ nữ trung lưu ấy đã nghe, thấy, buồn vui, thương nhớ, và ghen tuông như thế nào, bà Quỳ-Hương cho ta thưởng thức từng « mảnh » nhỏ.

Và mở đầu, diễn giả xin « giới thiệu vườn Quỳnh » bằng một bài thơ « đánh dấu vườn Quỳnh mở rộng để đón các nhà nữ sĩ » :

*Vị đời gặt bỏ hết chua cay,
Quảng gánh ưu sầu, hãy tới đây:
Bút ngọc phẩm đề hương thấm nhụy,
Nghiên vàng cầm vịnh lá xanh cây.
Nhưng buổi chiều xuân reo ánh tơ,
Hương trầm thơm ngát đượm hoa mơ,
Lòng trần phơi phơi theo dòng nước,
Đưa mãi tình trôi tới suối Thơ.*

Nói đến má hồng, là ta nghĩ đến phận bạc.

Một « thi viên » của nhóm Quỳnh-Dao đã khóc chồng...

*Em khóc bằng tình cả với thơ,
Khóc cho vũ trụ đắm sương mờ,
Khóc cho không khí ùng rung chuyển,
Mây cũng ngừng trôi, cây đứng trơ.*

Nhưng người quả phụ này đến đây, cũng chưa chịu nín, vì nguyện vọng tối hậu của nàng là :

*Khóc cho mở cửa trong lòng đất,
Sống dậy hồn anh, ta gặp nhau.*

Bà Nguyễn-Thị-Vinh thì lại sầu, chẳng biết vì mùa thu đã tới hay vì tâm sự riêng tư cùng điệu vớ trời thu :

*Mây thu tím sắc trời,
Lá thu vàng rơi rơi...
Tiết thu buồn man mác,
Sầu thu reo muôn nơi...*

Đa sầu đa cảm là bản chất của phái nữ. Có người khóc chồng da diết, có người sầu thu miên man, thì cũng có người say sưa tán tụng « tác phẩm đầu tay » của mình : đưa con đầu lòng bằng những vần thiết tha :

*Con tôi là ngọc là ngà,
Con tôi là cả muôn hoa ngát nồng,
Con tôi là ánh gương trong,
Con tôi là khúc tơ đồng du dương.*

Ngoài nhà, còn có nước. Người cao niên nhất của Quỳnh-Dao thi xã, bà Ngọc-Anh, đã mượn lời máng con ghẻ để gởi niềm uất hận mình đối với thực dân Pháp, thời chúng còn làm chủ nhân ông đất nước chúng ta.

*Cái ghẻ mày ơi ! tớ bảo mày,
Sao mày quanh quẩn mãi chi đây ?
Trước còn ăn hết làn da mỏng,
Sau lại dùi vô-tăm thịt dày,
Sầu trắng độc ngầm không kẻ biết,
Nước vàng chảy mãi có ai hay !
Nhân ngôn, móng chó, chưa nhăm mạt,
Phải có điểm sinh mới trị mày.*

Bình ghẻ thực dân, tác giả cho rằng phải có thuốc ... súng mới trị nổi.

Bà Hồng-Thiên thì gửi tình yêu nước
vào « Cô gánh nước » :

*Vì nước mà em phải gánh gồng,
Dưới trời tỏ mặt gái Phương Đông,
Nắng mưa dầu dãi quên mình liễu,
Sương gió phôi pha rạm má hồng
Đôi vai đã nặng tình chung thủy,
Gần gũi xa xăm vẫn một lòng.*

Kịp đến khi dân tộc đứng lên giành
quyền sống, lần thấy mặt trái của Cộng
sản, một bà đã phải mượn lời vợ trách
chồng theo Đảng để tỏ nỗi lòng ngao
ngán :

*Thương anh vào khối tạm vô,
Nước non nở để Trung, Xô dẫn đầu.
Cương thường đạo lý còn đâu ?
Hồn dân tộc bỗng pha màu ngoại lai.*

Người đàn bà ấy đã nếm đủ mùi khổ
cực của thời tản cư, lại còn biết thêm cái
chua xót trên con đường di cư.

*Cỏ cây dần cũng mịt mờ,
Trời cao biển rộng chơ vơ chiếc tàu.
Đau lòng nhìn hướng chôn nhau,
Mây bay nước chảy đượm màu chia li.*

Yên ổn sống trong Nam, hơn một
người ngùi trông hướng Bắc. Hoặc họ nhớ
con thơ và họ hỏi :

Ba xuân xa cách, bao đà lớn xinh ?

Hoặc họ nhớ đến cha già mẹ yếu, và
họ cầu :

Cầu xin đôi giọt lệ buồn chớ rơi.

Nhớ, họ cũng mong.

Họ mong

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Sứ mệnh văn nghệ hiện đại** của A. Camus, do Trần-Phong-Giao dịch, Nguyễn-Mạnh-Côn giới thiệu, Giao-Điểm xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 94 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Trời không có nắng** tiểu thuyết của Ngọc-Linh do Sống Vui xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 265 trang, giá 45 đ.

— **Toát yếu các môn học lớp nhì** của Ô. Trần-Vân-Thuận do Sống-Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 208 trang gồm các môn học : Công dân giáo dục, Đức dục, Việt sử, Địa lý, Cách trí, Vệ sinh, giá 32 đ.

— **Sách lược xâm lăng của Cộng-Sản** của Minh Võ, do tác giả xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang, giá 50 đ.

— **125 năm Thế-giới sử** (1789-1914), chương trình lớp Đệ-Nhị của L. M. Nguyễn-Phương, do Đại Học sư-phạm Huế xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 134 trang, biên soạn theo quan điểm một sử gia Việt-Nam « đứng trên đất Việt-Nam để nhìn ra thế giới ». Giá 33 đ

Sóng đồ mong tàn cơn ác mộng,
Ngày xanh còn đợi ánh chiều dương.
Và họ ca ngợi đoàn chiến-sĩ ra đi để
diệt kẻ thù chung :

Đoàn phi cơ hùng vĩ hiện ngang,
Xuyên trời thăm, hoa dù bùng nở...

Cuộc sống quanh mình với những cảnh
đau thương khiến họ xót đau và trở lại
giận mình.

Tôi thương những đàn con trẻ,
Trong cô nhi viện đau hiu,
Sớm chiều không cha, không mẹ,
Ngày xanh chìm bến cô liêu.

Tôi thương đồng bào hỏa hoạn,
Màn trời chiếu đất tro tro,
Nhìn đồng gia tài tro bụi,
Ôm đầu lặng ngắm con thơ.

Tôi giận bàn tay quá nhỏ,
Làm sao trù mến vuốt ve
Tất cả linh hồn gió bão,
Rơi trong hoàn cảnh nặng nề.

Bà Tuệ-Mai đau lòng trước một người
trẻ tuổi hôm nay :

Em,
Ta biết em sầu.
Đêm nay, đêm trước, và còn đến những
đêm sau.
Chỗ em đứng, ngã năm hay ngã bảy,
Đường em đi tới đấy hay về đâu ?
Người em nhỏ,
Đã lớn lên trong thời khói lửa,
Đã kinh hoàng thấy bao đổ vỡ,

Kẻ sống hoài nghi buồn ủy mị.
Kẻ tìm những thú cuồng điên.
Chung quanh em,
Người ta bừa bãi đi tìm.

Chung quanh em, người ta bừa bãi
mất niềm tin.

Trước cảnh đời như thế, họ tìm an ủi
nơi tôn giáo.

Có người :

Con ôm tượng Chúa đã bao lần ».

Có người :

Áo kia chưa phải nấu sùng,
Việc đời cũng lấy sức, không sửa mình.

Họ thương, họ nhớ, họ mong, họ tin...
là thế, hẳn các bạn cũng muốn biết họ
ghen như thế nào. Mời các bạn nghe
người đệ nhị cao niên của vườn Quỳnh
ấy, bà Vân-Khanh nói đến cái ghen mình,
một cơn ghen mà diễn giả cho rằng «thật
là độc đáo » vì nhà thơ không nói rằng
mình ghen và cũng không nói đến kẻ tình
địch của mình, cũng không nói hẳn với
người chồng của mình, nhà thơ chỉ lạnh
lùng thở than với bóng mình trong gương.

Vì sao bóng phải vỡ vàng,
Hay là bóng cũng bẽ bàng vì ta ?
Cuộc đời trải mấy phong ba,
Từ đây bóng bóng ta ta bạn cùng.

Có nhiều nữ sĩ khác cũng... ghen bằng
thơ, nhưng vì « thời gian eo hẹp », nên bà
Quỳnh-Hương đành không nói tới. Và buổi
nói chuyện về « Tâm hồn đàn bà qua thi
ca »... của Quỳnh-Dao thì xã kết thúc
sau câu chuyện ghen bằng thơ.

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Bên lề cuộc triển lãm Hội họa mùa Xuân quý-mão (1963)

Nguyễn-Ngu-Í thuật

Ngày 7 tháng 5, khai mạc cuộc triển lãm Hội-họa mùa xuân. Đợt đầu, triển lãm sơn dầu (từ 7 đến 15 tháng 5); đợt sau, triển lãm tranh bột màu, tranh thủy mặc, tranh phấn tiên, tranh than, chì, tranh lụa (từ 18 đến 27 tháng 5).

Kết quả như sau :

I. — Tranh sơn dầu (Peinture à l'huile)

Huy chương Vàng :

« Dạ khúc » của Nguyễn-Trung.

Huy chương Vàng :

« Chứng tích » của Đinh-Cường.

« Quán tím » của Nguyễn Hữu-Phước

Huy chương Đồng :

« Hoa hồng, chim họa mi và đôi ta »
của Nguyễn-Khai.

« Những người bạn » của Nguyễn-Văn-
Liều.

« Nhà sàn » của Nguyễn-Thành-Long.

« Núp nắng » của Trần-Đình-Nghĩa.

« Ngày vui » của Lương-Văn-Tỷ.

Và 12 *bằng tưởng lệ* cho các họa-sĩ :

Phạm-Văn - Cơ, Lê - Chánh, Nguyễn-
Hữu-Đức, Kay Drachnik, Nguyễn-Duy-
Huệ, Nguyễn-Văn-Hy, Uy-Linh, Văn-
Nên, Anh - Phong, Phạm-Minh-Quang,
Văn-Rô, Saburo Yamashita.

II. — Tranh bột màu (Gouache)

2 *Huy chương Bạc* cho các họa phẩm :

« Giờ nghỉ » của Nguyễn-Huy-Dũng
và « Chiếc bóng bên thềm » của Lưu-Tấn-
Phước.

3 *Huy chương Đồng* : cho các họa phẩm :

« Vào thu » của Lê-Thị-Minh-Hằng,
« Tĩnh vật » của Thương-Huyền, « Com-
position » của Triệu-Đỗ-Nhuận và 5 *bằng
tưởng lệ* cho họa-sĩ :

Huỳnh-Ngọc-Ân, Nguyễn-Lâm, K.Loan,
Lưu-Văn-Quan, Nguyễn-Văn-Sáu.

III. — Tranh thủy mặc (Aquarelle).

Huy chương Bạc cho họa phẩm :

« Tĩnh vật » của C. H. Chow.

2 *huy chương Đồng* cho họa sĩ :

Nguyễn-Văn-Bôn và Kiều-Công-Nghĩa
và 3 *bằng tưởng lệ* cho các họa-sĩ :

Nguyễn-Văn-Nguyên, Huỳnh - Quang-
Nhiều, Nguyễn-Hữu-Vũ.

IV. — Tranh phấn tiên (Pactel)

2 *huy chương Đồng* cho các họa phẩm :

« Tuổi thơ » của Dư-Vĩnh-Hội

« Suy tư » của Trần - Đình - Nghĩa.

Và 2 *bằng tưởng lệ* cho các họa sĩ :

Vũ-Hiếu, Kiều-Minh-Luân.

V. — Tranh than chì (Fusain).

Huy chương Đồng : cho họa phẩm :

« Nhà sàn » của Nguyễn - Hữu - Đức.

Và 2 *bằng tưởng lệ* cho các họa sĩ :

Nguyễn - Cao - Nguyên, Lâm - Nhựt - Quỳnh.

VI.— Tranh giấy dán (Papier collé)

Huy chương Đồng :

« Sau giáo đường » của Hồ - Thành-Đức.

VII — Tranh lụa (Soie)

2 huy chương Đồng :

« Xóm nổi » của Châu - Văn - Lang,
« Bán trái » của Nguyễn - Cao - Nguyên,
và 1 *bằng tường lệ* cho họa sĩ Trần-Hưng-Bình.

* *

Người ta thấy, khác hơn bốn mùa Xuân cũ, hội đồng giám khảo cuộc triển lãm Hội họa mùa Xuân năm nay đã chia tranh dự thí ra từng môn để chấm. Người ta lại để ý tranh được giải kì này cũng như hai kì trước đã số thuộc về loại tranh lớp mới.

Trong một dịp thăm phòng triển lãm và nhân những cuộc tiếp xúc với một số đông họa sĩ, chúng tôi đã thu lượm được khá nhiều thắc mắc. Thắc mắc về tên và mục đích cuộc « Triển lãm Xuân » của Văn hóa vụ, về sự thành lập và cách làm việc của Hội-đồng giám khảo, về tiêu chuẩn lựa tranh và chấm tranh . . . Để giải đáp những thắc mắc trên đây, chúng tôi đã tới hỏi 5 vị trong Hội đồng giám khảo và tổng kết các ý kiến nhận được như sau để bạn đọc rõ.

Hội đồng giám khảo cuộc triển lãm Hội họa mùa Xuân năm Quý-Mão này gồm có các ông :

Lê-Văn-Lắm, giám-đốc nha Mĩ - thuật học vụ, chủ tịch.

Đào-Sĩ-Chu, giáo-sư trường Cao-đẳng Mĩ-thuật Gia-Định, hội viên.

Thái-Tuấn, họa-sĩ, hội viên.

Thuận-Hồ, họa-sĩ, hội viên.

Văn-Đen, họa-sĩ, hội viên.

* *

Số giám khảo : 5 vị, vốn do ban Tổ-chức, tức Văn hóa vụ, định trước. Trước đó, Văn hóa vụ có gửi thư riêng nhờ các họa sĩ giới thiệu những giám khảo. Nhưng ban Tổ chức có căn cứ theo ý kiến phần đông mà thành lập ban giám khảo không, thì . . . người ta đành chịu. 5 vị trên được văn hóa vụ mời vào hội đồng giám khảo, vì được đa số các họa sĩ bầu thì nhận lời và bắt tay vào việc, chớ chẳng ai được thấy biên bản ghi kết quả cuộc thăm dò ý kiến các họa sĩ ra sao. Có 2 vị không đồng ý về cách chọn ban giám khảo theo lối trưng cầu ý kiến họa sĩ của Văn hóa vụ : Đó là Thái-Tuấn và Đào-Sĩ-Chu.

Thái-Tuấn : nếu tôi là trưởng ban Tổ chức, tôi sẽ vận dụng tất cả sự hiểu biết về Hội họa của mình mà chọn giám khảo, để chịu hoàn toàn trách nhiệm trước công luận ».

Đào-Sĩ-Chu : « Văn hóa vụ bảo rằng ban giám khảo do họa sĩ bầu. Thế là một cái lỗi. Thử hỏi có bao giờ người đi thi lại bầu người chấm thi ? Còn trên thực tế, các họa sĩ xuất thân hai trường Mĩ thuật sẽ bầu giáo sư của họ, vì họ vốn khá đông. Và ai là người kiểm

soát kết quả cuộc trưng cầu... họa sĩ ý ấy » ?

Ban tổ chức có cho ban hội đồng giám khảo biết trước nên chăm tranh theo hướng nào không ?

Không, mà có.

Vì mục đích các cuộc triển lãm Hội họa mùa Xuân là khám phá những tài năng mới và khuyến khích những tác phẩm mỹ thuật có chân giá trị, bất kì là ở trường phái nào.

Cho nên hội đồng giám khảo có ý thiên về hội họa lớp mới. Và điều này nay đã thành truyền thống.

Còn tiêu chuẩn chăm tranh và lề lối làm việc, thì hội đồng giám khảo được toàn quyền định đoạt.

Tiêu chuẩn

Nói chung, thì có hai :

1) xem về phần khoa học của tác phẩm (tức là kỹ thuật và bố cục).

2) rồi xem về phần nghệ thuật của bức tranh.

Tưởng chúng ta cũng nên biết ý kiến của mỗi vị giám khảo về chi tiết.

Ông Lê-Văn-Lắm chú ý đến cái phần « mới » của tác phẩm, cái « mới » ấy chứng tỏ tác giả chịu khó tìm tòi, ra khỏi những khuôn khổ cũ và hướng về tương lai, đúng theo chiều đi hiện giờ các Hội-họa thế giới. Mà cái « mới » đây không phải là cái « mới ầu », cổ tình lập dị, mà là cái « mới » có giá trị nghệ thuật thật. Điều này càng quan trọng khi ta

Sách Bảo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Hải-đảo thần tiên**, tuyển tập truyện dịch của Đặng-Trần-Huân do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 270 trang, gồm các truyện ngắn dịch của nhà văn danh tiếng Anh, Đức, Ý, Hoa-Kỳ Nhật, Pháp, Trí Lợi,... Bản thường 48 đ. Bản đặc biệt 100 đ.

— **Dòng sông định mệnh** truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ do sáng tạo tái bản lần thứ hai và tác-giả gửi tặng. Sách dày 148 trang, in mỹ-thuật, bản đặc biệt, không đề giá.

— **Tìm một lối đi**, xã-hội tiểu thuyết tái bản lần thứ hai của Hoài-Tân và Nguyễn-Nga, do Bình Minh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 255, trang giá 50 đ.

— **Trong cơn yêu dấu**, thi phẩm của Hoàng-Trúc-Ly, do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 30 trang, khổ lớn, gồm 24 bài thơ của Hoàng-Trúc-Ly, bìa của Tam-Ích, mẫu bìa của Trịnh-Cung. Bản đặc biệt giá 200 đ.

— **Buồn ga nhỏ**, tập truyện ngắn của Thanh-Nam, do Phù-Sa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 186 trang, gồm 8 truyện ngắn, giá 28 đ.

nghĩ rằng họa sĩ nước nhà ít có người học với họa sư ngoại quốc và rất ít có dịp ra ngoài để thấy rõ trào lưu hiện tại của nền Hội-họa tân tiến :

Thấy bức tranh đúng những luật tắc sơ đẳng rồi (bố cục vững vàng, hình thể cân xứng, màu sắc hòa hợp...), Văn-Đen tìm xem cái kĩ-thuật ấy có diễn tả được cái ý của người vẽ không ; diễn tả được, mà có hồn không. Sau cùng là phần phụ : tranh có dân tộc tính không, nguyên liệu dùng có thể để lâu không, màu trét có dễ rơi ra không.

Trong hai tiêu chuẩn khoa học và nghệ-thuật, Thái-Tuấn thú nhận rằng mình « nặng » về nghệ thuật hơn, và thích những bức tranh nào mà tác giả tỏ ra không đi những con đường mòn.

Đào-Sĩ-Chu cho loại tranh nào có ảnh hưởng tôn giáo, chánh trị là phi thẩm mĩ ; thẩm mĩ chánh đáng chỉ ở trong kĩ-thuật, trong bút pháp và trường phái (hay xu hướng) của họa sĩ.

Thuận-Hồ nhìn qua coi bức tranh có gì « chỏi » con mắt mình không :

Bố cục chính, màu sắc vụng... rồi mới xét tỉ mỉ từng yếu tố cấu tạo phần nghệ thuật tác phẩm.

Cách làm việc của hội đồng giám khảo

Loại những tranh thiếu căn bản nghệ thuật.

Xét lại những tranh bị loại để vớt một số.

Chọn độ tám chục bức để trình bày.

Rồi đến phần khó khăn nhất : lựa tác phẩm để tặng giải và tưởng lệ. Sau cùng chọn tranh để tặng huy chương, đi từ Vàng. Bạc đến Đồng. Số còn lại được bằng tưởng lệ.

Kì này, hội đồng giám khảo cố ý tránh sự định đoạt bằng lối bỏ thăm. Chỉ áp dụng hình thức trên có một lần : đó là trường hợp chọn một trong hai bức tranh giá trị ngang nhau để tặng một huy chương Đồng. Còn thì các giám khảo trình bày quan điểm mình cho đến khi thuyết phục được nhau.

Đặc biệt là cả năm giám khảo cùng đồng ý trong việc tặng huy chương Vàng cho tranh *Dạ khúc* của Nguyễn-Trung.

Nhưng trước khi chánh thức tặng các huy chương, ban giám khảo còn xét lại các tranh dự thí khác của các họa sĩ được chấm lần đầu ấy, để xem tác giả có vẽ đều tay không, hay đó chỉ là một sự may mắn. Chỉ khi nào thấy tranh được chọn là tác phẩm thành công nhất và tiêu biểu, nhất chừng ấy ban giám khảo mới nhất định tặng giải.

Vì năm nay cuộc triển lãm Hội họa mùa xuân đã lên năm, nên ban giám khảo đã tỏ ra khe khắt trong việc tuyển chọn, (nền hội họa đã qua thời kì chập chững) nhưng đối với các họa sĩ ngoại quốc thì « có hơi dễ dãi một chút », theo lời ông chủ tịch hội đồng giám khảo. Riêng Đào-Sĩ-Chu rất tiếc không có tranh sơn mài dự thí, trong khi sơn mài của ta có thể tranh đua với tranh các nước khác, trên bình diện quốc tế.

Triển lãm mùa Xuân năm nay sao lại có tranh lụa, tranh thủy mặc, tranh phấn tiên, tranh bột v.v ?

Triển lãm Hội họa mùa Xuân chỉ nhận có tranh dầu.

Các loại tranh khác vốn gởi để dự cuộc triển lãm mùa Thu năm rồi, cũng do Văn hóa vụ tổ chức, mục đích bổ túc cho cuộc triển lãm mùa Xuân. Nhưng vì bận rộn với cuộc tổ chức Hội-họa quốc tế, nên phải dời lại đến... mùa hè năm nay. Ban Tổ chức cho cái tên triển lãm mùa Xuân đột nhì, cho nó tiện, chớ đây vốn là hai cuộc triển lãm riêng biệt.

Các loại tranh này sao không được giải đầy đủ như loại tranh dầu, nghĩa là : có đủ huy chương Vàng, Bạc, và Đồng ?...

Ban giám khảo không theo qui chế, mà cho giải tùy theo giá trị tương xứng của tranh từng loại. Một loại tranh « nhẹ » nào đó có huy chương Bạc mà không có huy chương Vàng, chẳng hạn, vì tác phẩm trội nhất của loại này chỉ đáng được huy chương Bạc mà thôi.

Ban giám khảo đã thận trọng nhiều trong việc chọn tranh tặng giải cũng như tuyển tranh trình bày.

Mang danh là Triển lãm mùa Xuân mà đề tới mùa Hè mới khai mạc. Vì hội đồng giám khảo làm việc quá lâu, hay vì một lẽ gì khác ?

Không phải lỗi ở ban giám khảo, nếu danh không chánh, là vì ban Tổ chức vấp phải những thủ tục hành chánh. Hội

SÁCH BẢO MỜI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Giảng văn đệ-lục** của Bàng-Bá-Lân, do Xây-Dựng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 180 trang, gồm 2 phần: văn xuôi hiện kim và Văn vần truyện cổ, giá 44 đ.

— **Mối tình cuối cùng**, tiểu thuyết của Bình-Nguyên-Lộc do Thế-Kỷ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 214 trang, giá 52 đ.

Trân trọng cảm tạ các tác giả, các nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

đồng giám khảo làm việc trong một tháng là có kết quả.

* *

Vài nhận xét về hội đồng giám khảo...

Năm nay, tranh dự thi vẽ theo lối tân tiến rất nhiều. Phải chăng vì tác giả những bức tranh ấy thấy mấy năm rồi, đã sở các giải cấp cho các tác phẩm vẽ theo lối tân tiến ? Nên đã vẽ những tranh theo lối « mới mà... ầu » ?

● Nhìn chung, loại tranh cổ điển kỳ này vẽ có phần buông thả, tỏ rằng các tác giả chưa có căn bản về lối này. Phần nhiều rất kém.

● Kết quả năm nay tương đối khá hơn năm ngoái nói về tranh được giải cũng như tranh trình bày. Người ta thấy họa sĩ ta có chịu ít nhiều ảnh hưởng cuộc triển lãm Hội họa quốc tế đầu tiên.

... Cùng đôi nguyện vọng

Đành rằng Chánh phủ đương «thất lưng buộc bụng», nhưng đã trót giúp ngành Mĩ thuật thì xin giúp cho tròn.

Các tranh trúng giải mà được Chánh phủ mua cho, trưng bày ở một nơi nào đó (vì chưa dám nghĩ đến một viện bảo tàng... tranh), thì còn gì quý hóa cho bằng.

Người thưởng ngoạn, kẻ trong nghề, được ngắm xem những tác phẩm có giá trị ấy — dầu cho những bức chỉ có giá trị một thời đi nữa — sẽ lấy làm thích thú và sẽ học hỏi được bao điều. Thắng hoặc có người bạn nghệ sĩ ngoại quốc nào đến thăm nước ta, mà muốn biết qua vài xu hướng Hội họa đương thời, những bức tranh tiêu biểu..., chẳng lẽ ta phải đưa họ thăm từng họa sĩ, hay tra cho ra ai đã mua những tranh được huy chương Vàng để dẫn họ xem...

Được thế, Chánh phủ mới tròn nhiệm vụ khuyến khích các tài năng mới và nâng đỡ thật sự nền Hội họa nước nhà đã qua thời ấu trĩ.



Chắc các bạn cũng nghĩ đến một ban giám khảo gần sự hoàn toàn, thì đây :

Ban giám khảo... lí tưởng, theo ban giám khảo năm nay.

Số hội viên nên có bao nhiêu ?

Người cho 5 cũng đủ. Người cho 7. Riêng Đào-Sĩ-Chu cho nên có 12 (các

cuộc triển lãm quốc tế có từ 10 đến 12 giám khảo).

Có ý kiến cho nên vừa có cổ điển, vừa có tân tiến.

Có ý kiến cho chẳng cần để ý đến xu hướng của giám khảo, mà chỉ cần xem họ có vô tư và rộng rãi không.

Riêng Đào-Sĩ-Chu đã từng theo dõi các ban giám khảo từ trước đến nay, thấy chưa ưng ý ban nào cả (ban nào cũng có thiếu sót!), nên nói rất kĩ về điểm này. Chúng tôi xin ghi lại.

Ta đi sau người, vậy lấy kinh nghiệm người, ta không làm hơn thì cũng bằng, chớ đừng để thua. Ta hãy xem nước Pháp. Họ trong năm có nhiều cuộc triển lãm, mỗi cuộc triển lãm dành riêng cho một trường phái riêng, có một tinh thần riêng, một qui chế riêng, ban giám khảo là những người chuyên về trường phái ấy. Còn cuộc triển lãm các Họa sĩ độc lập (Salon des Indépendants) thì ai theo xu hướng nào, môn phái nào dự cũng được, nhưng mỗi người chỉ được gửi hai tấm dự và... không có giám khảo !

Triển lãm mùa Xuân chúng ta vốn mở cho tất cả mọi xu hướng, thì thành phần giám khảo nếu đa số hoặc là giáo sư Mĩ-thuật, hoặc là thuộc phái mới, hoặc là thuộc phái cổ điển, hoặc là nhân viên chánh phủ, thì kết quả sẽ lộn lạo ; rất có thể vì đó mà nhiều nhân tài bị mai một một cách oan uổng.

Vì lẽ đó, mà thành phần ban giám khảo trong một cuộc triển lãm có tánh cách « bao gồm » như cuộc triển lãm mùa Xuân nên chọn sao cho có sự dung hòa. Bởi thế,

ông mới đề nghị 12 giám khảo, chia ra :
4 độc lập, 4 cổ điển và 4 tân tiến.

Còn Thuận-Hồ cho hội đồng giám khảo
có 7 người thì vừa : thành phần sẽ như
sau : 3 cổ điển, 3 tân tiến và một dung
hòa tân cựu. Về cách chấm, anh nghĩ sau
khi bàn cãi xong, các giám khảo sẽ cho điểm

kín, rồi cộng điểm lại mà định đoạt.
Như thế, kết quả mới đúng hơn. Chớ còn
bàn cãi rồi định đoạt công khai « bằng
miệng », thì có người hoặc nhút nhát, hoặc
ít muốn va chạm, hoặc nể nang mà đành
chịu « cho qua ».

NGUYỄN-NGU.Í *thuật*

ĐÃ PHÁT HÀNH

Trời không có nắng

tiểu thuyết của **NGỌC-LINH**

do SÔNG-VUI ấn hành

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

★★

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclepropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.
Installations de gazothérapie.*

*Note service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

Đã phát hành tại khắp các hiệu sách

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

của **DOÃN-QUỐC-SỸ**

Xuất bản lần thứ hai — Bản thường 40\$ — Bản quý 100\$.
Các bạn yêu sách quý xin gửi bưu phiếu theo địa chỉ :

DOÃN-QUỐC-SỸ, 338/60 B, Thành-Thái — CHOLON

THÔNG CÁO

CỦA BAN TÂN GIÁM-ĐỐC NHÀ THỐNG-NHẤT

Được cử ra điều-khiển Nhà Tổng Phát-Hành « Thống-Nhất » kể từ ngày 9 tháng 5 năm 1963 do sự thỏa-hiệp giữa Báo-Chí và Hội Cựu Chiến-Sĩ chúng tôi hân-hoan gửi lời chào mừng Quý-vị Chủ-Nhiệm các Nhật-Báo, Tuần-San và Tạp-Chí, anh em Cựu Chiến-Sĩ toàn-quốc, Quý-vị Chi-Cuộc-Trưởng và Đại-Lý Thống-Nhất trên khắp lãnh-thò Việt-Nam và tại Vương-Quốc Ai-Lao.

Trong hoàn-cảnh khó-khăn hiện tại, chúng tôi rất trông đợi ở thiện chí giúp đỡ của Quý-vị có thể làm tròn được nhiệm vụ.

Tin tưởng ở sự liên-dối hỗ trợ của Quý-Vị để bảo-vệ quyền-lợi chung và phát triển ngành phát-hành báo-chí, Ban Tân Giám-Đốc Thống-Nhất đã mạnh bạo đề ra một chương trình hoạt động gồm 5 điểm sau đây :

1^o) Cải tổ nội-Bộ.

2^o) Nghiên-cứu một kế-hoạch phối hiệp phát hành báo « cổ-động » với các nhà báo, ngõ hầu bài trừ nạn gian-thương lũng-đoạn thị-trường báo-chí.

3^o) Kiểm-điểm lại hệ thống Đại-lý để loại bớt những Đại lý nào luôn luôn tỏ

ra thiếu thiện chí trong vấn đề phát hành và thanh toán tiền báo.

4^o) Mở một chiến-dịch bài trừ nạn cho thuê mượn báo.

5^o) Phổ-biến báo-chí đến tận thôn xóm.
Về vấn-đề thanh lọc hàng ngũ các Đại-lý chúng tôi rất cảm ơn những Đại-Lý nào từ trước tới nay đã có thái-độ đứng-dắn trả tiền sòng-phẳng, nhưng chúng tôi sẽ cương-quyết áp-dụng mọi biện pháp thích-ứng để loại trừ và đưa ra pháp-luật những Đại-lý buôn-bán bất-chính thiếu nợ nhiều không chịu trả.

Với tinh thần tha-thiết phục-vụ ngành phát-hành báo-chí chúng tôi trân-trọng kính gửi Quý-vị lời chào đoàn-kết xây-dựng.

Ban Tân Giám-Đốc Thống-Nhất

Giám-Đốc : Ông NGÔ-QUÂN, Chủ-Nhiệm Báo Saigon-Mai. *Phụ Tá Tài Chánh* : Ông LÊ-ĐÌNH-QUẾ, Phó Tổng Thư-Ký Hội Cựu Chiến Sĩ. *Phụ Tá Tài-Chánh Thương-Mại* : Ông TRẦN-QUỐC-THÁI, Khu-Hội-Trưởng Cựu Chiến-Sĩ Trung-Nguyên Trung-Phần. *Phụ Tá Kĩ-Thuật* : Ông VŨ-HỮU-BÍNH, chuyên-viên của Báo-Chí.

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Tổng quân chinh ; Nước bắc về ghềnh ; Chim trắng (Chinh-Hồng) — Cẩn phần (Thạch-Nbân) — Một chỗ cho người tàn tật (Y-Uyên) — Hai đứa mình (Minh-Trung) — Thư anh về (Luân-Hoán) — Nét buồn cao nguyền ; Nhớ trắng rằm ; Xóm nghèo (Lữ-Hoài) — Con đường xưa... (G. V. X.) — Người đi chinh chiến ; Hoa trắng ; Loài một (Hoàng-Ngọc-Hiền) — Đôi tay tuổi thơ... (Tố-Vân) — Già từ ; Trở về (Nguyễn-Đình-Trường) — Về gia đình ; Tình yêu... (Du-Tử-Lê) — Điều buồn tuổi trẻ ; Sáng rừng (Trần - Lưu - Thành) — Tha thiết (Nguyễn-Lê-Cang) — Bàn tay cuộc đời ; Giai nhân thế kỷ (Điệp-Viên) Sinh ca 1-2 (Sương-Ngân-Phương) — Tâm tình mùa hạ (Như-Thảo) — Vất vả ngày xưa ; Anh tôi ; Đi vào thu (Kỳ-Khê-Khôi-Khách) — Gỗ đá yêu nằm ; Lời mộ (Uyên-Linh) — Vọng cổ nhân ; Ngũ Hành

sơn hoài cảm (Như Việt hoài luận) Say yêu ; Thu buồn (Nguyễn-Thị-Vinh) — Dạ khúc tháng 5 (Trần-Thúc-Vũ) — Con chim họa mi ; Bản tình ca số I (Huỳnh-Hữu-Uy) — Bước chân dĩ vãng ; Chiến tranh và mục tàn... (Yến-Nguyên-Thanh) — Khuôn mặt mình (Hà-Li-Hải) — Quê hương (Nguyễn-Cát-Tường) — Màu tơ nhung ; Thừa ; Tao phùng (Nguyễn-Xuân-Tử).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **Ô. ô. iến-Nguyên-Thanh, Hồ-Lê-Nguyễn, Chinh-Hồng, Nguyễn-Hoè, Lữ-Hoài, Dương-Minh-Loan**, đã chuyển thơ và truyện cho người phụ-trách.

N. N. Í

SỬA CHO ĐÚNG

Trong bài : « Giá trị quyển Hoàng-Lê-Nhất-Thống-Chí » của Ông Nguyễn-Phương chúng tôi có để các lỗi sau đây mong các bạn sửa giùm :

B. K. số 151 : trang 16, dòng 29 : bỏ hai chữ của ông ; trang 20, dòng 34, xin đọc : **đáng chú ý** ; trang 21, dòng 9 : **một sử liệu**, xin đọc : **một tập sử liệu**.

B. K. số 152 : trang 15 dòng 8 : **một tập lịch sử** : xin sửa là : **một tập tiểu thuyết** ; trang 19, dòng 24 : **1768**, xin sửa là : **1786** ; trang 20 dòng 11 : *La Barrette*, xin sửa : **La Bartette** ; trang 21 dòng 6 : *xem việc* : **xem ra việc** do **sự tình cờ** ; trang 21 dòng 19 : **Ngô-Thời-Chính** xin đọc là : **Ngô-Thời-Chí** ; trang 24 dòng 27 : *thư của giáo sĩ*, xin đọc là **thư các giáo sĩ**.

Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản-cục báo tin :

TUYỂN TRUYỆN THẾ-PHONG

do HOA-PHƯƠNG-ĐÔNG xuất bản, sách in dày 156 trang.

LÍNH / TIỀN ĐÒN / YÊU / TỔ QUỐC

30 bài thơ của PHẠM-XUÂN-DƯƠNG

THẾ-PHONG vào đề

THẾ-PHONG 10 NĂM VĂN NGHỆ

Sưu tập những bài phê-bình về một nhà văn « *chương* » nhất hôm nay — dưới mắt bạn văn đồng thời. Phụ lục : *Mười năm văn nghệ, tôi hứa hẹn điều nào ?* In 100 bản dành tặng bạn văn và những bạn đọc muốn sưu tập sách mới.

Thư từ xin gửi cho ông ĐỖ-MẠNH-TƯỜNG

201-11, Nguyễn-Huệ, Phú-Nhận — Saigon

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Steu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Dinh-Phung

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

● Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

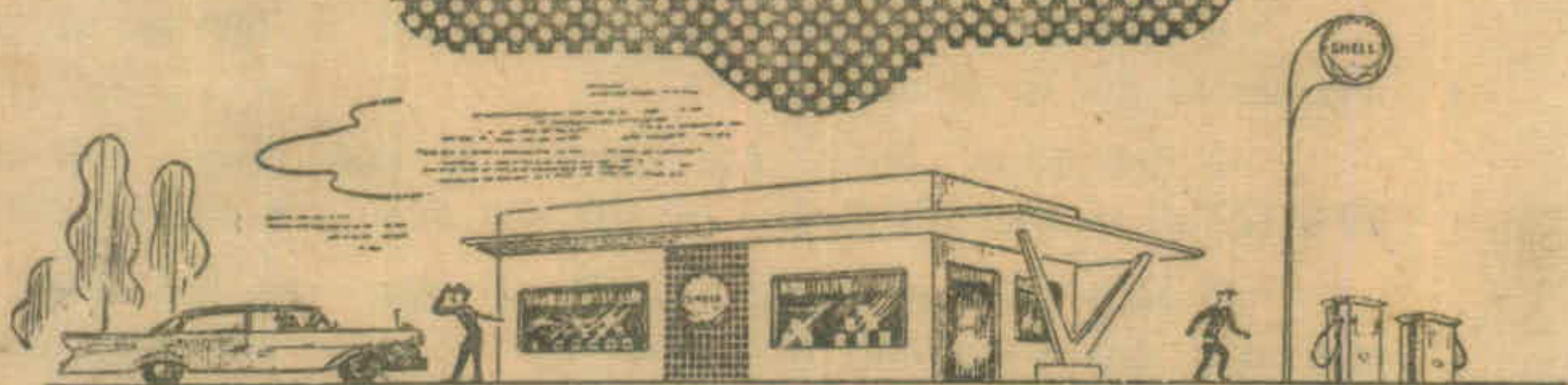
— Trả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn **50** năm tại Việt-Nam 